

PHẦN THỨ TƯ

THÀNH QUẢ, BÀI HỌC VÀ TRIỂN VỌNG

Chương ix

**THÀNH QUẢ, Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ
CỦA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT
VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM**

I. QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM -
TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT VÀ QUY LUẬT GIÀNH THẮNG LỢI CỦA
HAI DÂN TỘC VIỆT NAM, LÀO TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG

**1. Sự thành hình quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào -
Việt Nam - bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, Lào**

Vị trí địa - chiến lược của Việt Nam và Lào ở vùng Đông Nam á¹ đặt ra yêu cầu tất yếu về sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa hai dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ đất nước. Yêu cầu đó càng trở nên cấp bách khi nhân dân hai nước đều bị đặt dưới ách thống trị của thực dân Pháp từ cuối thế kỷ XIX. Từ lúc bấy giờ, các phong trào yêu nước bùng nổ liên tục ở Việt Nam, Lào và xuất hiện nhiều hoạt động phối hợp giữa nghĩa quân và nhân dân hai bên đường biên giới kéo dài trong 20 năm đầu thế kỷ XX.

Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó, trong thập niên 20 thế kỷ trước, Nguyễn ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và luận điểm cách mạng của Người, đồng thời lãnh đạo xây dựng tổ chức cách mạng tại Việt Nam và Lào, mở đường *tạo lập quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào*. Hoạt động của Nguyễn ái Quốc được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

a) Khẳng định con đường cách mạng vô sản là con đường giải

¹. Xem Chương I cuốn sách này.

phóng và phát triển của Đông Dương, là cơ sở bền vững của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Đáp ứng nguyện vọng thiết tha của nhân dân Đông Dương là trút bỏ gông cùm nô lệ của tư bản Pháp, được sống trong độc lập, tự do, Nguyễn ái Quốc đưa ra luận điểm quan trọng nhất về giải phóng Đông Dương, đó là *con đường cách mạng vô sản*. Chỉ trên cơ sở đó hai dân tộc Việt Nam, Lào mới xây dựng được mối quan hệ bình đẳng, chân thành, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do.

Từ năm 1921, trong bài “Đông Dương” đăng trên *La Revue Comuniste* (Tạp chí *Cộng sản*), số 15, Nguyễn ái Quốc dựa trên cứ liệu lịch sử để khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu á hơn là châu Âu. Theo dòng tư duy đó, trong cụm bài viết về chủ đề *Đông Dương* (1923 - 1924), Nguyễn ái Quốc nhấn mạnh: sự nghiệp giải phóng các dân tộc ở Đông Dương gắn liền với giải phóng xã hội và giải phóng con người theo quỹ đạo của cách mạng vô sản. Nhưng lúc ấy, cách mạng Đông Dương chưa đến độ chín muồi để bùng nổ và giành thắng lợi.

Sự thật là tuy người Đông Dương chưa có những điều kiện cần thiết để hiểu biết lý luận, lại bị đầu độc và giam hãm trong tình trạng lạc hậu, nhưng Nguyễn ái Quốc đã thấy rõ *sức sống mãnh liệt của người Đông Dương*. Từ đó, Người đề nghị Quốc tế Cộng sản tăng cường giúp đỡ cách mạng Đông Dương về đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng.

b) Tuyên truyền, giảng giải lý luận cho dân hiểu, để dân đoàn kết và đấu tranh

Đầu những năm 20 thế kỷ XX, Nguyễn ái Quốc ra sức tuyên truyền để nhân dân Pháp hiểu rõ bản chất xấu xa của chế độ thuộc địa mà ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc bị áp bức; đồng thời,

Người tham gia sáng lập và phát hành báo *Le Paria*¹ (*Người cùng khổ*), một công cụ tuyên truyền, giác ngộ nhân dân các nước thuộc địa Pháp. Đông Dương là một địa chỉ tiếp nhận và lưu hành tờ báo này.

Trước khi rời nước Pháp lên đường về nước, Người đặt câu hỏi cho các bạn cùng hoạt động và tự nêu câu trả lời cho riêng mình:

“Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc...

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, *đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập*”² (BBS nhấn mạnh).

ở thời điểm khơi nguồn cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng Nguyễn ái Quốc đến với nhân dân Đông Dương, cuốn sách “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” của Nguyễn ái Quốc (xuất bản năm 1925 tại Pari), được chuyển tới nhiều thuộc địa Pháp, giác ngộ dân chúng tư tưởng cách mạng giải phóng thuộc địa và xây dựng xã hội mới theo gương Cách mạng tháng Mười Nga.

Nguyễn ái Quốc đưa ra luận điểm mới của mình về phương pháp đấu tranh, thủ tiêu chế độ tư bản bằng sự hợp lực giữa giai cấp vô sản ở chính quốc và giai cấp vô sản thuộc địa như muốn giết một con đĩa, thì phải đồng thời cắt cả hai vôi của nó. Hình tượng trên giúp người đọc thấu hiểu cách mạng thuộc địa là một bộ phận hữu cơ của cách mạng vô sản thế giới, như Nguyễn ái Quốc đã viết: “... khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”³.

¹. Báo *Le Paria*: cơ quan tuyên truyền của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, xuất bản từ tháng 4 năm 1922 đến tháng 4 năm 1926, đình bản sau số 38.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.192.

³. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.124.

Nguyễn ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc), tháng 11 năm 1924. Đầu năm 1925, Người mở lớp huấn luyện cho những thanh niên Việt Nam yêu nước đang ham muốn tiếp nhận lý luận chính trị. Dựa trên cơ sở các bài giảng tại lớp huấn luyện, Nguyễn ái Quốc viết tác phẩm “*Đường cách mệnh*” nêu bật giá trị của lý luận cách mạng đối với sự thành công của cách mạng.

“*Đường cách mệnh*” rất xứng đáng là cuốn sách giáo khoa lý luận, chính trị và phương pháp hoạt động cách mạng; là tác phẩm giáo dục đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng, ý chí đấu tranh cho cán bộ và quần chúng nhân dân Việt Nam, Lào - những địa bàn mà Nguyễn ái Quốc đang dốc lòng, dốc sức gieo mầm cách mạng¹.

Giữa năm 1925, Nguyễn ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* và sáng lập báo *Thanh niên* - tờ báo cách mạng đầu tiên bằng chữ quốc ngữ, thực hiện chức năng giáo dục, tập hợp và thống nhất tư tưởng, hành động của các chiến sĩ cách mạng và trang bị kiến thức chính trị cho đội ngũ cán bộ vận động quần chúng.

Thời gian hoạt động tại Xiêm, Nguyễn ái Quốc sinh sống, lao động chan hoà và giáo dục tinh thần yêu nước, cách mạng cho đồng bào Việt kiều tại các địa bàn này. Đặc biệt, Người đến Noong Khai gặp gỡ một số cán bộ hoạt động từ Viêng Chăn sang để nắm tình hình cách mạng Lào. Năm 1928, Người tới lãnh thổ Lào để tuyên truyền trong người Việt về chính trị, tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc...

Kết quả dân vận của Nguyễn ái Quốc tại Xiêm và Lào là nhân tố quan trọng tạo dựng *nền móng bền chắc của lực lượng hậu thuẫn cho cách mạng Việt Nam và Lào*.

¹. *Nghị quyết chính trị của Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông D-ơng*, tháng 3 năm 1935, cho biết, ở Lào, tác phẩm “*Đ-ường cách mệnh*” được dùng làm tài liệu huấn luyện (xem *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.20).

c) Đề xuất chủ trương cách mạng Đông Dương do nhân dân Đông Dương tự tiến hành, kết hợp với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Đông Dương bị đầu độc và áp bức, bóc lột nặng nề nhưng không phải vì thế mà tiềm năng cách mạng của họ bị vơi cạn. Làm sáng tỏ vấn đề đó, Nguyễn ái Quốc khẳng định: “Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi”¹.

Nguyễn ái Quốc chỉ rõ: sức mạnh cách mạng to lớn của người Đông Dương hiện chưa bộc lộ, sẽ bùng nổ khi thời cơ xuất hiện. Trách nhiệm của bộ phận ưu tú phải thúc đẩy cho thời cơ chóng tới.

ý thức rõ sức mạnh của thế hệ thanh niên đối với sự thay đổi vận mệnh các dân tộc Đông Dương, Nguyễn ái Quốc kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”².

Để khắc phục sự biệt lập và khơi dậy tình đoàn kết của các nước châu á, tháng 7 năm 1925, nối tiếp nhiều hoạt động của *Hội Liên hiệp thuộc địa* (1921 - 1926), Nguyễn ái Quốc chủ động phối hợp với một số nhà cách mạng Trung Quốc thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*, một tổ chức quốc tế đoàn kết nhiều dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa như Việt Nam, Trung Quốc, ấn Độ, Triều Tiên, Indônêxia. Tuyên ngôn của Đại hội thành lập Hội nêu rõ: “con đường thoát duy nhất để xóa bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới áp dụng những phương pháp cách mạng để lật đổ về căn bản chủ nghĩa tư bản đế quốc cực kỳ hung ác”².

Về sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Đông

¹, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.28; t.2, tr.133.

². T. Lan: *Vừa đi đ- ờng vừa kể chuyện*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.27.

Dương, tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản năm 1924, Nguyễn ái Quốc nêu lên những thủ đoạn cướp đoạt ruộng đất và nhiều loại thuế đánh vào nông dân Việt Nam và các thuộc địa ở châu Phi, gây nên nạn bần cùng, nổi phẫn uất cao độ và đương nhiên những phản ứng quyết liệt của họ với chế độ thuộc địa đã diễn ra. Song họ đều bị đàn áp khốc liệt. Đó là do nông dân thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Người đề nghị “Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng”¹.

Trên diễn đàn Đại hội III Quốc tế Công hội đỏ, Nguyễn ái Quốc cho rằng, ở Đông Dương, thực dân Pháp đã phục hồi chế độ nô lệ. Nhưng giai cấp vô sản Đông Dương chưa thể làm gì được để chống lại chế độ bóc lột đó, vì chưa xây dựng được tổ chức nào của họ. Người đã chỉ ra lối thoát: “... với sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng gần gũi với Quốc tế Công hội đỏ, chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi”³. Tiếp theo, Người kiến nghị: “... các đồng chí chúng ta trong các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi”⁴.

Một kết quả hoạt động kịp thời của Nguyễn ái Quốc là Tổng Công hội thống nhất (Pháp) kiến nghị đưa vào Nghị quyết của Đại hội những nhiệm vụ trước mắt: “1- Tổ chức những người Đông Dương hiện làm việc ở Pháp.

2- Tiến hành một chiến dịch mạnh mẽ vì quyền công đoàn của người bản xứ song song với chiến dịch cho công chức.

3- Cử những đại biểu thường trực (ít ra là 2) sang Đông Dương với sứ mệnh là tuyên truyền trong dân bản xứ và tổ chức họ”².

¹, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.289, 292-293, 293.

². Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1,

d) Chủ động sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thành hình

Nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng đã được Nguyễn ái Quốc luận định sáng rõ trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*”. Đó là đảng cách mạng phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể lãnh đạo dân chúng trong nước và đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới. Theo đó, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với hy vọng: nó là quả trứng, sẽ nở ra con chim non cộng sản.

Tổ chức và hoạt động của Hội phát triển rộng khắp toàn Đông Dương. Riêng tại Lào, từ năm 1928 tổ chức Hội đã được thành lập tại Viêng Chăn, Thà Khẹt, Phôn Tiệu, Xavannakhet, qua đó “*Đường cách mệnh*”, báo *Thanh niên* và nhiều tác phẩm của Nguyễn ái Quốc cũng được truyền bá tại Lào.

Những hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đào tạo cán bộ, xây dựng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn ái Quốc tiến hành sâu rộng, đã tác động trực tiếp tới sự chuyển biến của cách mạng Việt Nam và Lào, đưa tới sự ra đời của *Đông Dương Cộng sản Đảng* (tháng 6 năm 1929), *An Nam Cộng sản Đảng* (tháng 11 năm 1929), *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* (cuối tháng 12 năm 1929), xuất hiện một yêu cầu cấp bách là thành lập một Đảng Cộng sản.

Trước tình hình đó, Nguyễn ái Quốc chủ động tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hồng Công vào đầu năm 1930 và đến tháng 10 cùng năm, đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Những sự kiện trên đánh dấu năm 1930 quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thành

hình. Từ đây, cách mạng Việt Nam và Lào mở ra hướng đi mới dẫn tới thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của hai dân tộc Việt Nam, Lào.

Nội dung văn kiện của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn ái Quốc soạn thảo thể hiện rõ bản chất của Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành cách mạng ruộng đất giải phóng nông dân khỏi ách bóc lột phong kiến... để đi tới xã hội cộng sản. Trong hai nhiệm vụ đó, *cách mạng giải phóng dân tộc giữ vai trò quan trọng nhất và được tiến hành bằng sức mạnh đại đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các đảng phái yêu nước*. Những luận điểm trên có giá trị phổ biến đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào.

Quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trải qua quá trình đoàn kết đấu tranh của hai dân tộc đã tích tụ, toả sáng nhiều giá trị và công tích giàu ý nghĩa cách mạng và văn hoá, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxôn Phômvihản nhất trí đặt tên là *quan hệ đặc biệt*. Trong bài trả lời phóng viên báo *Nhân dân*, ngày 4 tháng 7 năm 1989, Chủ tịch Cayxôn Phômvihản cho biết:

“Khi thảo luận về mối quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước và giữa nhân dân hai nước, Bác Hồ và chúng tôi đều thấy rằng, ngoài mối quan hệ giữa hai Đảng cùng chung lý tưởng cộng sản, giữa hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng thì mối quan hệ giữa hai Đảng Cộng sản, giữa nhân dân hai nước chúng ta còn có sự gắn bó thân thiết không giống bất cứ nước nào. Bác Hồ và chúng tôi cùng suy nghĩ.

Bác Hồ tay gõ lên trán và nói: “chúng ta phải gọi là quan hệ đặc biệt”.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với Bác vì đó là sự thật lịch sử”.

Lịch sử đấu tranh lâu dài, anh dũng và sáng tạo của hai dân tộc

Việt Nam, Lào trải qua các chặng đường cách mạng giành độc lập dân tộc, kháng chiến đánh thắng các cuộc xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tìm đường đổi mới và hội nhập quốc tế, thu được nhiều thành quả quan trọng có ý nghĩa lịch sử. Tất cả đều hiện rõ nét đặc sắc nhất của nó, đó là *quy luật giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào*.

Bằng cách nhìn tổng quát cuộc kháng chiến của ba dân tộc Việt, Miên, Lào chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên nhận xét về tác động khách quan, tất yếu giữa các cuộc kháng chiến của ba dân tộc: “kháng chiến Việt - Miên - Lào là chung của chúng ta, là bổn phận của chúng ta”¹ không một nước nào tách khỏi hai nước kia mà giành được thắng lợi. Luận điểm này cũng khẳng định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là quy luật giành thắng lợi của cách mạng hai nước Việt Nam, Lào.

Xuất phát từ quan điểm chung đó, Người tuyên bố: “Chính phủ, Mặt trận và nhân dân Việt Nam *ra sức hết lòng thành thực giúp Mặt trận, nhân dân Lào một cách không có điều kiện*”² (BBS nhấn mạnh).

Về *quy luật* của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Chủ tịch Cayxôn Phômvihản dựa trên thực tiễn lịch sử cách mạng của hai dân tộc Lào, Việt Nam đã nhận định: “Trong quá trình vận động cách mạng của hai nước anh em, mối quan hệ đặc biệt đã được xây dựng và không ngừng được vun đắp.

Qua những thử thách trong sóng gió quyết liệt của thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ hung ác nhất của nhân loại, mối quan hệ đặc biệt giữa Lào và Việt Nam chẳng những không ngừng được củng cố, tăng cường mà còn tạo thành sức mạnh không

¹, ². Hồ Chí Minh: *Lời phát biểu tại Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào lần thứ nhất*, tháng 9 năm 1952. Tài liệu 1- u tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

gì lay chuyển được.

Trong thực tiễn đấu tranh lâu dài ấy, Đảng ta đã xác định điều đó như một *quy luật* của cách mạng nước ta”¹ (BBS nhấn mạnh).

Quy luật của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào do Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Cayxôn Phômvihản phát hiện là kết quả vận dụng sáng tạo sức mạnh to lớn của cách mạng vô sản, bao gồm trong đó cách mạng giải phóng dân tộc, mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã tổng kết trong khẩu hiệu “*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*” vào điều kiện cụ thể của hai dân tộc Việt Nam, Lào. Đồng thời, theo dòng tư duy của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao khẩu hiệu: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” dành cho dân tộc Việt Nam và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Tinh thần ấy được thể hiện trong nhiều tác phẩm và hoạt động thực tiễn của Người.

2. Quan điểm, nguyên tắc và phương pháp xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Trong quá trình xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam hai dân tộc Việt Nam, Lào đều quán triệt và thực hiện *quan điểm* của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*giúp bạn là mình tự giúp mình*”, một quan điểm thể hiện cô đọng, hài hòa, đúng đắn lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế trong hành động của mỗi người, mỗi tổ chức được giao trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đó.

Quan điểm “giúp bạn là mình tự giúp mình” có tác dụng giáo dục tư tưởng, cổ vũ, khích lệ và tạo động lực cho hai dân tộc Việt Nam, Lào giúp nhau giành thắng lợi trong mọi chặng đường cách

¹. Cayxôn Phômvihản: *Bài nói tại Hội nghị cán bộ toàn quốc*, ngày 13 tháng 5 năm 1974. Tài liệu 1- u tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

mạng dù phải hy sinh tài sản và tính mạng. Mặt khác, nó bác bỏ ý nghĩ sai lầm cho rằng giúp bạn là ban ơn.

Quan điểm “giúp bạn là mình tự giúp mình” còn bao hàm ý thức tự giác, tự nguyện của nhân dân hai nước dành cho nhau ở mức độ tối đa về tinh thần và lực lượng, tính mạng và tài sản, được thấm sâu vào ý nghĩ và hành động từ các cơ quan lãnh đạo tối cao đến quần chúng nhân dân các địa phương; từ cán bộ, chiến sĩ hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục; từ nhiều gia đình đến các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trên các chặng đường cách mạng.

Nhiệm vụ giúp bạn cần phải tiến hành theo *phương pháp* giúp bạn để nâng cao năng lực từ thấp lên cao, tiến tới tự giải quyết các nhiệm vụ cách mạng của dân tộc mình, vì *cách mạng nước nào phải do nhân dân nước ấy tự làm, kết hợp với sự hỗ trợ của bạn bè quốc tế*.

Thực hiện nhiệm vụ vun đắp quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đều rất coi trọng thực hiện *nguyên tắc tôn trọng quyền độc lập, tự chủ, bình đẳng và dân chủ của hai bên*, được thể hiện rất rõ ràng trong các lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxôn Phômvihản.

Tháng 9 năm 1952, tại Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Cán bộ Việt Nam sang công tác ở Lào phải hoàn toàn ở dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Trung ương Lào, nhất là của Thủ tướng Xuphanuvông. Tuyệt đối không được tự cao, tự đại, không được bao biện. Bất kỳ việc gì phải nghe Chính phủ Lào, cán bộ Việt Nam phải đoàn kết tinh thần, đoàn kết công tác với cán bộ và nhân dân Lào. Đây là mệnh lệnh của Chính phủ Trung ương Việt Nam cho cán bộ tình nguyện Việt

Nam đi công tác ở Lào¹.

Giải thích rõ nguyên tắc độc lập, tự chủ và giá trị của nó, trong bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ toàn quốc (Lào), ngày 13 tháng 5 năm 1974, Chủ tịch Cayxôn Phômvihản nói: “Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải do nhân dân ta tự làm lấy.

Đảng ta là một đảng lãnh đạo cách mạng thực sự, do đó phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, mỗi một dân tộc có độc lập tự chủ, mỗi một đảng có độc lập, tự chủ thì mới chứng minh một cách đầy đủ chủ nghĩa yêu nước nồng nàn kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng”².

Trong quan hệ công tác giữa hai Đảng, cần coi trọng thực hành *dân chủ* và thành khẩn *tự phê bình và phê bình*, coi đó là những biện pháp tăng cường đoàn kết chặt chẽ vì mục tiêu giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào và toàn Đông Dương mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở: “Mong cán bộ Việt Nam làm việc ở Lào thành khẩn, thật thà tự phê bình và mong các đồng chí Lào cũng phê bình anh em Việt Nam thật thà không nể nả. Mục đích là thật thà với nhau, giúp nhau tiến bộ và do đó đoàn kết chặt chẽ hơn, nể nả là sai. Vì cách mạng, vì đoàn kết ba dân tộc mà phê bình”³.

Gắn liền với phương pháp trên, Người còn nhấn mạnh lẽ lỗi làm việc *dân chủ* trong sự phối hợp hoạt động của hai Đảng và theo lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại cuộc hội đàm giữa cán bộ lãnh đạo của hai Đảng năm 1961: (Hai bên) nhất trí nhưng không miễn cưỡng, phải bàn bạc phân minh, nêu cho hết ý kiến nhưng quyết định là Đảng Lào, vì cách mạng Lào do người Lào làm lấy.

¹, 3. Hồ Chí Minh: *Lời phát biểu tại Hội nghị cán bộ Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào lần thứ nhất*, Tài liệu đã dẫn.

². Cayxôn Phômvihản: *Bài nói tại Hội nghị cán bộ toàn quốc*, ngày 13 tháng 5 năm 1974, Tài liệu đã dẫn.

Tại cuộc hội đàm với Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Nhân dân Lào, ngày 9 tháng 7 năm 1961, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trình bày về một số nguyên tắc lớn và lề lối làm việc giữa hai Đảng, bao gồm những nội dung:

“Mọi công việc ở Lào đều do Đảng Lào phụ trách. Cách mạng Lào do đồng chí Lào lãnh đạo. Đường lối, chủ trương do Đảng Lào đề ra, Việt Nam góp ý kiến. Cũng có lúc Việt Nam thấy vấn đề trước thì Việt Nam sẽ đề xuất ý kiến trước nhưng quyền quyết định vẫn do Đảng Lào”¹.

ở phạm vi quan hệ giữa Đảng Lào với các đảng anh em khác thì “Đảng Lào tự mình bàn bạc thương lượng với các đảng anh em trong mọi vấn đề có liên quan. Trong phạm vi nào đó, theo yêu cầu của các đảng anh em và với sự thoả thuận của Đảng Lào, Việt Nam có thể làm trung gian giúp đỡ”².

Về quan hệ giữa hai nước, hai Chính phủ, đồng chí Lê Duẩn cho rằng: “tất nhiên có những quan hệ khác hơn quan hệ hai Đảng. Những vấn đề lớn trong quan hệ giữa hai Chính phủ thì hai Đảng cũng cần có sự trao đổi ý kiến trước với nhau”³.

Đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào, biểu thị sự nhất trí với những nguyên tắc và lề lối làm việc giữa hai Đảng do đồng chí Lê Duẩn nêu ra. Tiếp đó, đồng chí nói rõ những nhiệm vụ cần Việt Nam giúp đỡ: “Giúp về đường lối, chính sách, nhưng giúp đào tạo cán bộ là vấn đề mấu chốt.

Giúp củng cố và mở rộng cơ sở đảng. Trong lực lượng vũ trang cũng giúp bồi dưỡng cán bộ và phát triển cơ sở đảng. Kinh tế là vấn đề mới, cần có sự giúp đỡ, nhất là trong vùng căn cứ, cả trước mắt

¹, ², ³. Tổng cục Chính trị: *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008, tr.317-318.

và lâu dài, làm thế nào để vùng căn cứ trở thành một tấm gương mẫu mực cho các vùng khác”¹.

Những quan điểm, nguyên tắc và phương pháp xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam do lãnh đạo của Việt Nam và Lào nhất trí đề ra, được cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang các ngành, các đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương,... của hai nước quán triệt và thực hiện trong thời chiến và thời hoà bình xây dựng đất nước, nhờ vậy đã góp phần rất quan trọng vào sự thành công của cách mạng hai nước Việt Nam, Lào.

Tất cả giá trị của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đều hiển hiện đậm nét đặc trưng *mẫu mực, thuỷ chung, trong sáng, bền vững, chưa từng có trong lịch sử quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới*.

II. NHỮNG THÀNH QUẢ CƠ BẢN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM

1. Hai dân tộc Việt Nam, Lào sát cánh bên nhau cùng tiến hành khởi nghĩa tháng Tám 1945, giành độc lập dân tộc

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9 năm 1939), từ tháng 11 năm 1939 đến tháng 5 năm 1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã sớm đưa ra những luận điểm và chủ trương quan trọng chuẩn bị cho công cuộc khởi nghĩa giành độc lập, tự do cho các dân tộc Việt Nam, Lào, Miên. Do điều kiện cụ thể khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ có hai nước Việt Nam, Lào tiến hành khởi nghĩa giành được quyền độc lập.

¹. Tổng cục Chính trị: *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008, tr.318-319.

Các luận điểm và chủ trương của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện ở các vấn đề sau:

a) Đánh giá xác đáng tình hình chính trị, xã hội Đông Dương và chỉ rõ mâu thuẫn cần giải quyết

Bằng cách nhìn nhận khách quan và cách mạng, tháng 11 năm 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho rằng, Chiến tranh thế giới thứ hai làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc và các dân tộc thuộc địa càng phát triển gay gắt, các dân tộc bị áp bức sẽ vùng dậy đấu tranh chống đế quốc xâm lược để trút bỏ ách tôì đòi: “cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị gây nên bởi đế quốc chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mệnh Đông Dương nổ bùng và tiền đề cách mệnh giải phóng Đông Dương nhất định sẽ quang minh rực rỡ”¹.

Lúc bấy giờ, thực dân Pháp thi hành ở Đông Dương chính sách phát xít. Bọn phong kiến Việt, Miên, Lào cam tâm làm tay sai cho đế quốc Pháp, hô hào thanh niên đi lính, vơ vét tài sản của nhân dân Đông Dương để cung phụng cho “mẫu quốc” khiến: “ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng mong muốn độc lập, tự do, và đang trong tư thế một người lên tiếng vạ người ủng hộ”².

Tháng 9 năm 1940, quân Nhật kéo vào chiếm Đông Dương, tròng thêm vào cổ nhân dân Đông Dương một ách thống trị, đẩy mâu thuẫn giữa các đế quốc Pháp, Nhật với các dân tộc, các giai cấp tại Việt Nam, Lào, Miên lên tới *mức độ rất quyết liệt*, đúng như nhận định của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 5 năm 1941: “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.535.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.174.

giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”¹. Đó chính là *mâu thuẫn cơ bản và cũng là mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi cách mạng Đông Dương phải giải quyết*. Quan điểm trên sẽ chi phối nhiều quyết định quan trọng của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng trong tiến trình lãnh đạo công cuộc đấu tranh giành quyền độc lập, tự do của các dân tộc Việt Nam, Lào.

b) Xác lập các luận điểm về vấn đề dân tộc ở Đông Dương

Trong hoàn cảnh các dân tộc Đông Dương đang bị giam hãm trong ngục tù nô lệ của chế độ thuộc địa, bị tước bỏ mọi quyền tự do, dân chủ, một ước nguyện tha thiết nhất của nhân dân các dân tộc Đông Dương là đánh đổ chế độ thực dân, giành lại chủ quyền dân tộc. Do vậy, tại Hội nghị lần thứ sáu, tháng 11 năm 1939 và Hội nghị lần thứ tám, tháng 5 năm 1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều quan niệm:

Một là, vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề hàng đầu trong hệ thống luận điểm vấn đề dân tộc ở Đông Dương. Nó phải được đặt ở vị trí cao nhất, bức thiết nhất; tất cả quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phương hại lợi ích dân tộc, thì phải gác lại giải quyết sau.

Hai là, giải quyết đúng quyền “dân tộc tự quyết” cho các dân tộc ở Đông Dương. Ngay từ tháng 11 năm 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương sau khi độc lập: “Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình, song sự tự quyết cũng không nhất định nghĩa là rời hẳn nhau ra”².

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh và mở rộng thêm: Quyền tự do, độc lập của mỗi dân tộc được thừa nhận và tôn trọng. Mỗi dân tộc đều có quyền bảo tồn, phát

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.112.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.542.

triển văn hoá của dân tộc mình. *Đối với các dân tộc Lào, Miên, dân tộc Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ trên bước đường đấu tranh vì độc lập, tự do.*

Ba là, cần xây dựng khối đoàn kết của các dân tộc ở Đông Dương mới có đủ sức mạnh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp, Nhật; đồng thời, cần mở rộng quan hệ đoàn kết với các lực lượng cách mạng và dân chủ chống phát xít trên thế giới.

Thực dân Pháp và quân phiệt Nhật dùng chính sách chia để trị giữa các dân tộc Việt, Miên, Lào, và nội bộ từng dân tộc. Mặt khác, ba dân tộc này ở Đông Dương đều nằm dưới ách thống trị của Pháp và Nhật. Vì thế, muốn đánh đổ ách thống trị đó, cần huy động lực lượng đoàn kết, thống nhất của ba dân tộc.

Nhìn rộng ra thế giới, cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới, đứng trong phe dân chủ chống phát xít và gắn bó chặt chẽ với cách mạng Trung Quốc¹, Liên Xô.

c) Quyết định thực hiện một nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc

Căn cứ vào sự chuyển biến tình hình thế giới và Đông Dương, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xác định rõ: *Đảng phải thay đổi chính sách, để đánh đổ chế độ thuộc địa giành quyền sống cho ba dân*

¹. Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản, tháng 7 năm 1939, cho biết: Dân chúng đã thấm nhuần tinh thần khẩu hiệu “Giúp đỡ Trung Quốc” và bằng chứng là, dù đói khổ, từ tháng 3 năm 1938 đến tháng 2 năm 1939, họ đã quyên góp 579 đồng vào cuộc lạc quyên ủng hộ các chiến sĩ Trung Quốc, do các báo cộng sản ở Bắc Kỳ tổ chức. Ng- ời còn cho biết thêm: những ng- ời cộng sản Đông D- ơng đã sáng tác bài hát “Giúp Trung Quốc tức là giúp mình”, bài hát này được phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Nhiều nơi đã tổ chức biểu diễn ban đêm và ng- ời biểu diễn là công nhân, nông dân, nhất là thanh niên. Họ th- ờng phối hợp với thanh niên Trung Quốc để tiến hành. (Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.158).

tộc Việt, Miên, Lào.

Nếu như *Luận cương chính trị của Đảng* tháng 10 năm 1930 cho rằng, trong cách mạng tư sản dân quyền (Đại hội II của Đảng gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) phải thi hành triệt để cách mạng ruộng đất và đánh đổ chủ nghĩa đế quốc làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, thì đến tháng 11 năm 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề xuất chủ trương mới: “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao... cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết. Vì vậy,... trong lúc này chỉ mới *tích ký ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc*”¹ (BBS nhấn mạnh).

Tiến thêm một bước mới, tại Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đưa ra một quyết định quan trọng là *thay đổi chiến lược cách mạng* với hàm nghĩa “cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là *cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”*” (BBS nhấn mạnh)². Vì thế cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

d) Xúc tiến công tác xây dựng đảng và lực lượng cách mạng

Trong khi xác định các chủ trương mới của Đảng nhằm “*dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng*”² (BBS nhấn mạnh), Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đặc biệt nhấn mạnh tầm quan

¹, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.539; t.7, tr. 119.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.552.

trọng của công tác xây dựng đảng với trọng tâm là thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng; thắt chặt quan hệ Đảng với quần chúng; nâng cao trình độ lý luận và lựa chọn cán bộ để chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng; khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và mối liên hệ của các cấp bộ đảng từ chi bộ tới Trung ương; cần cù cố gắng, mở rộng cơ sở đảng tại thành thị và trung tâm công nghiệp, đồn điền. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặc biệt chú trọng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ *gây dựng cơ sở đảng ở Miền, Lào*.

Giải thích nguyên do dẫn tới khó khăn lớn của cách mạng Đông Dương, trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* tháng 7 năm 1940, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc cho biết Đảng còn quá yếu, vì phần lớn số cán bộ có kinh nghiệm đấu tranh hiện đang bị giam giữ trong nhà tù đế quốc.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương kiểm điểm công tác xây dựng đảng từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu và cho rằng: tình hình Đông Dương biến đổi nhiều, Đảng đã lãnh đạo được nhiều cuộc đấu tranh nhưng cũng bỏ lỡ nhiều cơ hội lãnh đạo phong trào quần chúng phát triển để có thể đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh các công tác trọng tâm:

Công tác đào tạo cán bộ là công tác rất cấp bách và phải thực hiện bằng nhiều phương pháp như giáo dục lý luận, đào luyện trong công tác thực tiễn và trao đổi kinh nghiệm hoạt động trong các tầng lớp xã hội như công nhân, binh lính; phải nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng của giai cấp vô sản và kết nạp họ vào Đảng. Cần phát triển phong trào đấu tranh tại đô thị, nhà máy, hầm mỏ, lấy đó làm đầu tàu lôi kéo phong trào các nơi khác.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng *phân công Đảng bộ Trung Kỳ chịu trách nhiệm tổ chức, gây cơ sở đảng ở Lào*, Đảng bộ Nam Kỳ thực hiện nhiệm vụ đó tại Cao Miên. Đồng thời, phải lập những

ủy ban chuyên môn vận động các dân tộc thiểu số, làm cho họ trở thành lực lượng hậu thuẫn của cách mạng.

Cùng với các nhiệm vụ trên, Đảng phải chú trọng tổ chức hệ thống giao thông, liên lạc vững chắc, đa dạng giữa các cấp.

Trên bước đường hướng tới thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho các dân tộc Việt, Miên, Lào, lãnh tụ Hồ Chí Minh hướng dẫn các đảng bộ: “phải biết nhằm vào các công tác trung tâm mà tiến tới, phải nắm lấy thời cơ thuận lợi mà làm việc. Làm sao cho đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng”¹.

Trong công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị, Mặt trận thống nhất dân tộc giữ một vị trí rất quan trọng. Theo quan điểm của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, để tiến hành giải phóng dân tộc, tự cứu sống mình, trước hết phải thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* nhằm đoàn kết các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái và phần tử phản đế theo tinh thần: “Công nông phải đưa cao cờ cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ còn có cảm tức đế quốc, vì sự căm tức ấy có thể làm cho họ có ít nhiều tinh thần chống đế quốc”².

Đến tháng 5 năm 1941, quán triệt luận điểm đại đoàn kết dân tộc của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định *xây dựng tại mỗi quốc gia một mặt trận thống nhất dân tộc* và mang “cái tên khác (tức Mặt trận thống nhất dân tộc - BBS) cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.136.

². 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.540; t.7, tr. 122.

lực dễ hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại”². Theo đó, sẽ thành lập Mặt trận Việt Minh tại Việt Nam. Đồng thời, Đảng và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Lào, Miên thành lập *Ai Lao độc lập đồng minh* và *Cao Miên độc lập đồng minh*. Sau đó, lập ra Đông Dương độc lập đồng minh. Từ đây, bắt đầu xuất hiện ý tưởng hình thành tại ba dân tộc Việt Nam, Lào, Miên tầng Mặt trận thống nhất dân tộc trong mỗi quốc gia và tầng Mặt trận các dân tộc Đông Dương. Đó chính là *lực lượng chính trị cơ bản nhất cùng với lực lượng vũ trang làm nòng cốt, tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng giải phóng của mỗi dân tộc và cả ba dân tộc ở Đông Dương*.

Xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa và chiến khu cũng là *một nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền*.

e) Chỉ đạo phương pháp đấu tranh giành chính quyền

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang khi đã có đủ các điều kiện chủ quan và khách quan.

Khởi nghĩa sẽ diễn ra theo quy trình *khởi nghĩa từng phần* ở từng địa phương mở đường *tiến tới tổng khởi nghĩa*.

Trong thời gian từ cuối năm 1939 đến tháng 8 năm 1945, tuy cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào bị chính quyền Pháp - Nhật đàn áp, khủng bố rất khốc liệt, nhiều cán bộ cấp cao của Đảng và đảng viên bị cầm tù và hy sinh, nhưng dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương, công tác chuẩn bị về nhiều mặt cho công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền vẫn được xúc tiến.

Tại Việt Nam, căn cứ địa Việt Bắc, Mặt trận Việt Minh và nhiều tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo được thành lập; nhiều

đơn vị vũ trang như Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân lần lượt ra đời. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 9 tháng 3 năm 1945), Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị *Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, nhiều chiến khu xuất hiện, khởi nghĩa từng phần ở nhiều địa phương miền Bắc và miền Trung nổ ra thắng lợi.

ở Lào, chính quyền thuộc địa Pháp - Nhật cũng khủng bố riết các tổ chức cộng sản. Cuối năm 1943, Đảng bộ Trung Lào nhận được Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tiếp sau là *Chương trình, Điều lệ Việt Minh*. Giữa lúc đó, số đảng viên hoạt động tại biên giới Lào - Thái chủ động thành lập *Đội Tiên phong*¹, nhằm chuẩn bị lập lại Xứ uỷ Lào. Tháng 2 năm 1945, “Hội Việt kiều cứu quốc”, một loại hình mặt trận thống nhất dân tộc dưới sự lãnh đạo của *Đội Tiên phong* được thành lập. Hội chủ trương đoàn kết các tầng lớp nhân dân, công chức, binh lính, cảnh sát có tinh thần yêu nước, chuẩn bị xây dựng căn cứ địa trên đất Thái Lan.

Sau đó, Xứ uỷ Lào được lập lại lần thứ tư và xác định các đô thị lớn như Viêng Chăn, Thà Khế, Xavannakhet là địa bàn hoạt động chính. Sau ngày quân phiệt Nhật đảo chính Pháp, phong trào cứu nước càng phát triển mạnh mẽ. Tổ chức *Lào ít xalạ* bao gồm công chức, học sinh có tinh thần yêu nước, chịu ảnh hưởng đường lối cứu nước của Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, nhiều căn cứ cách mạng xuất hiện. Tháng 6 năm 1945, đơn vị Việt Nam Độc lập quân được thành lập ở chiến khu trên đất Thái

¹. *Đội Tiên phong* do đồng chí Chấn làm đội trưởng. Các đồng chí Long, Vĩnh, Khanh, Khiếu là uỷ viên sinh hoạt gần nh- một cấp uỷ. Tài liệu do đồng chí Đình Văn Khanh, Uỷ viên Xứ uỷ Ai Lao, Uỷ viên th- ờng trực Ban Công tác miền Tây (CP38) cung cấp.

Lan.

Trung tuần tháng 8 năm 1945, thời cơ giành độc lập cho Đông Dương xuất hiện, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định Tổng khởi nghĩa và tiến hành Hội nghị toàn Đảng tại Tân Trào, Tuyên Quang (ngày 14, 15 tháng 8 năm 1945). Nghị quyết của Hội nghị nêu rõ: “Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương như đã chín muồi; cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”¹. Vào thời điểm này, Bác Hồ gặp các đồng chí đại biểu Xứ uỷ Lào, Người dặn: thời cơ rất thuận lợi cho nhân dân Đông Dương, ở đâu có điều kiện, phải giành được chính quyền trước khi Đồng minh vào. Pháp và Đồng minh Anh, Mỹ gấn bó với nhau. Pháp sẽ núp sau lưng Đồng minh để trở lại xâm lược Việt Nam, Lào, Miên, chúng ta phải đoàn kết để đánh kẻ thù chung.

Nhân dân hai nước Việt, Lào chớp thời cơ, tiến hành khởi nghĩa thành công tháng 8 năm 1945.

Đó là kỳ tích đầu tiên của hai nước Việt Nam - Lào, của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

2. Việt Nam, Lào đoàn kết, liên minh chiến đấu chống đế quốc xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc

Vượt qua khó khăn, thử thách, tạo dựng thực lực của liên minh chiến đấu chống thực dân Pháp

Hai dân tộc Việt Nam, Lào vừa giành được quyền độc lập, đã phải đối phó ngay với thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.

ở Lào, từ khi cuộc kháng chiến bùng nổ đến giữa năm 1950, cách mạng gặp rất nhiều khó khăn, lực lượng liên quân Lào - Việt

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.424.

mới được tổ chức, phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân chỉ mới xuất hiện tại các đô thị lại phải chống chọi với đội quân xâm lược nhà nghề được trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Dù tinh thần chiến đấu của liên quân và nhân dân rất cao, nhưng vẫn không thể cản nổi các cuộc hành quân xâm lược của kẻ thù.

Chính phủ Lào ít ỏi trong tình thế khó khăn của cuộc chiến, phải chuyển sang Thái Lan và dần dần đã diễn ra sự phân hoá, bộ phận tích cực, đứng đầu là Hoàng thân Xuphanuvông, vẫn kiên định lập trường đoàn kết với Việt Nam tiến hành kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Bộ phận khác thoái chí, rời bỏ hàng ngũ kháng chiến hoặc cộng tác với đối phương.

Trên chiến trường Việt Nam, vận mệnh dân tộc đứng trước tình thế hiểm nghèo. Song Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc cao hơn hết thảy và thực thi những phương sách nội trị, ngoại giao hữu hiệu, đưa cách mạng vượt qua thác ghềnh, bảo vệ được thành quả Cách mạng tháng Tám 1945, bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào.

ở đây cũng cần nói thêm rằng, vào thời điểm cuối năm 1945 đầu năm 1946, do những khó khăn vô cùng gay gắt của mình, Nhà nước và nhân dân Việt Nam chưa thể chi viện kịp thời, đầy đủ sức người, sức của cho cách mạng Lào. Dù vậy, những bước khởi đầu quan trọng cũng đã được tiến hành với tầm nhìn thiết thực, cơ bản cho trước mắt và tương lai lâu bền của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

Một là, ngay từ khi mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến trường Việt Nam, Lào đã bị các thế lực đế quốc vây hãm trên biển Đông và lục địa, Trung ương Đảng Cộng sản Đông

Dương xác định nhiệm vụ “phải liên minh với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, đặc biệt với các nước lân cận để củng cố công cuộc cách mạng của mình”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam chỉ đạo các cơ quan ngoại giao mở một *con đường ngoại giao ở hướng tây nam* từ Việt Nam qua Lào tới Thái Lan từ giữa năm 1946 đến giữa năm 1951. Được sự ủng hộ của Chính phủ dân tộc tiến bộ Thái Lan lúc bấy giờ, Chính phủ Việt Nam thành lập một cơ quan ngoại giao tại Băng Cốc gọi là Phái viên quán, nhằm từ đây mở rộng quan hệ ngoại giao với một số nước Đông Nam á và tuyên truyền quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của các nước và các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào. Chính cơ quan này cũng là nơi tiếp xúc giữa phái viên Việt Nam với Hoàng thân Xuphanuvông và nhiều cán bộ yêu nước và tiến bộ của Lào. Nhờ vậy, hoạt động của Việt kiều và nhân dân, cán bộ, lực lượng vũ trang Lào tạm lánh sang Thái Lan hoạt động khá thuận lợi như lập chiến khu để huấn luyện quân sự, mở xưởng sản xuất, sửa chữa vũ khí chi viện cho chiến trường Lào và Việt Nam. Bằng con đường này, nhiều đoàn cán bộ, quân đội Việt Nam và Lào qua lại, trong đó có Hoàng thân Xuphanuvông, được đưa từ Thái Lan sang Việt Bắc.

Tháng 1 năm 1948, vào dịp Miến Điện tuyên bố độc lập, Chính phủ Việt Nam cử bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm phái viên của Chính phủ sang dự lễ độc lập của Miến Điện. Một tháng sau đó, Chính phủ Miến Điện đồng ý để Việt Nam lập cơ quan đại diện tại Rănggun và giúp đỡ cơ sở vật chất cho cơ quan này hoạt động. Cũng như tại Thái Lan, ở đây cơ quan ngoại giao Việt Nam lập phòng thông tin liên lạc với Việt Bắc bằng điện đài, cung cấp tin tức về tình hình quốc tế. Chính phủ Miến Điện cho phép kiều bào

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.99.

Việt Nam và lực lượng kháng chiến Lào cư trú và hoạt động chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu kháng chiến tại Lào, cung cấp cho Việt Nam, Lào 500 khẩu súng và nhiều đạn dược để chuyển sang xây dựng chiến khu Tây Bắc Lào.

Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Rănggun hoạt động đến năm 1959 thì chuyển thành Tổng lãnh sự quán¹.

Các hoạt động ngoại giao trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đã hỗ trợ về nhiều mặt cho cuộc kháng chiến của hai dân tộc Việt Nam, Lào và ươm mầm cho sự phát triển của phong trào ủng hộ cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam, Lào ở những chặng đường nối tiếp.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt đầu tiên của quan hệ Việt Nam - Lào.

Quá trình tạo lập quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào về tổ chức, cán bộ ngay từ khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời và Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập, công tác xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng và chi bộ đảng tại Lào đã được tiến hành với sự tham gia của người Lào và người Việt, nhằm mục tiêu đấu tranh giành độc lập, tự do cho nhân dân Lào mà thắng lợi của khởi nghĩa tháng Tám là một minh chứng hùng hồn. Đến khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, quân và dân Lào, Việt Nam cùng chung sức chống ngoại xâm là *bước phát triển của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong thực tiễn của chiến tranh cách mạng trên quy mô rộng lớn*.

Song hành với những hoạt động trên, việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt đầu tiên cho nhiệm vụ tăng cường quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trở nên rất cấp bách. Phía Việt

¹. Xem: *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.105-107.

Nam, Đảng, Nhà nước và quân đội vừa sử dụng những cán bộ, đảng viên cộng sản từng hoạt động tại Lào, Thái Lan, vừa tiếp tục điều động nhiều cán bộ chính trị, quân sự bổ sung cho đội ngũ này. Đồng thời, trong phong trào cách mạng của dân tộc Lào cũng xuất hiện nhiều cán bộ lãnh đạo xuất sắc, chủ chốt đầu tiên mà tiêu biểu là đồng chí Cayxôn Phômvihản, Hoàng thân Xuphanuvông và một đội ngũ cán bộ tiếp nối giàu tài năng, đạo đức cách mạng.

Con đường đồng chí Cayxôn Phômvihản hoà nhập phong trào cách mạng và tổ chức cách mạng đến với đồng chí diễn ra tại Hà Nội, một địa bàn đấu tranh rất sôi nổi trong giai đoạn chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi quyền tự do dân chủ, cơm áo và hoà bình những năm 1936 - 1939 và tiếp nối sau đó là cuộc vận động tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 11 năm 1939) đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Vốn là một thanh niên yêu nước, tiến bộ, đồng chí Cayxôn Phômvihản lại sớm được tiếp xúc với nhiều bạn bè cùng chí hướng tại trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An, Hà Nội) và trường Đại học Luật Hà Nội. Được đọc nhiều sách, báo, văn kiện của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Cayxôn Phômvihản sớm giác ngộ cách mạng, tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cách mạng giải phóng Đông Dương do lãnh tụ Nguyễn ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương vạch ra. Tiến bước theo hướng đó, trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, cuối năm 1944, đồng chí được kết nạp vào Đoàn Thanh niên cứu quốc thành Hoàng Diệu (Hà Nội).

Trong các chặng đường cách mạng tiếp theo, với trọng trách của người lãnh đạo cách mạng Lào và chung sức với các đồng chí lãnh đạo cách mạng Việt Nam vun đắp, phát triển quan hệ Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, đồng chí Cayxôn Phômvihản đã đảm đương xuất sắc hai sứ mệnh đó.

Cuộc gặp gỡ thân tình giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông diễn ra gần trọn tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội, đã tác động tích cực tới sự phát triển sâu rộng, vững bền của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Chúng ta có thể biết giá trị của những ý kiến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trao đổi với Hoàng thân và nhận thức của ông về cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1945 của nhân dân Việt Nam do chính ông thuật lại cho nhà văn, nhà báo Ba Lan Vôi-xéc Xúcrauxki:

“Tôi bắt đầu sự nghiệp đấu tranh vào năm 1945... Nhờ có dịp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tôi đã học được rất nhiều điều bổ ích. Tôi tham gia cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám chống bọn phát xít Nhật và nhận thấy rằng người Việt Nam đã dựa hẳn vào phong trào toàn dân mà giành được thắng lợi về cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mọi vấn đề đã trở nên rất dễ hiểu đối với tôi. Sau đó tôi về nước để lãnh đạo đấu tranh giải phóng cho nhân dân Lào”¹.

Ngoài những điều trên, những ngày ở Hà Nội cũng là dịp Hoàng thân Xuphanuvông và phu nhân được sống trong tình cảm đầm ấm, thân tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho ông bà, đồng thời cũng được chứng kiến những hành vi đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Người.

Hai ông bà Hoàng thân cùng có chung một ý nghĩ: “Và chính mình quan sát được từng bữa cơm ăn, cái áo mặc, và chỗ ngủ của Bác Hồ, thấy Bác sống giản dị chẳng khác người dân thường mà chúng tôi càng gần gũi kính yêu Người, giống như người thân trong gia đình mình vậy”².

¹. Trần Đ- ơng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hoàng thân Xuphanuvông*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007, tr.21-22.

². 2. Trần Đ- ơng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hoàng thân Xuphanuvông*, *Sđđ*, tr.26.

Với những tố chất yêu nước, thương dân và lòng mong muốn làm thay đổi vận mệnh của dân tộc Lào, từ nô lệ sang độc lập, tự do và thịnh vượng, Hoàng thân Xuphanuvông tiếp nhận rất nhanh chóng tư tưởng Hồ Chí Minh và noi theo tấm gương đạo đức cách mạng cao cả của Người. Điều đó đã tạo nên sự chuyển biến tất yếu từ vị Hoàng thân trở thành nhà cách mạng chân chính trong các lãnh tụ nổi bật nhất của nhân dân Lào và là người có nhiều cống hiến to lớn cho quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam. Về sự biến đổi quan trọng đó, kỹ sư Xinava Xuphanuvông, con trai út của Hoàng thân, cho biết trong *Hồi ký* của mình: “Cha tôi luôn luôn kể cho chúng tôi nghe về những ngày hệ trọng trong cuộc đời ông, trong đó ông nhớ nhất lần đầu gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính cuộc gặp gỡ đó đã biến ông từ một Thái tử của Hoàng gia Lào thành người chiến sĩ cách mạng”².

Từ tháng 10 năm 1945, thời điểm mở đầu quan hệ liên minh chiến đấu Lào - Việt, tại Xê Pôn, sau khi kêu gọi nhân dân Lào đoàn kết cứu nước, Hoàng thân Xuphanuvông đề cập ngay quan hệ Lào - Việt Nam: “Lào và Việt Nam cùng chung một nguyện vọng duy nhất là có nền độc lập dân tộc và quyền dân chủ thực sự, cùng chung kẻ thù là thực dân Pháp muốn trở lại thống trị hai nước chúng ta. Do đó, nhân dân Lào và nhân dân Việt Nam anh em phải đoàn kết nhau lại tiếp tục chiến đấu. Nền độc lập của Lào muôn năm! Tình đoàn kết Lào - Việt Nam muôn năm!”¹.

Tiếp tục bồi dưỡng lý luận chính trị, phương pháp công tác cho đội ngũ cán bộ cách mạng Lào là một nhiệm vụ được Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, mỗi khi có dịp là Người khẩn trương tổ chức thực hiện. Đồng chí Phumi Vôngvichít cho biết, sau khi Đại

¹. Trần Đức Ông: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hoàng thân Xuphanuvông*, Sđd, tr.20.

hội đại biểu toàn quốc Neo Lào ít xala bế mạc tại chiến khu Việt Bắc, tháng 8 năm 1950: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành bốn ngày đêm liền để nói chuyện với đoàn đại biểu chúng tôi. Người giảng giải chủ nghĩa Mác - Lênin cho chúng tôi nghe rất dễ hiểu, rõ ràng, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn con đường mình đi và tin tưởng vào thắng lợi một cách vững chắc hơn trước. Càng nghe càng thấy hấp dẫn, phấn khởi, đến nỗi ngồi nghe đến khuya cũng không buồn ngủ. Hết hạn ở thăm, chúng tôi không muốn xa Người. Chúng tôi được dự hội nghị bồi dưỡng chính trị cho cán bộ Việt Nam, lại được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện, làm cho chúng tôi càng hiểu rõ thêm lý luận cách mạng và nhiệm vụ cách mạng của mình. Sau đó, chúng tôi lại được gặp Chủ tịch ở Hội nghị nông dân. Những lời Người nói đã giúp chúng tôi biết cách vận động nhân dân đoàn kết để đấu tranh cứu nước”.

... “Tôi rất sung sướng được Chủ tịch Hồ Chí Minh giảng giải về lý luận chính trị, rất hấp dẫn và rất sáng. Tôi cũng học được ở Người về cách nói giản dị, sát thực tế, đầy sức thuyết phục và sự kiên trì giáo dục không biết mệt mỏi của Chủ tịch”.

Cùng với những bài giảng về lý luận cách mạng, lối sống và đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là những bài học lớn của đội ngũ cán bộ cách mạng Lào: “Tôi thích nhất lối sống, sinh hoạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người rất giản dị, cởi mở, chân tình, rất thân mật nên rất dễ hoà nhập vào dân chúng...”. “Từ biệt Người, tôi trở về, nhưng thái độ cử chỉ, lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi không bao giờ quên được. Người thật sự là người thầy vĩ đại kính yêu, là kho lý luận cách mạng không bao giờ cạn, là tấm gương sáng, là vị lãnh đạo kính yêu không những của nhân dân Việt Nam anh hùng, mà còn của nhân dân Lào, nhân dân Khome và các dân tộc khác nữa.

Khi chúng tôi trở về nơi họp đại hội gặp anh em đang nghiên

cứu đường lối, chủ trương cách mạng Lào, chúng tôi đã kể lại những bài học vô giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã thu nhận được. Tất cả mọi người đều rất phấn khởi và thêm tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng Lào chúng tôi”¹.

Ba là, xây dựng cơ sở chính trị, phát triển chiến tranh du kích và thắt chặt quan hệ đoàn kết Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào.

Đây là một nhiệm vụ cơ bản, rất quan trọng của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc Lào và cũng là một nhiệm vụ trọng yếu của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào mà phía Việt Nam tự nguyện góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đó.

Tư tưởng chủ đạo mở hướng thực hiện nhiệm vụ trên được nêu ra rất sớm tại Chỉ thị *Về kháng chiến kiến quốc* của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 11 năm 1945. Trong đó chỉ rõ cần vận động nhân dân ở vùng nông thôn Lào tiến hành chiến tranh du kích.

Đến cuối năm 1947, chiến thắng của quân và dân Việt Nam tại chiến dịch Việt Bắc kéo theo sự phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp. Để tạo thêm thế và lực cho sự phát triển cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới trên chiến trường Việt Nam và Lào, cuối tháng 2 năm 1948, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Đội xung phong Lào Bắc, làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị, tổ chức lực lượng vũ trang, xây dựng khu căn cứ Bắc Lào. Tháng 3 cùng năm, Bộ Tổng chỉ huy ra Chỉ thị *Về phương châm, phương hướng hoạt động trên các mặt trận Lào, Miên*, xác định nhiệm vụ giúp đỡ bạn xây dựng cơ sở chính trị là việc cần trước nhất. Nhiệm vụ đó cần thực hiện bằng cách chọn cử cán bộ chính trị hoặc sử dụng lực lượng vũ trang tuyên truyền.

¹. Phumi Vôngvichít: *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất nước Lào* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.69-70.

Giữa năm 1948, đồng chí Võ Nguyên Giáp - được Thường vụ Trung ương phân công chỉ đạo giúp cách mạng Lào và theo dõi việc giúp cách mạng Miên - gặp đồng chí Cayxôn Phômvihản để trình bày một số kinh nghiệm vận động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị, tổ chức dân quân, đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng vũ trang và vùng giải phóng¹.

Sau đó một thời gian, theo quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Cayxôn Phômvihản cùng đồng chí Ma Khảy Khămphithun lãnh đạo một đội vũ trang tuyên truyền gồm mấy chục chiến sĩ người Lào từ Tây Bắc Việt Nam vào Thượng Lào hoạt động, gây dựng cơ sở của khu kháng chiến.

Tại Thái Lan năm 1947, phái cực hữu lên nắm quyền, thi hành chính sách chống phá lực lượng kháng chiến Lào đang hoạt động tại đây. Các nhà lãnh đạo cuộc kháng chiến Lào tổ chức Hội nghị tại Băng Cốc với sự tham dự của Hoàng thân Xuphanuvông và các đồng chí Phumi Vôngvichít, Khăm Tày Xiphăndon,... bàn việc giải quyết những khó khăn và mở hướng phát triển cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon đưa ra giải pháp: “Hoạt động của chúng ta nếu dựa vào đất Thái để hoạt động như thời gian qua sẽ tiếp tục gặp khó khăn, do đó chúng ta phải đưa lực lượng vào hoạt động xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ địa ở trong đất Lào mà nắm lấy dân, dựa vào dân để tiến hành kháng chiến mới làm cho phong trào kháng chiến càng lớn mạnh, phát triển và giành thắng lợi”².

Tháng 2 năm 1949, Chính phủ Lào độc lập đưa một số cán bộ cấp cao và một đơn vị liên quân Lào - Việt mang thư của Hoàng

¹. Xem Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.341.

². Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào: *Hoạt động cách mạng của Chủ tịch Khăm Tày Xiphăndon* (tóm tắt).

thân Xuphanuvông sang Liên khu 5 đề nghị Việt Nam giúp đỡ thành lập khu kháng chiến Hạ Lào.

Đồng chí Phạm Văn Đồng và đại diện Chính phủ Lào độc lập tiến hành thảo luận, thống nhất ý kiến về phương án thực hiện đề nghị trên của Hoàng thân Xuphanuvông.

Khu kháng chiến Tây Bắc Lào cũng được ra đời trong quá trình thành lập hệ thống khu kháng chiến của nhân dân Lào¹.

Trong quá trình thành lập các khu kháng chiến, lãnh đạo hai dân tộc Lào và Việt Nam đã huy động nhiều lực lượng cán bộ Lào, Việt Nam, bao gồm cả một số lượng khá đông Việt kiều ở Thái Lan, thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, mà *công tác vận động quần chúng được đặt ở vị trí hàng đầu*, như đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện của Trung ương và Chính phủ tại Nam Trung Bộ đã nói với các đồng chí cán bộ Việt Nam sang Lào làm nghĩa vụ quốc tế: “chỉ có vận động nhân dân Lào kháng chiến, thì ta mới có thể đánh Pháp”².

Phương pháp vận động quần chúng phổ biến nhất được áp dụng là cán bộ, chiến sĩ thực hiện “ba cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân, và cao hơn nữa là nhiều đồng chí đã tự thay đổi màu da, mái tóc, luyện tiếng nói như người Lào, mặc quần áo không khác gì dân bản địa, khiến binh lính đối phương không thể phát hiện được họ là người Việt Nam. Bằng cách đó, đội quân dân vận đi vào các vùng bị địch kiểm soát tiến hành tuyên truyền, giải thích cho dân hiểu rõ thực dân Pháp là kẻ thù xâm lược, chúng đến Lào để chém giết, cướp bóc và cai trị người Lào, đồng thời chỉ rõ cho dân thấy con đường giải phóng là đoàn kết tất cả người Lào yêu nước, không phân biệt bộ

¹. Về quá trình xây dựng các khu kháng chiến tại Lào, đã viết trong Chương III cuốn sách này.

². Ban Liên lạc quân tình nguyện Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia: *Quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia (1948 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.24.

tộc, tôn giáo, giàu nghèo, người có chức quyền hay dân nghèo, đoàn kết quân dân Lào, Việt mới có thể đánh đuổi được thực dân Pháp xâm lược. Từ chỗ giác ngộ từng người dân, từng vị sư sãi đến giác ngộ những người trưởng tộc, những người nắm giữ quyền hành tại bản, tàxăng (tổng), huyện và các sư sãi, nhân sĩ, các tầng lớp trung gian¹, cô lập bọn tề phản động.

Hiệu quả rất quan trọng và cơ bản của công tác vận động quần chúng ở nhiều nơi là đã xoá bỏ được những mối bất hoà, hiềm khích giữa các nhóm người Lào Lùm và Lào Thương, giữa các bộ tộc, thay vào đó là tình thương yêu, đoàn kết².

Gắn liền với hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, xây dựng khối đoàn kết các bộ tộc, công tác dân vận còn hướng vào thực hiện nhiệm vụ cải thiện đời sống kinh tế, văn hoá của cư dân, trước hết là đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm như: hướng dẫn cải tiến phương pháp canh tác lương thực, hoa màu và cách chăn nuôi gia súc, gia cầm cho năng suất cao hơn. Tại những vùng có muối mỏ, cán bộ kỹ thuật chỉ dẫn cho dân cách nấu muối mỏ đạt chất lượng cao hơn, kết hợp với muối từ Việt Nam đưa sang, giúp khắc phục nạn khan hiếm muối. Đồng thời, nhân viên kỹ thuật còn phổ biến cách sản xuất giấy, cách rèn nông

¹. Ất nha Xỏn đã làm chạu m-ờng, tri huyện, thời thuộc Pháp trở thành chủ tịch huyện Xánảmxay. Nhiều chủ tịch xã, bản ở Xánảmxay là nài bản cũ. Một ng-ời anh em họ gần của Bun Ừm là Chao Xíxay đi vào vùng kháng chiến, làm cho bè lũ Bun Ừm hoảng sợ phải bỏ chạy vào Pạc Xê.

². Ở Hạ Lào, nhóm Lào Lùm ở vùng thấp, trình độ kinh tế phát triển hơn, chủ yếu làm ruộng n-ớc, trồng cà phê và buôn bán ở thị trấn. Còn nhóm ng-ời Lào Thương trình độ kinh tế, dân trí chậm phát triển hơn. Các chúa đất thống trị hai nhóm ng-ời đó th-ờng khiến họ xung đột với nhau, dẫn tới những mâu thuẫn gay gắt. Giải quyết tình trạng trên, chính quyền địa ph-ương và cán bộ Lào, Việt tiến hành vận động nhóm Lào Lùm nh-ờng ruộng đất, giúp ng-ời dân Lào Thương làm ruộng, dạy họ dệt vải, xoá, giảm nợ cho họ, làm cho quan hệ giữa ng-ời Lào Lùm và Lào Thương đ-ợc cải thiện rõ rệt.

cụ và cải tiến phương pháp dệt vải...

Các lớp học chữ Lào và phổ biến kiến thức văn hoá, chính trị được mở ra tại bản làng thu hút nhiều thanh niên, thiếu niên học tập, là một nét sinh hoạt mới của vùng giải phóng. Đời sống văn hoá và nếp sống mới tại nhiều bản làng như vệ sinh nhà cửa, thân thể, chữa bệnh bằng thuốc, hạn chế những hủ tục, tập quán có hại cho đời sống vật chất và tinh thần đều được cán bộ dân vận và bộ đội chú trọng hướng dẫn cho dân thực hiện.

Hệ thống chính quyền từ cấp cơ sở đến cấp khu được thành lập. Nhiều đoàn thể quần chúng và tổ chức Neo Lào ít xalạ ra đời. Trên đà phát triển đó, các khu du kích liên hoàn xuất hiện với quy mô rộng lớn, lấy nhân dân và lực lượng dân quân, du kích, các đơn vị vũ trang địa phương làm nền tảng. Các phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang và binh vận được sử dụng khá rộng rãi và đem lại nhiều hiệu quả.

Cũng trong quá trình tạo dựng cơ sở chính trị, phát triển chiến tranh du kích, trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, ngày 20 tháng 1 năm 1949, tại đơn vị Látxavông ở Xiêng Kho (Sầm Nưa), đồng chí Cayxôn Phômvihân tuyên bố thành lập Quân đội Lào ít xalạ, tiền thân của Quân đội nhân dân Lào.

Bốn là, xây dựng tại mỗi nước Việt, Miên, Lào một đảng mácxít - lêninnít và thành lập Mặt trận liên minh Việt - Miên - Lào để nâng cao sức mạnh quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong quan hệ đoàn kết Việt - Miên - Lào.

Đến năm 1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đã trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, lãnh đạo nhân dân Đông Dương đấu tranh chống chế độ thuộc địa của đế quốc Pháp, phát xít Nhật, tiến hành khởi nghĩa giành độc lập cho hai dân tộc Việt Nam, Lào và tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đánh chiếm Đông Dương lần thứ hai, làm thất bại nhiều kế hoạch xâm lược của chúng.

Trong thời gian chuẩn bị tiến tới Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nghiên cứu thấy rằng việc xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào và Campuchia một đảng mácxít - lêninnít trên cơ sở kế thừa bản chất và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã có đủ điều kiện thực hiện.

Tại Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 2 năm 1951, đồng chí Hồ Chí Minh đề nghị thành lập tại mỗi nước Đông Dương một Đảng Cộng sản.

Về chủ trương này, đồng chí Cayxôn Phômvihản phát biểu: “Tôi thấy từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập đến nay đã được 21 tuổi, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công và đưa cách mạng Miên, Lào tiến mạnh trên con đường thắng lợi.

Đến nay, tình hình ngoài nước cũng như trong ba nước Việt, Miên, Lào đã thay đổi, chúng tôi Đảng Cộng sản Đông Dương đã làm tròn nhiệm vụ do ba dân tộc và giai cấp giao phó cho.

... Như vậy là đề nghị của Hồ Chủ tịch tách Đảng Cộng sản Đông Dương ra Đảng Lao động Việt Nam và ở Miên, Lào có hai tổ chức khác là rất đúng và thích hợp với tình hình mới, ba dân tộc có ba quốc gia rõ rệt.

... Chúng tôi, người cộng sản Lào hiểu rõ và tán thành đề nghị đó không chút thắc mắc”¹.

Đại biểu Đảng bộ Campuchia phát biểu: “Tôi nhận thấy rằng từ trước tới nay, Đảng Cộng sản Đông Dương rất có thành tích trong lãnh đạo cách mạng Việt, Miên, Lào. Nhưng nay cách mạng ba nước đã có đặc tính riêng khác nhau, không thể có một Đảng bao trùm được mà Miên, Lào sẽ lập hai Đảng khác nhau.

¹, 2, 3. *Biên bản Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương*, L- u tại Kho L- u trữ Trung - ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vì thế chúng tôi rất hoan nghênh đề nghị sáng suốt của *Báo cáo chính trị*².

Đồng chí Hồ Chí Minh nói: “Sau khi nghe các đồng chí Miên, Lào phát biểu ý kiến, chắc Đại hội cũng như tôi, chúng ta rất cảm động. Nhưng cảm động đây không phải là buồn, trái lại là cảm động vui. Vì chúng ta như con một nhà, một nhà cộng sản, một nhà cách mạng. Bây giờ con cái đã khôn lớn rồi phải chia nhà, chia cửa ở riêng. Con trai có vợ, con gái có chồng (vỗ tay), sau này đẻ con, đẻ cháu đông đúc, từ gia đình nhỏ tiến lên gia đình lớn rất mạnh, từ gia đình lớn đến họ hàng, họ hàng càng to, càng mạnh, đông người nhiều việc, nhất định thành công”³.

Theo Nghị quyết Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam⁴; Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào có sự giúp đỡ của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tiến hành những công tác chuẩn bị các văn kiện và nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thực hiện Nghị quyết trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết số 19/NQTU, ngày 22 tháng 3 năm 1953, điều động đồng chí Nguyễn Khang, Ủy viên Trung ương Đảng, đi phụ trách công tác Lào với các nhiệm vụ: chịu trách nhiệm trước Trung ương về việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc giúp đỡ cách mạng và kháng chiến Lào; về mặt công khai, đồng chí là cố vấn của Việt Nam, giúp Chính phủ Kháng chiến và Mặt trận ít xala Lào; về mặt nội bộ, đồng chí phụ trách công tác đảng ở toàn Lào, kiêm Bí thư Ban Cán sự Thượng Lào...¹. Từ đó, các hoạt động của Việt Nam giúp bạn Lào chuẩn bị thành lập Đảng Nhân dân Lào do đồng chí Nguyễn Khang chỉ đạo thực

⁴. Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia thành lập giữa năm 1951.

¹. Tài liệu do gia đình đồng chí Nguyễn Khang cung cấp.

hiện.

Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, ngày 19 tháng 10 năm 1953, đã thảo luận và nêu ý kiến cần xúc tiến thành lập Đảng và gợi ý xác định các tiêu chuẩn của đảng viên Lào, chú trọng tiêu chuẩn trung thành với kháng chiến và tinh thần phục vụ nhân dân. Tiến tới thành lập Đảng, trước hết nên tổ chức chi bộ ở cơ sở; nên mạnh dạn đề bạt cả những đảng viên thường nhưng vững vàng vào Ban Trù bị (tên gọi này ghi tại biên bản Hội nghị) thành lập Đảng; tiến hành Hội nghị cán bộ trước Đại hội thành lập Đảng¹.

Từ ngày 22 tháng 3 đến 6 tháng 4 năm 1955, tiến hành Đại hội thành lập Đảng Nhân dân Lào. Đây là đảng mácxít - lêninnít kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương, phấn đấu vì độc lập và phồn vinh của nước Lào, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân Lào, là thành quả chính trị của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, là một nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy sự phát triển của quan hệ đó. Từ đây, trên bán đảo Đông Dương, mỗi dân tộc có một đảng mácxít - lêninnít, đảm đương vai trò lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

Nổi tiếp quyết định của Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương về việc thành lập tại mỗi nước Việt, Miên, Lào một đảng mácxít - lêninnít, cũng tại Việt Bắc, diễn ra *Hội nghị thành lập Mặt trận liên minh Việt - Miên - Lào*. Trước đó không lâu, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo thành lập Chính phủ Lào kháng chiến và Mặt trận dân tộc thống nhất Lào (lấy tên là Neo Lào

¹. *Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam*, L- u tại Kho L- u trữ Trung - ơng Đảng, phong số 11, đơn vị bảo quản 89.

ítxala); đồng thời, tổ chức một đơn vị cán bộ, chiến sĩ sang Thái Lan và Lào đón Hoàng thân Xuphanuvông và các nhà lãnh đạo cách mạng Lào tới Việt Bắc để thực hiện chủ trương trên.

Giữa tháng 8 năm 1950, tại tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam), Đại hội quốc dân Lào quyết định những vấn đề quan trọng về đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, thành lập nước Lào độc lập, thống nhất và Chính phủ liên hiệp quốc gia; phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh; thực hiện các quyền dân chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, bình đẳng dân tộc... cho nhân dân; thắt chặt tình đoàn kết với Việt Nam và Khome. Đại hội thành lập Neo Lào ítxala và Chính phủ Kháng chiến.

Sự kiện đó không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với bước chuyển biến mới trong sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Lào, mà còn là sự kiện lớn thúc đẩy sự phát triển liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam. Đây cũng là một hoạt động tích cực chuẩn bị thực hiện chủ trương thành lập *Mặt trận liên minh Việt - Miên - Lào* vào tháng 3 năm 1951, tại Việt Bắc (Việt Nam).

Việc thành lập Mặt trận liên minh Việt - Miên - Lào dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau để tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, thực hiện nhiệm vụ chung đã nêu trên; tăng cường khối liên minh, chống lại âm mưu chia rẽ của địch, làm cho ba dân tộc hiểu nhau, đoàn kết chặt chẽ với nhau; hết sức giúp nhau về mọi mặt; giúp nhau thiết lập và tăng cường mối liên hệ với các nước dân chủ, làm cho thế giới hiểu rõ và ủng hộ cuộc kháng chiến của ba dân tộc.

Sự kiện này ghi nhận sự phát triển trong quan hệ đoàn kết của nhân dân ba nước để nâng cao hơn nữa sức mạnh chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Sự thống nhất ý chí của Hội nghị đã biểu thị rõ trong bản nghị quyết: ba nước Việt Nam - Miên - Lào đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng ba nước là đánh đuổi xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, làm cho ba nước Việt Nam, Cao Miên, Lào hoàn toàn độc lập; xây dựng ba quốc gia mới, làm cho nhân dân ba nước được tự do, sung sướng và tiến bộ.

Năm là, Việt Nam, Lào đồng tâm, hiệp lực giúp nhau trong chiến đấu, lập nhiều chiến công.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Pháp tiến hành hòng đặt ách thống trị của chúng lên toàn cõi Đông Dương, bằng thủ đoạn chia cắt, cô lập từng nước, dùng địa bàn, nhân lực, của cải của nước này để đánh chiếm nước kia. Khi phải đối đầu với mưu đồ và hành động xâm lược của thực dân Pháp, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã đưa ra một quyết định quan trọng: “Về quân sự, Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao là một chiến trường, phải đánh theo một chiến lược chung”¹. Đối sách đó tạo cơ sở cho khối đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc càng thêm củng cố và tăng cường trên cùng một trận tuyến chống kẻ thù chung, thực hiện những mục tiêu chiến lược và kế hoạch tác chiến trên các chiến trường Đông Dương.

Quán triệt và thực hiện quyết định đó, tại chiến trường Việt Nam và Lào, xuất hiện liên minh chiến đấu giữa các đơn vị vũ trang Lào - Việt, các mặt trận phối hợp giữa các địa phương Việt Nam, Lào như Liên khu 10 với Thượng Lào, Liên khu 4 với Trung Lào, Liên khu 5 với Hạ Lào, tiến tới quy mô phối hợp lớn hơn về

¹. Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, t.1, tr.383.

mặt chiến lược, về tổ chức chiến trường, bố trí lực lượng tác chiến và sử dụng các phương pháp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận buộc địch phải bị động đối phó. Còn ta thì giành quyền chủ động chiến lược.

Chiến dịch Thượng Lào diễn ra từ nửa sau tháng 4 đến giữa tháng 5 năm 1953 do các cơ quan lãnh đạo và chỉ huy Việt Nam, Lào chỉ đạo thực hiện giành thắng lợi lớn: giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phôngxaly, mở rộng căn cứ địa của cách mạng Lào. Đối với Việt Nam, chiến dịch Thượng Lào đã góp phần phân tán lực lượng địch, phá âm mưu củng cố vùng Tây Bắc và bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng.

Sau chiến dịch Thượng Lào, liên quân Lào - Việt mở chiến dịch Trung - Hạ Lào (diễn ra từ ngày 21 tháng 12 năm 1953 đến tháng 5 năm 1954). Thắng lợi của chiến dịch này thực hiện được một yêu cầu chiến lược hàng đầu là buộc Nava phải tiếp tục phân tán khối cơ động chiến lược của chúng, góp phần làm giảm khối chủ lực của địch trên chiến trường chính Bắc Bộ, nhất là đối với hướng chính Điện Biên Phủ. Đó cũng là minh chứng về giá trị đặc sắc của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh được thể hiện trong kế sách tiến công làm thất bại kế hoạch Nava, theo cách diễn đạt độc đáo của Người, tại Hội nghị Bộ Chính trị ở Tân Keo (Thái Nguyên), tháng 10 năm 1953. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho biết:

“Bác ngồi hóp, thái độ bình thản, điều thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay. Đôi mắt Người chột lệ về chăm chú. Bàn tay Bác đặt trên bàn bồng giờ lên và nắm lại. Người nói:

Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.

Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón tay trở về một hướng”¹.

¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc

Thắng lợi của các chiến dịch Thượng Lào, Trung - Hạ Lào là thắng lợi rất to lớn của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam dưới sự chỉ huy của Bộ Tổng Tư lệnh quân đội hai nước và nhiều tướng lĩnh cấp cao; tập hợp nhiều đơn vị quân đội Việt Nam, Lào cùng tham gia chiến đấu, được hậu phương hai nước Việt Nam, Lào cung cấp một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm. Điều đó thể hiện tinh thần đoàn kết, ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân hai nước trong công cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược.

Hạ tuần tháng 1 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy chiến dịch và Đảng uỷ chiến dịch Điện Biên Phủ quyết định thay đổi phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Đồng thời, Đảng uỷ chiến dịch quyết định đưa Đại đoàn 308 tiến công sang hướng Thượng Lào¹, nhằm cô lập hơn nữa địch ở Điện Biên Phủ, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, không cho địch đánh vào sau lưng, vừa nghi binh thu hút sự chú ý của chúng, bảo đảm cho bộ đội ở Điện Biên Phủ rút ra tập kết an toàn.

Một đặc điểm của chiến dịch này là thời gian chuẩn bị gấp, nên khó khăn lớn nhất là thiếu thuốc men và lương thực. Với sự giúp đỡ của nhân dân vùng Thượng Lào, trong hơn 10 ngày tiến công, truy kích địch trên chặng đường dài 200 km, Đại đoàn 308 phối hợp chiến đấu cùng bộ đội Lào ít ỏi, dân quân du kích và nhân dân địa phương đánh bại đội quân địch tại phòng tuyến này. Toàn bộ phòng tuyến sông Nậm U của địch bảo vệ cứ điểm Điện Biên Phủ bị phá vỡ. Một vùng rộng lớn lưu vực sông Nậm U được giải phóng, thắng lợi này đẩy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ vào thế

gia, Hà Nội, 1994, tr.24-25.

¹. Chiến dịch diễn ra từ ngày 29 tháng 1 đến 13 tháng 2 năm 1954.

hoàn toàn bị cô lập.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân và dân Việt Nam mở màn cuộc quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ, cũng là mở đầu đợt ba của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 trên chiến trường Đông Dương. Quân và dân Lào đã anh dũng chiến đấu, chặt đứt con đường chiến lược của địch chi viện cho Điện Biên Phủ, góp phần cô lập Điện Biên Phủ, tạo thuận lợi cho quân và dân Việt Nam giành thế chủ động tấn công địch. Ngày 7 tháng 5 năm 1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của quân đội viễn chinh Pháp bị tiêu diệt. Nói về sự phối hợp hành động trong chiến dịch này, đồng chí Cayxôn Phômvihân khẳng định: “Các hoạt động quân sự trên chiến trường Lào đã phối hợp nhịp nhàng với chiến dịch Tây Bắc Việt Nam tiêu diệt địch tại Điện Biên Phủ, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chung của nhân dân ba nước Đông Dương chống đế quốc Pháp”¹. Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Tuy chưa phản ánh đầy đủ thắng lợi của quân và dân ba nước, song Hiệp định Giơnevơ đã công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược:

Đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, hai dân tộc Việt Nam, Lào đã có nhiều thay đổi so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là hậu phương của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và chiến trường Lào, Campuchia; có quan hệ rộng rãi với các nước xã

¹. Cayxôn Phômvihân: “30 năm đấu tranh bất khuất, 30 năm thắng lợi vẻ vang”, Tạp chí *Học tập*, số 11, 1975, tr.33-36.

hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc, hoà bình và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Pathét Lào có vùng tập kết, có Đảng, Mặt trận, lực lượng vũ trang và các đoàn thể cách mạng. ở Lào tồn tại chính quyền Vương quốc.

Đông Dương trở thành chiến trường chống Mỹ; miền Nam Việt Nam là chiến trường chính.

Nhiệm vụ chiến lược quan trọng nhất của hai nước là đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước, yêu hoà bình và thắt chặt hơn nữa quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu, đáp ứng cao nhất, hữu hiệu nhất yêu cầu cách mạng và kháng chiến của mỗi bên và tăng cường sức mạnh đoàn kết đặc biệt của hai dân tộc để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Hai mươi một năm chống đế quốc Mỹ là một chặng đường kẻ tục, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đã trở thành giá trị thiêng liêng của hai dân tộc. Hoạt động phối hợp đấu tranh của các cơ quan lãnh đạo cùng quân và dân Việt Nam, Lào đều xuất phát từ tình cảm sâu đậm, trách nhiệm cao cả của hai phía Việt Nam, Lào dành cho nhau, tạo nên những nguồn lực mới, những nấc thang phát triển mới của nội lực từng dân tộc, của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong cuộc chiến chống kẻ thù chung và mở đường đi tới toàn thắng. Trong đó, nổi bật lên những hoạt động tiêu biểu, điển hình.

Một là, sự phối hợp giữa lãnh đạo, quân và dân hai nước Việt Nam, Lào phá vỡ mưu đồ tiêu diệt lực lượng vũ trang nòng cốt Pathét Lào và hãm hại bộ phận đầu não cơ quan lãnh đạo cách mạng Lào do đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tiến hành.

Sau một thời gian đàm phán, đến cuối năm 1957, Chính phủ

Vương quốc và Pathét Lào thoả thuận thành lập Chính phủ liên hiệp quốc gia, trong đó có hai đại biểu Pathét Lào làm bộ trưởng, tiến hành Tổng tuyển cử bầu bổ sung đại biểu Quốc hội, Neo Lào Hắc Xát ra hoạt động công khai, hai tiểu đoàn Pathét Lào gia nhập quân đội quốc gia, hai tỉnh tập kết của Pathét Lào là Hủa Phăn và Phongxaly đặt dưới quyền kiểm soát của Chính phủ Vương quốc.

Ngay sau khi nghe báo cáo tình hình trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao những kết quả mà Pathét Lào giành được. Mặt khác, Người chỉ rõ: việc đưa hai tỉnh tập kết của Pathét Lào vào Vương quốc là âm mưu của Mỹ “điệu hổ ly sơn” để đi đến tiêu diệt lực lượng Pathét Lào. Không thể xem thường âm mưu đó được. Lực lượng Pathét Lào bị thôn tính thì phong trào đấu tranh của nhân dân khó giữ vững được. Người chỉ dẫn phương pháp hoạt động mới và cách đối phó với địch. Phải làm cho bạn thấy rõ âm mưu của Mỹ và tay sai để khởi chủ quan. Neo Lào Hắc Xát ra công khai, chỉ nên đưa vài người tượng trưng ở cấp trung ương thôi. Phần lớn lực lượng phải rút vào bí mật, bộ đội Pathét Lào phải phục viên tại hai tỉnh và cất giấu vũ khí tại đó, phải đấu tranh giữ vững hai tỉnh...

Người dự báo tình hình sắp tới của cách mạng Lào: “Cuộc đấu tranh sắp tới sẽ quyết liệt đây. Mỹ còn cố giữ miền Nam Việt Nam thì chúng chưa bỏ Lào đâu. Dùng bánh vẽ để đưa hai ông vào Viêng Chăn rồi tăng cường đàn áp, khủng bố cán bộ ở các tỉnh. Chúng sẽ phá tan phong trào quần chúng ở 10 tỉnh, nếu ta buông lỏng hai tỉnh thì nó sẽ thôn tính ngay và lực lượng Pathét Lào tan rã thì sẽ dùng đất Lào để uy hiếp miền Bắc và phối hợp với cuộc chiến chiếm đóng miền Nam nước ta”¹.

¹. Nguyễn Chính Giao: *Nhớ lại quãng đời 50 năm hoạt động cách mạng (1929 - 1979)*, Bản đánh máy, tr.90-91.

Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp bố trí ngay một tổ quân báo theo dõi tình hình hoạt động của bạn và đối phương để xử lý kịp thời, khi lãnh đạo bạn cần thì giúp đưa họ sang Việt Nam an toàn.

Những lời phát biểu chân tình và quý báu, kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh được các cơ quan có trách nhiệm của hai nước lĩnh hội và thực hiện.

Do sự phối hợp giữa hai phía Lào, Việt Nam, Tiểu đoàn 2 Pathét Lào đã mưu trí, anh dũng chiến đấu thoát khỏi vòng vây của địch tại Xiêng Khoảng vào tháng 5 năm 1959, sau 15 ngày trở về căn cứ an toàn.

Cũng vào thời điểm đó, nhiệm vụ giải thoát cho Hoàng thân Xuphanuvông và nhiều nhà lãnh đạo cao cấp chủ chốt của cách mạng Lào khỏi trại giam cũng được xúc tiến chuẩn bị, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều lực lượng phía Lào và phía Việt Nam.

Cuối cùng, đêm 23 rạng ngày 24 tháng 5 năm 1960, các đồng chí lãnh đạo Lào và cán bộ bị bắt vượt khỏi trại giam Phôn Khêng tại Viêng Chăn, ghi nhận thêm một thắng lợi mới trong cuộc đấu tranh phá vỡ mưu đồ xảo quyệt, nguy hiểm của Mỹ và tay sai của chúng. Đánh giá sự kiện lịch sử này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người trực tiếp chỉ đạo tổ công tác đặc biệt từ Việt Nam sang Viêng Chăn, phối hợp với cán bộ và quân đội Pathét Lào thực hiện nhiệm vụ này, viết:

“Cuộc giải thoát Chủ tịch Xuphanuvông là một chiến công đặc biệt, tiêu biểu cho tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào. Chúng ta hãy giữ vững và phát triển tình hữu nghị đặc biệt ấy”¹.

¹. Đại tá Phan Đình: *Cuộc v-ợt ngục kỳ diệu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008, tr.1.

Hai là, sự hợp lực giữa lãnh đạo Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam trong quá trình xác định phương pháp đấu tranh vũ trang là chủ yếu kết hợp với đấu tranh chính trị chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở Lào.

Từ đầu năm 1958, xu thế phát triển của tình hình Lào ngày càng thể hiện rõ sự can thiệp, xâm nhập mạnh mẽ và toàn diện của Mỹ.

Được chính quyền Ngô Đình Diệm giúp đỡ, bọn Xánáicon tăng cường khủng bố lực lượng cách mạng, gây căng thẳng tại nhiều vùng biên giới Lào và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Điều đó đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán vào tháng 3 năm 1958, khi Người đến thăm chuyên gia Việt Nam từ Lào về Hà Nội: “Tình hình Lào sắp tới sẽ trở lại phức tạp và căng thẳng hơn trước. Các chú tập kết về thì nghỉ ngơi, bồi dưỡng về vật chất và tinh thần, khi bạn yêu cầu, Ban Bí thư sẽ điều động trở lại giúp bạn, vì hoạt động ở nước bạn phải biết tiếng, biết tình hình, biết cán bộ bạn, điều người mới sang thì không kịp đối phó với âm mưu của địch... Các chú là vốn quý để giúp cách mạng Lào”¹.

Trước tình hình đó, ngày 30 tháng 1 năm 1959, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam gửi thư cho Trung ương Đảng Nhân dân Lào trao đổi ý kiến về phương hướng và phương pháp đấu tranh:

- Cần tổ chức ngay một bộ phận bí mật chuyển ra vùng cơ sở vững hoặc vùng căn cứ để lãnh đạo phong trào đấu tranh; nhanh chóng khôi phục, củng cố phong trào ở cơ sở; kiên quyết bảo vệ lực lượng cách mạng.

- Trong bộ phận hoạt động công khai, đồng chí nào có điều kiện thì ở lại đấu tranh cho đến cùng để giữ vững địa vị hợp pháp,

¹. Nguyễn Chính Giao: *Nhớ lại quãng đời 50 năm hoạt động cách mạng (1929 - 1979)*, Bản đánh máy, tr.92.

nhưng phải luôn luôn cảnh giác.

- Nên tăng cường cho bộ phận trung ương bí mật lãnh đạo. Nếu chuẩn bị đầy đủ và nội bộ nhất trí thì rút anh Viêngxay (đồng chí Cayxôn Phômvihản) ra vùng căn cứ, bổ sung cho bộ phận bí mật này¹.

Khoảng tháng 5 năm 1959, đáp ứng yêu cầu của đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cử đoàn cán bộ tham gia chuẩn bị nội dung và công tác tổ chức Hội nghị lần thứ nhất (khoá I) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào vào ngày 3 tháng 6 năm 1959. Đánh giá tình hình Lào lúc bấy giờ, Hội nghị nhận định: đế quốc Mỹ và tay sai đã xoá bỏ Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và các hiệp nghị Viêng Chăn, xoá bỏ chính phủ liên hiệp..., gây nội chiến, làm cho đời sống chính trị nước Lào mất khả năng phát triển hoà bình.

Hội nghị vạch rõ phương pháp đấu tranh mới: “Trong phạm vi cả nước, trong giai đoạn mới, từ hình thức đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu chuyển sang *hình thức đấu tranh vũ trang là chủ yếu* (BBS nhấn mạnh), đồng thời kết hợp vận dụng hình thức đấu tranh chính trị hợp pháp trong phạm vi nhất định”².

Cũng đúng ngày 3 tháng 6 năm 1959, tại Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp bàn về *vấn đề Lào*. Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên những quan điểm hướng dẫn phương pháp đánh giá tình hình toàn diện và vạch rõ các khuyết điểm cần sửa chữa như nóng vội, thấy thắng lợi nhưng không nhìn hết khó khăn. Người cho rằng: ta phải hết sức giúp cách

¹. Ban Công tác miền Tây: *Biên niên những sự kiện chính trị về Lào (1930 - 1975)*, Bản đánh máy.

². Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1954 - 1975)*, Sđd, tr.117.

mạng Lào; giúp xây dựng kinh tế và nhân mạnh vấn đề sản xuất lương thực; giúp bạn theo kế hoạch lâu dài. Về phương pháp đấu tranh chống địch, Người chỉ dẫn: “*Phải dùng du kích (BBS nhân mạnh) phong trào sẽ lan rộng*”... “*Phải trường kỳ gian khổ, phải chú ý dân vận, địch vận*”.

Tiếp sau đó, đầu tháng 7 năm 1959, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam đề xuất sách lược đấu tranh “*cần chuyển từ hình thức đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu sang hình thức đấu tranh vũ trang là chủ yếu, đồng thời kết hợp với hình thức đấu tranh khác*”¹.

Sau quá trình nghiên cứu, trao đổi ý kiến, tại cuộc hội đàm tháng 7 năm 1959, hai Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào quyết định phát động cuộc đấu tranh vũ trang trong mùa mưa năm 1959 nhằm:

- Phát lệnh chiến đấu trong toàn quốc, chuyển từ đấu tranh công khai hợp pháp sang đấu tranh vũ trang, lấy trọng tâm là chiến tranh du kích, phát động phong trào quần chúng nổi dậy, giành chính quyền tại thôn xã.

- Phục hồi và củng cố các căn cứ kháng chiến và lực lượng du kích cũ.

- Vận động thanh niên tham gia dân quân, du kích và bộ đội địa phương và chủ lực².

Phía Việt Nam, Quân uỷ Trung ương chỉ thị cho Quân khu Tây Bắc và Quân khu 4 điều động một số đại đội, tiểu đoàn phối hợp

¹. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam: *Tình hình mới và nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Lào*, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

². Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1954 - 1975)*, Sđd, tr.118-120.

với quân đội Lào tiến công một số cứ điểm của địch ở sát biên giới, vừa vận động quần chúng, vừa khôi phục cơ sở.

Tiếp đó, trung tuần tháng 7 năm 1959, bộ đội Lào mở ba hướng tấn công, hướng chính từ đông nam Sầm Nưa tới đông nam Xiêng Khoảng với lực lượng chiến đấu là Tiểu đoàn 2 do đồng chí Cayxôn Phômvihản chỉ huy, có sự hỗ trợ của đồng chí Lê Chương, Đoàn trưởng giúp Lào. Hướng thứ hai do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon chỉ huy một tiểu đoàn, hoạt động chủ yếu tại vùng Mường Xon - bắc Sầm Nưa đến Phongxalỳ, Luông Phạbang đến Xiêng Ngăn. Hướng thứ ba có nhiệm vụ phối hợp, do một đại đội đảm nhiệm, tại địa bàn từ bắc đường 8 đến đường 12 Khăm Muộn.

Các đòn tấn công đó là những đòn bất ngờ khiến chúng không kịp đối phó, sa vào tình trạng hoảng loạn, rã ngũ hoặc gây binh biến; cổ vũ, hỗ trợ nhân dân trong vùng nổi dậy cùng phối hợp với bộ đội tấn công giải phóng nhiều huyện, xã tại các tỉnh Hòa Phăn, Phongxalỳ, Xiêng Khoảng, Luông Phạbang, Khăm Muộn.

Những thắng lợi trên là minh chứng về hiệu quả thực tiễn của phương pháp đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị chống chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Ba là, tuyến đường chiến lược Trường Sơn, một công trình vĩ đại của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Năm 1959, lịch sử cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương chống đế quốc Mỹ ghi nhận hai sự kiện quan trọng. Đó là sự ra đời của Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khoá II) về đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam Việt Nam, chiến trường chính chống Mỹ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, và mở tuyến đường chiến lược Trường Sơn nối liền hậu phương miền Bắc với các chiến trường

Việt Nam, Lào và Campuchia.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là giải phóng miền Nam; nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ; phương pháp đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; dự kiến cũng có thể phát triển theo xu hướng từ khởi nghĩa tiến lên đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Sự chuyển hướng từ đấu tranh công khai hợp pháp sang đấu tranh vũ trang mà lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào đã nhất trí thực hiện tại Lào cũng thể hiện sự đồng thuận cao về phương pháp đấu tranh chống Mỹ xâm lược Việt Nam và Lào.

Một yêu cầu cơ bản cần phải giải quyết để thực hiện nhiệm vụ trên là mở tuyến đường chiến lược xuyên Trường Sơn, chi viện sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc vào miền Nam và Lào. Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Nhân dân Lào đều nhất trí mở con đường đó.

Tuyến đường Trường Sơn xuyên qua triền phía đông và phía tây dãy Trường Sơn. Công trình này được tiến hành từ những tháng cuối năm 1959, đến tháng 1 năm 1964 thì chuyển hẳn sang phía tây Trường Sơn. Nơi đây cũng là khu căn cứ hậu cần của chiến trường Nam Việt Nam, Lào và Campuchia.

Ngay từ khi khởi đầu, cũng là lúc kết hợp chặt chẽ giữa đội ngũ cán bộ, quân đội Việt Nam và Lào nhằm tiến hành xây dựng cơ sở về chính trị và tổ chức đấu tranh chống chính quyền và quân đội Vương quốc Lào đàn áp, khủng bố những người yêu nước và cách mạng tại tỉnh Xavannakhét.

Tổ chuyên gia Việt Nam và Tỉnh uỷ Xavănnakhê đã nhất trí phát động nhân dân nổi dậy đấu tranh với nhiều hình thức như mít tinh, biểu tình tuần hành, trừ diệt ác ôn, rải truyền đơn; xúc tiến khôi phục các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang: dân quân du kích, bộ đội địa phương huyện, tỉnh; vừa tấn công địch vừa tiến hành địch vận.

Cũng vào lúc này, Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam lập nhiều kho vũ khí dọc biên giới Việt Nam để chi viện cho cách mạng Lào.

Cùng với hoạt động trên, các đồng chí lãnh đạo của Tỉnh uỷ Xavănnakhê còn lấy danh nghĩa cán bộ chỉ huy Tiểu đoàn 2 Pathét Lào kêu gọi các trưởng đồn chấp nhận đàm phán với lực lượng vũ trang Pathét Lào. Một điển hình tiêu biểu đạt hiệu quả của hoạt động này là viên thiếu tá chỉ huy trưởng đồn Nặm Cha Lô, một đồn lớn trong vùng, đã nhận lời tới đàm phán và cam kết không bắn bừa bãi, không bắt bớ nhân dân; không được ra khỏi đồn mười cây số... Do áp lực đấu tranh của lực lượng vũ trang và quần chúng, nhiều đồn bót của đối phương cũng phải chấp nhận những yêu cầu của cách mạng. ảnh hưởng của những thắng lợi đó lan rộng nhanh chóng tới các tỉnh khác vùng tây Trường Sơn.

Để tiếp tục tấn công địch và mở rộng hành lang tuyến đường tây Trường Sơn, Bộ Chỉ huy tối cao quân đội Lào và Bộ Chỉ huy Quân khu 4 quyết định mở chiến dịch giải phóng đường 9 - Nam Lào vào đầu mùa khô năm 1961 do lực lượng của Việt Nam và Lào phối hợp thực hiện, tiến công giải phóng vùng ven đường 9 dài khoảng 70 km, tạo thế an toàn cho đoạn đường chiến lược này tại hai phía đông và tây Trường Sơn. Chính quyền và các lực lượng vũ trang nhanh chóng được thiết lập trong vùng giải phóng. Hoạt động tiếp tế hàng hoá của Việt Nam bằng máy bay tới sân bay dã chiến Xê Pôn để cung cấp cho cán bộ, bộ đội hành quân đến các chiến

trường miền Nam khá nhộn nhịp¹.

Những phương pháp đầu tiên mở đường Trường Sơn nhanh chóng được nhân rộng và phát triển khi chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia đòi hỏi sự chi viện ngày càng lớn để đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Địa bàn tuyến đường này đi qua bị đế quốc Mỹ coi là trọng điểm đánh phá, hòng ngăn chặn, cắt đứt nguồn chi viện từ hậu phương miền Bắc chuyển vào chiến trường. Từ mặt đất đến trên không, quân đội Việt Nam và Lào sát cánh bên nhau chiến đấu bảo vệ tuyến đường, kho tàng vũ khí, lương thực, thực phẩm và nhiều loại hàng hoá khác, trong đó có nhiều chiến dịch lớn như giải phóng và bảo vệ Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (trong các năm 1964, 1969, 1970, 1972), đặc biệt là chiến dịch phản công cuộc hành quân “Lam Sơn 719” năm 1971 của Mỹ - nguy... Dù đối phương tập trung ở đó nhiều lực lượng tinh nhuệ và vũ khí hiện đại, nhưng cũng phải cam chịu thất bại.

Nhân dân Lào đã phải chịu đựng biết bao hy sinh, mất mát do kẻ thù xâm lược gây ra. Trong cuộc chiến tranh đó, những tình cảm thân thương, quý mến của nhân dân Lào dành cho cán bộ, chiến sĩ Việt Nam không sao kể xiết.

Tuyến đường chiến lược Trường Sơn được xây dựng, bảo vệ và khai thác, sử dụng kéo dài trong 16 năm chiến tranh chống đế quốc xâm lược là sản phẩm của sự đồng thuận sâu sắc, sự hy sinh lớn lao vì nghĩa tình quốc tế cao cả của hai dân tộc Lào, Việt Nam; là minh chứng hùng hồn của văn minh, nhân nghĩa chiến thắng xâm lược, bạo tàn.

Có thể nói, trong suốt 21 năm chống Mỹ, Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân Lào luôn hết lòng giúp đỡ, ủng hộ nhân dân

¹. Xem Võ Đăng Ngạn: “Xây dựng tuyến hành lang tây Trường Sơn khu vực đ- ờng 9 - Nam Lào” trong cuốn *Quân tình nguyện Việt Nam khu Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia*, Nxb. Trẻ, tr.162-170.

Việt Nam. Đáp lại, Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân Việt Nam cũng dốc hết sức vì sự nghiệp cách mạng Lào. Trên tinh thần “giúp bạn là mình tự giúp mình”, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đã có mặt ở hầu hết mọi nơi trên chiến trường Lào, cùng nhân dân và quân đội Lào đánh địch.

Thắng lợi vĩ đại của hai dân tộc Việt Nam, Lào diễn ra năm 1975 đã kết thúc 30 năm chiến tranh cách mạng, lập *hai kỳ tích* chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Thắng lợi đó đánh dấu sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ và sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới dù thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã gắng hết sức nhưng không thể nào cứu vãn nổi.

3. Quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục phát triển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của hai dân tộc Việt Nam, Lào (1976 - 2007)

a) Trên lĩnh vực chính trị

Sự kiện mở đầu sự phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sau khi hai dân tộc kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, được đánh dấu bằng *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào*, ngày 18 tháng 7 năm 1977, mang tính chính trị, pháp lý cơ bản, bền vững lâu dài trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Từng trải qua những thử thách, biến động của thời cuộc trong hơn 30 năm, tinh thần và nội dung của Hiệp ước ấy vẫn được tôn trọng, thực hiện với nhiều sáng tạo, đáp ứng yêu cầu cách mạng của mỗi nước và nâng cao thêm giá trị của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong những hoàn cảnh và điều kiện mới.

Tinh thần đó chỉ đạo sự hợp tác, liên minh Việt Nam, Lào trong việc giải quyết nhiều vấn đề, điển hình là việc Việt Nam giúp cách mạng Campuchia xoá bỏ chế độ diệt chủng của Khmer đỏ và hồi sinh dân tộc, nhưng lại bị các thế lực thù địch bóp méo sự thật, chống đối quyết liệt. Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Chính phủ Lào hết lòng ủng hộ lập trường đúng đắn và thiện chí của Việt Nam, góp phần tích cực cùng Việt Nam đấu tranh, thuyết phục tại nhiều diễn đàn quốc tế và khu vực để giải quyết thoả đáng vấn đề Campuchia, tạo sự ổn định và hợp tác giữa các nước Đông Nam á và mở ra thuận lợi cho việc bình thường hoá quan hệ với nhiều quốc gia khác.

Khi Lào bị đóng cửa biên giới phía tây không bao lâu, lương thực và một số mặt hàng trở nên khan hiếm, theo yêu cầu của Chính phủ Lào, Việt Nam đã đưa lương thực sang giúp kịp thời, góp phần ổn định tình hình xã hội, hạn chế số người Lào di cư ra nước ngoài.

Việc ký kết Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào và hoàn thành hoạch định, cắm mốc trên toàn tuyến biên giới cùng với hoạt động của các tỉnh hai bên đường biên giới trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, giao lưu văn hoá đã xây dựng nên một biên giới hoà bình, hợp tác và phát triển Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu lý luận và chỉ đạo thực tiễn sự nghiệp xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và Lào, hai bên thường xuyên hợp tác trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề qua đội ngũ chuyên gia và hội đàm, hội thảo giữa lãnh đạo của hai Đảng như: về mô hình chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội... và những chuyên đề cụ thể trên từng lĩnh vực. Kết quả của những hoạt động đó được vận dụng thực hiện ở mỗi nước đã đưa đến công cuộc đổi mới toàn diện, có nguyên tắc, theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, khơi dậy tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân, khai thác đạt hiệu quả tốt nhiều tiềm năng của đất nước và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Nhờ vậy, thành quả cách mạng của mỗi nước và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam được bảo vệ vững chắc và phát triển trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào thoái trào. Hai nước thoát khỏi những khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế, giữ vững an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước.

b) Về quốc phòng, an ninh

Từ năm 1976 đến những năm đầu thế kỷ XXI, Việt Nam và Lào bị nhiều thế lực thù địch từ bên ngoài vừa tấn công, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, vừa sử dụng những phần tử phản động lưu vong quay trở về phá hoại an ninh quốc gia. Một lần nữa, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra cho ngành quốc phòng, an ninh và nhân dân hai nước Việt Nam, Lào nhiều nhiệm vụ mới, đòi hỏi phải nâng cao bản lĩnh và năng lực trong thế trận đấu tranh mới, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm lược và phá hoại của kẻ thù. Hiện thực lịch sử đấu tranh trong mấy chục năm qua sau khi kết thúc cuộc kháng chiến của hai dân tộc chống đế quốc xâm lược cho thấy, lực lượng vũ trang và nhân dân Lào đã đứng vững ở vị trí tiên tiêu đánh bại các cuộc xâm nhập vũ trang qua lãnh thổ Lào để vào Việt Nam.

Theo tinh thần các văn bản đã ký kết giữa hai chính phủ, lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh Lào, Việt Nam phối hợp chặt chẽ thực hiện các nhiệm vụ được giao trên mặt trận chống ngoại xâm, chống phi, dẹp bạo loạn, trừ diệt bọn phản động vượt qua lãnh thổ Lào xâm nhập lãnh thổ Việt Nam...

Sự phối hợp hoạt động của hai bên trong chiến đấu đã đưa lại nhiều chiến công lớn. Chiến dịch truy quét, phá tan trung tâm phi tại Phu Bia (năm 1977 - 1978) và trận tiêu diệt nhóm phản động Võ

Đại Tôn và Hoàng Cơ Minh (năm 1987) khi chúng đang xuyên qua đất Lào để vào Việt Nam là những chiến công tiêu biểu của sự hợp tác Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, góp phần quyết định triệt phá các mưu đồ và thủ đoạn của kẻ thù chống phá chủ quyền quốc gia và an ninh của hai nước Lào, Việt Nam, làm thất bại các thủ đoạn của chúng, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước.

Thời kỳ này, ngoài việc phối hợp giúp nhau chống phá các thế lực thù địch, các cơ quan quốc phòng và an ninh của hai nước còn phối hợp chặt chẽ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; giúp đỡ nhau về hậu cần - kỹ thuật; giúp nhau biên soạn giáo trình, giáo án trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đặc biệt là việc tìm kiếm các hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên đất Lào.

Tầm quan trọng của mối quan hệ trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh còn được thể hiện qua các cuộc gặp gỡ đoàn cấp cao giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hai nước. Trong tất cả các chuyến thăm viếng lẫn nhau, hai nước đều thể hiện nhất quán quan điểm tiếp tục hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt, trong các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước, vấn đề hợp tác quốc phòng, an ninh giữa hai nước cũng luôn được đề cập, coi hợp tác trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh là một trong những điểm mấu chốt của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

c) Hợp tác phát triển kinh tế, giáo dục, đào tạo cán bộ

Lãnh đạo hai nước Việt Nam, Lào đều nhất trí coi trọng sự hợp tác kinh tế, văn hoá và đào tạo cán bộ.

Trên lĩnh vực kinh tế, hai bên cũng chấp hành nguyên tắc hợp tác là bình đẳng, tôn trọng chủ quyền quốc gia, cùng có lợi và hết lòng giúp đỡ nhau; mặt khác, còn căn cứ vào tình hình cụ thể của

mỗi nước mà dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau.

Phương thức hợp tác ngày càng được mở rộng và nâng cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Có thể thấy điều đó qua các cuộc hội đàm và gặp gỡ giữa lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước về những quan điểm kinh tế xoay quanh các chủ đề: thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, Lào và các vấn đề như cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và các thành phần kinh tế; cơ chế quản lý kinh tế; kinh tế thị trường; những kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện tại hai nước. Trên thực tế, *sự hợp tác của hai nước diễn ra từ trung ương đến tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, công thương, nông nghiệp...*

Nội dung hợp tác kinh tế được chuyển dần theo cấp độ từ thấp lên cao: ban đầu là viện trợ, cho vay, tiến đến hợp tác sản xuất; kinh doanh phù hợp công thức: tài nguyên Lào, lao động kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay của nước thứ ba. Tiếp đó, từ năm 1996 trở đi, một công thức hợp tác mới được áp dụng, đó là hợp tác hai bên cùng có lợi theo thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi cho nhau.

Điều đặc sắc nổi bật trong quan hệ hợp tác kinh tế Lào - Việt Nam là tinh thần giúp đỡ nhau mỗi khi nước bạn gặp khó khăn mà không thể tự giải quyết được. Hành động Việt Nam giúp Lào chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 1999 là một mẫu hình tiêu biểu.

Năm 1999, tình hình kinh tế Lào rất khó khăn do tỷ lệ lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, đầu tư kém hiệu quả, nhập siêu cao, đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức giảm đến 50 - 60%. Trước tình hình đó, theo đề nghị của lãnh đạo Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử một đoàn chuyên gia cấp cao sang giúp Lào với quyết tâm giúp bạn ngăn chặn được lạm phát và ổn

định kinh tế vĩ mô của Lào trong thời gian sớm nhất.

Trong thời gian làm việc, Đoàn chuyên gia Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia Lào để có thể biến đề án của Đoàn chuyên gia Việt Nam thành đề án của Lào và đưa vào thực tiễn chống lạm phát, ổn định tình hình kinh tế vĩ mô của Lào. Kết quả hoạt động của Đoàn chuyên gia Việt Nam kết hợp với sự nỗ lực cộng tác của các chuyên gia Lào đã cải thiện được tình hình kinh tế - xã hội Lào, lạm phát được ngăn chặn. Từ sau năm 1999, nền kinh tế Lào đã phát triển theo chiều hướng tích cực, tốc độ tăng trưởng cao, giá cả và tỷ giá hối đoái được kiểm soát và ổn định, giá trị đồng Kíp được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện ngày càng tốt hơn.

Lời đánh giá của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào Xixávat Kẹo Bunphăn trong thư gửi Thủ tướng Phan Văn Khải, ngày 16 tháng 11 năm 1999, thể hiện rõ tinh thần làm việc của Đoàn chuyên gia Việt Nam và sự hợp tác giữa chuyên gia Việt Nam với chuyên gia Lào trong nhiệm vụ chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô Lào:

“Đoàn chuyên gia đã làm việc với trách nhiệm cao, thật sự quan tâm đến tình hình đang khó khăn của kinh tế Lào và hợp tác chặt chẽ với chúng tôi trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề có liên quan, đã đạt được những kết quả ban đầu đáng khích lệ.

Qua công tác với nhau, Đoàn chuyên gia đã cùng với chúng tôi nghiên cứu sâu thêm trong việc tìm ra nguyên nhân lạm phát, cũng như trong việc đề ra các biện pháp giải quyết vấn đề lạm phát trong thời gian trước mắt và lâu dài tại Lào. Đoàn chuyên gia đã giúp chúng tôi củng cố việc quản lý kinh tế vĩ mô, giúp các ngành hữu quan tu sửa, chỉnh lý và đề ra các chế độ, quy chế cần thiết.

Đến nay, kinh tế Lào rõ ràng có phần tốt lên, nhất là tỷ giá hối

đoái có sự ổn định, tỷ số lạm phát giảm, sự linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng được củng cố, kinh tế vĩ mô bước đầu có sự ổn định.

Kết quả đạt được đó có sự đóng góp của Đoàn chuyên gia kinh tế cao cấp của Việt Nam. Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, tôi xin biểu dương tất cả các đồng chí trong Đoàn và xin đánh giá cao sự đóng góp của Đoàn chuyên gia trong việc cùng chúng tôi giải quyết lạm phát tại Lào đợt này.

Chúng tôi thấy rằng, kết quả trên đây còn có sự thể hiện mối tình trong sáng, thuỷ chung của tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt, thể hiện sự quan tâm tận tình, tinh thần quốc tế cao cả của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh em một mực thuỷ chung lúc nào cũng sẵn sàng hợp tác, tương trợ, giúp đỡ sự nghiệp cách mạng Lào chúng tôi”¹.

Sự hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo cán bộ được đặt ở *tầm chiến lược*, tác động trực tiếp tới sự phát triển của quan hệ đặc biệt giữa hai dân tộc, được mở đầu từ thập niên 1950.

Ngay từ năm 1955, Lào đã gửi sang Việt Nam 150 học sinh phổ thông cấp I, cấp II để đào tạo trở thành lực lượng cán bộ mà cách mạng Lào đang đòi hỏi phải đáp ứng. Từ đó, cũng bắt đầu xây dựng hệ thống trường đào tạo cán bộ Lào tại Việt Nam với nhiều cấp học, nhiều chuyên ngành và số lượng người học ngày càng tăng. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, có tới hàng vạn lưu học sinh Lào được đào tạo và sinh sống trong sự chăm sóc rất tận tình của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam².

¹. Tài liệu do PGS. TS. Lê Quốc Lý, Phó Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh cung cấp.

². Em Balia, 17 tuổi, quê ở Xiêng Khoảng, học sinh lớp 6, trường T1 Vinh Phúc, ngày 7 tháng 6 năm 1976, khi từ già trường về nước, đã nói

Sự hợp tác giữa hai dân tộc trong công tác giáo dục còn diễn ra dưới hình thức Việt Nam gửi chuyên gia giáo dục sang giúp Lào xây dựng nền giáo dục mới theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước Lào. Từ năm 1961, vùng giải phóng Lào mở rộng đến mức 2/3 rồi 3/4 lãnh thổ quốc gia. Cũng từ đó, những vấn đề cơ bản của nền giáo dục cách mạng Lào được đặt ra, và năm 1962 Việt Nam gửi sang Lào gần 400 chuyên gia để hợp tác với bạn.

Quan hệ hợp tác giáo dục, đào tạo cán bộ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sau năm 1975 phát triển theo hướng đào tạo cán bộ đạt trình độ đại học, trên đại học. Theo đó, hàng năm có hơn 1.000 cán bộ, sinh viên Lào được bồi dưỡng, học tập tại nhiều học viện, trường đại học Việt Nam. Về phía Việt Nam, hàng năm có từ 15 - 20 lưu học sinh sang học tại Đại học Quốc gia Lào.

Bên cạnh đó, hình thức hợp tác Việt Nam - Lào thực hiện nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Từ năm 1963, hệ thống trường Đảng Việt Nam được giao trọng trách này¹. Đến sau năm 1990, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (nay là Học viện Chính trị - Hành chính

những lời sau đây: “Tuy phải sống xa cha mẹ, quê hương nhưng em đã đ- ọc ng- ời cha, ng- ời mẹ thứ hai chăm sóc và dạy dỗ. Trở về Tổ quốc, chúng em luôn nhớ nơi đây, nơi đã chấp cánh cho chúng em. Nơi đây chúng em từ những đứa trẻ đến việc ăn ngủ còn lúng túng... nay đã khôn lớn cả về thể lực lẫn tâm hồn, trí tuệ. Nơi đây em đã từng sống trong tình th- ơng bao la... Mai đây chúng em trở thành những cán bộ tốt của đất nước Lào anh hùng thì nhân dân Lào sẽ nói rằng: “Đó là công ơn của nhân dân Việt Nam””.

(Xem Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, truyền thống và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.244).

¹. Từ năm 1977 đến 1989, là Tr- ờng Nguyễn Ái Quốc 10, Tr- ờng Nguyễn Ái Quốc đặc biệt, và từ năm 1990 trở đi Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ này.

quốc gia Hồ Chí Minh - BT) theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước Lào nâng cấp độ đào tạo lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ và mở thêm nhiều chuyên ngành đào tạo cử nhân chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chuyên ngành công tác đảng.

Ngoài hình thức đào tạo cán bộ như đã trình bày trên, trong những năm sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đội ngũ chuyên gia Việt Nam hoạt động tại Lào trên các lĩnh vực cũng là những người trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ nhiều cán bộ Lào nắm bắt kiến thức và phương pháp công tác trong các lĩnh vực hoạt động của họ, góp phần khắc phục ở mức độ nhất định tình trạng thiếu cán bộ lúc bấy giờ.

Cần nhấn mạnh rằng, đội ngũ chuyên gia Việt Nam trong nhiều giai đoạn, ở nhiều lĩnh vực đã trở thành những người bạn tin cậy của các cấp lãnh đạo Lào tại trung ương cũng như địa phương và các ngành, trở thành bộ phận nòng cốt trong quá trình xây dựng, củng cố mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

d) Hợp tác trong lĩnh vực ngoại giao

Căn cứ vào sự phát triển của ngoại giao Việt Nam - Lào trong tình hình mới sau khi hai dân tộc hoàn toàn độc lập, thống nhất, có thể phân định quan hệ hợp tác trong hoạt động ngoại giao Việt Nam - Lào thành hai giai đoạn: 1976 - 1991 và 1992 - 2007.

Giai đoạn 1976 - 1991, năm 1975 đánh dấu kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến kéo dài 30 năm của hai dân tộc Việt Nam, Lào chống thực dân, đế quốc xâm lược, mở ra thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, hai nước cũng biểu thị mong muốn góp phần xây dựng Đông Nam á trở thành khu vực hoà bình, tự do và trung lập.

Đặt cơ sở pháp lý cho sự phát triển thuận lợi, vững chắc của quan hệ Việt Nam - Lào khi ở mỗi nước đã thiết lập hoàn chỉnh một nhà nước độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ do nhân dân

làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, ngày 18 tháng 7 năm 1977, hai Nhà nước Việt Nam và Lào ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác*. Cùng ngày, *Hiệp ước về hoạch định biên giới* cũng được ký kết như trên đã viết.

Trong khi quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đang diễn ra suôn sẻ thì tập đoàn Pôn Pốt cầm quyền tại Campuchia lại thi hành chính sách cực kỳ phản động, tàn bạo: diệt chủng đồng bào của mình và đưa quân sang xâm lược Việt Nam, phá vỡ quan hệ đoàn kết của nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Cuối tháng 12 năm 1978, Bộ Chỉ huy quân đội cách mạng Campuchia phát động phong trào nổi dậy của quần chúng và kêu gọi quân tình nguyện Việt Nam giúp nhân dân Campuchia lật đổ chính quyền diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt - Iêngxari. Đáp lại nguyện vọng chính đáng đó, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với nhân dân Campuchia nổi dậy đánh đổ chế độ diệt chủng và giúp cách mạng Campuchia hồi sinh dân tộc.

Viện có Việt Nam đưa quân vào Campuchia, phương Tây và một số quốc gia khác thi hành chính sách bao vây, cấm vận Việt Nam. Đây là thời điểm quan hệ đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia được khôi phục và cơ quan ngoại giao ba nước thiết lập được cơ chế phối hợp hoạt động hợp lý với nhiều sáng kiến đấu tranh đạt hiệu quả cao trong việc giải quyết xong vấn đề Campuchia, tháng 10 năm 1991. Kết quả đó có phần đóng góp xứng đáng của sự phối hợp đấu tranh ngoại giao của ba nước Đông Dương.

Bước đột phá vấn đề Campuchia kéo theo sự tháo gỡ bao vây, cấm vận, tạo điều kiện cho ba nước Đông Dương cải thiện quan hệ với ASEAN và nhiều quốc gia khác.

Giai đoạn 1992 - 2007, thế giới có nhiều biến động lớn. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã, Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển chiếm vị

trí ưu thế. Cách mạng khoa học và công nghệ phát triển rất mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, toàn cầu hoá trên nhiều lĩnh vực trở thành xu thế tất yếu khách quan. Mặt khác, tình hình thế giới vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp, khó lường như xung đột lợi ích, ảnh hưởng của nhiều quốc gia dân tộc, chiến tranh cục bộ, khủng bố quốc tế,... Khu vực Đông Nam á, châu á - Thái Bình Dương là nơi ổn định và phát triển nhanh về kinh tế, song vẫn tồn tại những vụ tranh chấp lãnh thổ, nhất là biển đảo, khủng hoảng tài chính...

Trước tình hình đó, Việt Nam, Lào vẫn rất coi trọng, bảo vệ và phát triển quan hệ đặc biệt giữa hai nước; đồng thời đổi mới quan hệ ngoại giao: giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, tích cực hội nhập quốc tế và khu vực.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục phát triển sâu rộng, được thể hiện ở những cuộc thăm viếng, thông báo cho nhau tình hình nước mình, trao đổi ý kiến giữa các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước về những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm, trong đó có nhiều nội dung thuộc lĩnh vực ngoại giao, góp phần định hướng cho ngành ngoại giao hai nước triển khai các hoạt động của mình. Hai bên phối hợp với nhau và trao đổi thông tin, kinh nghiệm về hoạt động quốc tế và khu vực. Cũng trong giai đoạn này, hai Bộ Ngoại giao đã tiến hành ký kết các hiệp định hợp tác dài hạn, tổ chức giao lưu và ký thoả thuận phối hợp hoạt động giữa hai bên; hỗ trợ nhau tổ chức các hội nghị cấp cao ASEAN tại Viêng Chăn.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngoại giao, Việt Nam và Lào đã tiến hành từ nhiều năm trước đổi mới tại hai nước. Đến thời kỳ đổi mới, công tác này càng được mở rộng và nâng cao ở trình độ đại học và trên đại học.

Các hoạt động nói trên đều đạt hiệu quả tốt, tác động tích cực

đối với sự phát triển của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

4. Đặc điểm của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

a) Quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam phát triển từ quan hệ truyền thống lên quan hệ đặc biệt

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng. Trong lịch sử chế độ phong kiến, điểm nổi bật về quan hệ giữa hai dân tộc và mỗi bang giao giữa các triều đại là thân thiện, hữu hảo; không có sự áp bức và nô dịch nhau, không có hiềm khích dân tộc, mặt khác, lại đã từng giúp đỡ nhau trong nhiều cuộc đấu tranh chống xâm lược. Nhân dân cư trú tại hai bên biên giới Việt Nam, Lào thường qua lại trao đổi sản vật hàng hoá và giao lưu, thăm viếng, do họ là những người cùng dòng họ.

Từ nửa sau thế kỷ XIX, hai nước đều bị thực dân Pháp xâm lược và đặt dưới sự thống trị của chế độ thuộc địa. Chúng thi hành chính sách bóc lột rất nặng nề bằng thuế khoá, kể cả thuế thân thời phong kiến mà cách mạng Pháp đã xoá bỏ, nhưng chúng vẫn áp dụng tại Đông Dương¹.

Thực dân Pháp còn ra sức vơ vét tài nguyên khoáng sản, nông sản, lâm sản; độc chiếm thị trường mua bán hàng hoá, cướp đoạt ruộng đất của nông dân, chiếm đoạt nguồn nhân công rẻ mạt. Đồng thời, chúng chèn ép sự phát triển kinh tế của các dân tộc tại Đông Dương. Bên cạnh đó, chúng thi hành chính sách đầu độc người Đông Dương bằng rượu cồn, thuốc phiện đi liền với thủ đoạn làm ngu dân và đàn áp khốc liệt những người yêu nước đấu tranh chống chế độ

¹. Riêng ở Việt Nam, thời nhà Nguyễn, trước khi bị Pháp chiếm, số tiền thuế mỗi năm khoảng 30 triệu phơăng, đến thời Toàn quyền Đume (những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX) đã tăng lên 90 triệu phơăng. Xem Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam, 1858 - 1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, t.II, tr.129.

thuộc địa hà khắc, khiến “nhà tù nhiều hơn trường học”.

Nhân dân hai nước Việt Nam, Lào vốn có truyền thống yêu nước, kiên cường chống ngoại xâm, căm ghét chế độ thuộc địa đã liên tục nổi dậy và ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng chống kẻ thù chung.

Từ khi phong trào Cần Vương bùng nổ dưới ngọn cờ yêu nước của Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết (tháng 7 năm 1885) đến những năm 20 thế kỷ XX, diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa và các hoạt động đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Nhiều phong trào trong số đó nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân Lào tại vùng sát biên giới Lào - Việt chạy dài từ Hạ Lào, Trung Lào lên Thượng Lào. Đặc biệt, trong những năm đầu thế kỷ XX, cuộc khởi nghĩa của người Lào do ông Kẹo và ông Cômmadăm lãnh đạo (kéo dài từ năm 1901 đến 1937) đã phối hợp với nghĩa quân dân tộc Xơđăng ở Tây Nguyên (Việt Nam) do tù trưởng Irê lãnh đạo cùng tấn công phá vỡ đồn canh Công cơ tu của thực dân Pháp (ngày 27 tháng 5 năm 1901).

Các phong trào đó bị chính quyền thực dân đàn áp, dập tắt. Song mối quan hệ giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào trong những năm đầu chống sự xâm lược và ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp cũng cho thấy nhận thức của hai dân tộc về xây dựng khối đoàn kết đấu tranh đã trở thành một nhu cầu khách quan cấp bách. Việc xác định con đường cứu nước đúng đắn và mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc trên bán đảo Đông Dương vẫn là những nhiệm vụ đặt ra cho các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước và cách mạng tại xứ này.

Chính Nguyễn ái Quốc, với lòng yêu nước nồng nàn và nghị lực phi thường vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, đã tự mình khám phá thế giới tư bản chủ nghĩa và các dân tộc thuộc địa, nhằm phát hiện chân lý cứu nước. Bằng cách đó, Người tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Đông Dương để xác định

con đường giải phóng các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia theo quỹ đạo cách mạng vô sản. Người chỉ đạo Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930, đến tháng 10 cùng năm đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương, lãnh đạo cách mạng Đông Dương. Những sự kiện trên đưa quan hệ đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam *từ truyền thống lên quan hệ đặc biệt*.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam gắn kết bền chặt, thủy chung, trong sáng hai dân tộc Việt Nam, Lào, trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt, đầy hy sinh gian khổ vì độc lập, tự do, hạnh phúc của hai dân tộc và nhân dân hai nước, đã trở thành *quy luật sống còn và sức mạnh kỳ diệu* đưa tới nhiều thắng lợi vĩ đại của Việt Nam và Lào trong đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và tiến hành thành công sự nghiệp đổi mới đưa hai nước cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền móng và chính Người cùng đồng chí Cayxôn Phômvihân, đồng chí Xuphanuvông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước dày công vun đắp; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam

Vào nửa sau những năm 20 thế kỷ XX, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc phát hiện tính tất yếu và phương pháp hữu hiệu để nhân dân Đông Dương lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, giành độc lập, tự do như trên đã viết. Trên các chặng đường phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc tiếp tục đưa ra những quyết định quan trọng nhằm thắt chặt quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam và dẫn đường cho khởi nghĩa tháng Tám 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược thu được thắng lợi.

Những quan điểm và chủ trương của Người được lãnh đạo và nhân dân Việt Nam, Lào lĩnh hội, thực hiện như: giúp bạn là mình tự giúp mình; đem sức ta mà tự giải phóng cho ta; Việt, Lào đoàn kết, trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ; không có gì quý hơn độc lập tự do... đã là ánh sáng và nguồn cổ vũ nhân dân Việt Nam, Lào chiến đấu và chiến thắng. Trong thời kỳ đổi mới, tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên những giá trị cao quý, chỉ đường cho hai Đảng và hai dân tộc Việt Nam, Lào tiến bước.

Trong tư tưởng, tình cảm của mình, lãnh tụ Hồ Chí Minh coi nhân dân Lào cũng như đồng bào của mình. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tháng 6 năm 1959, Người nói: Đồng bào (tức nhân dân Lào - BBS) đói, ta phải giải quyết sớm hơn. Phải săn sóc chu đáo... Trước mắt chú ý gạo, muối. Lãnh tụ Hồ Chí Minh rất chú trọng những vấn đề cơ bản của cách mạng Lào như: công tác xây dựng đảng về tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Người vừa góp ý kiến, vừa trực tiếp chỉ đạo nhiều hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào để cùng thực hiện... Đồng chí Cayxôn Phômvihản đã từng trân trọng viết về công lao của Người đối với cách mạng Lào: “Tư tưởng và tình cảm của Bác là ngọn đuốc soi đường, là nguồn cổ vũ sức mạnh đoàn kết đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào chúng tôi. Từ ngày cách mạng Lào còn trứng nước cho đến lúc đã trưởng thành, Bác Hồ luôn quan tâm dẫn đường chỉ lối”¹.

Tiếp thụ ý kiến chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đội ngũ cán bộ Đảng, Mặt trận, Chính

¹. Bài phát biểu của đồng chí Cayxôn Phômvihản, báo *Nhân dân* ngày 19 tháng 5 năm 1990, tr.1, 3.

phủ kháng chiến của Lào và Việt Nam luôn luôn sát cánh bên nhau trao đổi ý kiến, xác lập chủ trương, biện pháp tiến hành các nhiệm vụ chung của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Phương pháp hoạt động đó ngày càng được phát huy, cải tiến và phát triển, nhất là khi thực hiện những nhiệm vụ lịch sử quan trọng như: khởi nghĩa tháng 8 năm 1945; xây dựng khu kháng chiến trong kháng chiến chống Pháp; xây dựng căn cứ địa trung ương của cách mạng Lào trong giai đoạn chống Mỹ; những chiến dịch lớn diễn ra trên đất Lào có tác động tích cực trực tiếp tới chiến trường Việt Nam; Hội nghị thành lập Mặt trận Lào ít xala và Chính phủ kháng chiến Lào ít xala... Khi Đảng Cộng sản Đông Dương phát triển thành ba đảng từ sau Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục thắt chặt và mở rộng quan hệ đặc biệt trong quá trình lãnh đạo hai dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược lâu dài (21 năm), ác liệt. Mỗi quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam được thể hiện ở các lĩnh vực thống nhất chủ trương chiến lược, sách lược đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao, xây dựng lực lượng kháng chiến; giúp đỡ lẫn nhau trong tác chiến, giao thông vận tải, trong kinh tế, văn hoá, giáo dục, đào tạo cán bộ...

Thời kỳ hai nước Việt Nam, Lào sau khi hoàn thành thắng lợi sự nghiệp chống ngoại xâm, những bản chất tốt đẹp của quan hệ đặc biệt lại được mở rộng và phát triển lên tầm cao mới, bên cạnh lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các lĩnh vực khác như kinh tế, tài chính, đào tạo cán bộ, nhân lực, hợp tác ngoại giao theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, hội nhập khu vực và quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học và lý luận chính trị... càng phát triển.

c) Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là sự nghiệp của nhân dân Việt Nam, Lào

Hoạt động lý luận và tổ chức thực tiễn của lãnh tụ Nguyễn ái

Quốc từ những năm 20 thế kỷ XX đã mở đường tiến tới hình thành quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, lấy nền tảng là sức mạnh đoàn kết to lớn của nhân dân hai nước được khơi dậy như Người đã chỉ dẫn trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*”: “Dân khí mạnh, thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại”¹.

ý nghĩa và giá trị quý báu của luận điểm ấy đã được đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào khẳng định trong *Điều văn truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh*: “Dù ở đâu và lúc nào Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn luôn nhắc nhở những người cách mạng là muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải đoàn kết trong nội bộ Đảng, phải đoàn kết toàn dân. Đồng chí đã nói là ba dân tộc Việt Nam, Khome, Lào phải đoàn kết để cùng nhau đấu tranh, đồng thời phải đoàn kết rộng rãi với các dân tộc bị áp bức trên thế giới, kết hợp chặt chẽ tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản, đó là sức mạnh hùng hậu để đấu tranh với địch, đưa thắng lợi lại cho cách mạng. Đây là lời giáo huấn rất quý báu mà những người cộng sản chúng ta phải ghi nhớ và thực hiện thật đúng đắn”².

Những mục tiêu phấn đấu của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam bao quát những nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam và Lào. Đó là đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng chống kẻ thù đế quốc xâm lược và tay sai của chúng, giành độc lập, tự do cho dân tộc và nhân dân hai nước, xây dựng quan hệ bình đẳng, tự chủ, hữu nghị, hợp tác giữa hai quốc gia.

Nhân dân hai nước cũng hiểu rằng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường, chỉ có Đảng Cộng sản

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.274.

². Cayxôn Phômvihản: “Điều văn truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh”, xem Tập san *Xẻng vá vàng* (Ánh sáng), số 19 (số đặc biệt), tháng 9 năm 1969 của Mặt trận Lào yêu nước.

chân chính với đường lối cách mạng và phương pháp đoàn kết chân thành, tôn trọng quyền độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia, dân tộc mới có thể thực hiện những nguyện vọng đó.

Xuất phát từ nhận thức chính trị và niềm tin ấy mà nhân dân hai nước đã không quản gian khổ, hy sinh, đóng góp sức người, sức của để thực hiện những mục tiêu của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Trong gần một thế kỷ qua, họ *chung sức, chung lòng, vừa xây dựng lực lượng, vừa anh dũng, sáng tạo, giữ vững mục tiêu cách mạng, đương đầu với nhiều kẻ thù hùng mạnh và giành thắng lợi hoàn toàn, mà không tính thiệt hơn, chỉ dành cho nhau sự quý mến, trân trọng và biết ơn sâu nặng.*

Truyền thống tốt đẹp đó tiếp tục được phát huy trên trận tuyến bảo vệ và xây dựng Tổ quốc trên con đường đổi mới của hai nước.

d) Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam mang tính xuyên suốt, toàn diện và bền vững

Dân tộc độc lập, nhân dân được hưởng quyền tự do, hạnh phúc, đất nước giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu song trùng của hai dân tộc Việt Nam, Lào. Đó cũng là phương hướng, là động lực xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài của hai dân tộc, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là nhân tố *xuyên suốt* các chặng đường, bước trước chuẩn bị cho bước sau nối tiếp phát triển, từ đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược đến bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước với nhiều gian khổ và hy sinh để đi tới những kỳ tích lịch sử của hai nước Việt Nam, Lào.

Mỗi thời kỳ lịch sử tương ứng với một nhiệm vụ chiến lược cách mạng của hai nước và gắn bó chặt chẽ với sự vận động của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực tư

tướng, đường lối, chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hoá. Tuy mỗi thời kỳ có những nhiệm vụ trọng tâm, song nhìn tổng thể, vẫn nhận rõ tính *toàn diện*, phong phú mang bản chất cách mạng, nhân văn trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn, trong lý trí và tình cảm thẩm thiết của hai dân tộc.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trải qua nhiều thay đổi của lịch sử và những mưu đồ phá hoại của nhiều thế lực thù địch từ bên trong và bên ngoài, vẫn giữ nguyên tính *bền vững* và sức mạnh phi thường của nó. Các kỳ tích do hai dân tộc lập nên trong Cách mạng tháng Tám 1945, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cùng thành tựu có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới đều là minh chứng hùng hồn về độ bền vững của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Tất cả các nhân tố ấy đều lắng đọng, kết tinh và qua kiểm nghiệm trên nhiều bước đường gian khó, hiểm nghèo để biến quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thành giá trị văn hoá nhân văn trường tồn và phát triển cùng thời gian, là tài sản thiêng liêng, cao quý nhất cho mọi thế hệ nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào.

Nguồn gốc giá trị đó là do nhận thức của các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước về quy luật sống còn của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đối với vận mệnh hai dân tộc; về những quan điểm lý luận, tư tưởng và phương pháp xây dựng, phát triển quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam dựa trên nguyên tắc dân tộc tự quyết được thể hiện ở lời dạy của lãnh tụ Hồ Chí Minh: “Giúp *bạn là mình tự giúp mình*”, tuyệt đối tôn trọng chủ quyền của bạn, giúp bạn để bạn mạnh lên và tự giải quyết các nhiệm vụ cách mạng của dân tộc mình, không được áp đặt, làm thay... Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, cán bộ và nhân dân hai nước đều chấp hành đúng tư tưởng chỉ đạo và nguyên tắc hoạt động

đó trong quan hệ hai nước. Căn cứ vào thực tế lịch sử lâu dài của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihản đã phân tích, đánh giá và khắc hoạ sâu sắc những nét tiêu biểu, điển hình về tính toàn diện, xuyên suốt, bền vững của mối quan hệ đó: “Việt Nam đã giúp Lào từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương, nhất là từ năm 1945, Việt Nam đã có quân tình nguyện ở Lào và liên tục giúp Lào tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đến thắng lợi ngày nay. Có thể nói không lúc nào các đồng chí không ở bên cạnh chúng tôi, những lúc cách mạng gặp khó khăn, gay go nhất, đều có mặt các đồng chí. Các đồng chí đã giúp tận tình không nề hà gì, không tiếc xương máu con em mình. Như Bác Hồ đã nói giúp Lào là vì nghĩa vụ đối với dân tộc mình và nhiệm vụ quốc tế, các đồng chí đã làm được cả hai việc. Điều quý báu nhất, thành công lớn nhất của các đồng chí là đã giúp cho Lào, tạo cho Lào những nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Đó là các đồng chí giúp hình thành nên lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, hình thành nên Mặt trận dân tộc thống nhất, giúp giành, giữ và xây dựng khu giải phóng. Nhưng điều quan trọng nhất là các đồng chí đã giúp xây dựng đảng Mác - Lênin chân chính. Trong tình hình phức tạp hiện nay không có đảng Mác - Lênin thì cách mạng không thể thắng lợi được. Nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí mà đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng tôi đã phát triển từ ít đến nhiều. Đến nay, cán bộ chúng tôi đã tiến bộ một bước dài, tự đảm đương được nhiều mặt công việc so với trước. Tinh thần tự lực, tự cường tiến lên một bước sâu hơn. Các đồng chí cũng giúp chúng tôi đặt quan hệ với các đảng anh em, mở rộng quan hệ quốc tế của Đảng, và do đó, địa vị quốc tế của Đảng chúng tôi được

nâng cao”¹.

Về phía Việt Nam, tại cuộc mít tinh kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nói: “Trong quá trình cùng nhân dân các bộ tộc Lào sát cánh bên nhau, chia ngọt sẻ bùi, đùm bọc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, nhân dân Việt Nam luôn luôn nhận thức sâu sắc rằng, mỗi thắng lợi của Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay đều gắn liền với tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình của nhân dân các bộ tộc Lào anh em. Nhân dịp này, thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào anh em về sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu đó”².

Với niềm tin sắt đá ở sự phát triển bền vững của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào đồng chí Chummaly Xaynhaxôn, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã phát biểu tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào và 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Trên cơ sở các nguyên tắc và kinh nghiệm cũng như truyền

¹. *Biên bản hội đàm giữa Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Lao động Việt Nam và Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, tại Đồ Sơn, từ ngày 10 đến 14 tháng 12 năm 1973. Tài liệu l- u tại Ban Đối ngoại Đảng Cộng sản Việt Nam.

². Nông Đức Mạnh: “Không ngừng củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào”, báo *Nhân dân*, ngày 18 tháng 7 năm 2007.

thống đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam, chúng ta sẽ tăng cường hợp tác mọi mặt, khuyến khích các tổ chức Đảng, Nhà nước, bộ, ngành, địa phương, tổ chức quần chúng và các đơn vị kinh tế - doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ, làm cho quan hệ hợp tác Lào và Việt Nam đi vào thực chất, phù hợp với đường lối đối mới và vì sự phát triển phồn vinh của cả hai nước, vì sự nghiệp hoà bình, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới”¹.

III. Ý NGHĨA LỊCH SỬ

1. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh vô địch của hai dân tộc Việt Nam, Lào

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hoạt động thực tiễn của các lực lượng cách mạng, quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam từng bước được xây dựng và phát triển, *là nhân tố cơ bản gắn bó hai dân tộc*, tạo nên *sức mạnh vô địch* chiến thắng mọi kẻ thù, khắc phục nhiều khó khăn, trở lực trên con đường cách mạng. Đó là quá trình hai dân tộc tự nguyện đến với nhau trên cơ sở cùng giác ngộ lý tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, giành tự do, hạnh phúc cho nhân dân, xác lập quyền bình đẳng dân tộc, giúp đỡ lẫn nhau tự vươn lên và trưởng thành. Đó cũng là những chặng đường nhân dân hai nước vượt qua nhiều khác biệt về phong tục tập quán và những hậu quả chia rẽ Việt Nam, Lào do kẻ thù gây ra, để đi tới đồng tâm nhất trí, kề vai sát cánh cùng chống kẻ thù chung.

Biết bao tấm gương chịu đựng khó khăn, gian khổ và tự nguyện

¹. Chummaly Xaynhaxôn: “Tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam là tài sản vô giá của hai dân tộc”, báo *Nhân dân*, ngày 18 tháng 7 năm 2007.

hy sinh cho nhau của cán bộ, bộ đội và nhân dân hai nước để sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc Việt Nam, Lào giành thắng lợi đã diễn ra và trở thành lẽ sống của họ. Đây là một nhân tố cơ bản tạo nên mọi thắng lợi của những mục tiêu đấu tranh cách mạng mà hai dân tộc cùng hợp sức thực hiện.

Nét nổi bật có tác dụng giáo dục nhân dân hai nước là lòng trung thành của các nhà lãnh đạo Việt Nam, Lào đối với quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào và quan hệ Việt Nam, Lào và Campuchia mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cùng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào; và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào”¹.

Về phía Lào, trong những tình huống rất khó khăn và phức tạp của cách mạng, các nhà lãnh đạo, đại biểu cho ý chí của nhân dân Lào, đã thể hiện rõ sự kiên định của mình đối với quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào. Hai sự kiện sau đây đã biểu thị phẩm chất, bản lĩnh ấy của họ.

Một là, cuối năm 1949, Chính phủ Khăm Mạo đầu hàng thực dân Pháp, chỉ còn Hoàng thân Phếtxarạt và Hoàng thân Xuphanuvông vẫn giữ lập trường chống đế quốc Pháp xâm lược. Lúc bấy giờ Hoàng thân Xuphanuvông tổ chức cuộc họp báo, ra tuyên bố: “Tôi không đồng tình với những người trong Chính phủ trở về đầu hàng kẻ thù. Tôi sẽ cùng với nhân dân Lào, nhân dân Việt Nam, nhân dân Campuchia tiến hành cuộc đấu tranh cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn”².

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.174.

², 2, 3. Phumi Vôngvichít: *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất n-ớc Lào, Sđd*, tr.59, 58-59, 62.

Hai là, cũng vào khoảng thời gian đó, Khăm Mạo lôi kéo đồng chí Phumi Vôngvichít đang làm chủ tịch Khu 1, Khu 2 của khu kháng chiến Tây Bắc Lào theo chúng đầu hàng Pháp. Đồng chí trả lời: “Chúng tôi không đồng ý về với Pháp, vì làm như thế là đầu hàng kẻ thù và Tổ quốc ta sẽ không bao giờ giành được độc lập”². Đồng thời, đồng chí cũng kịch liệt bác bỏ những luận điệu của chúng - đòi không hợp tác với Việt Nam: “Nếu như vậy thì các anh nhất định không bao giờ thắng lợi. Vì các anh lấy tiền của, vũ khí, trang bị, kinh nghiệm ở đâu ra để chống Pháp? Nếu các anh không hợp tác với nước đang đánh kẻ thù chung thì các anh không bao giờ thắng lợi và không bao giờ độc lập. Như vậy tôi thấy con đường các anh đi là tách khỏi Việt Nam để đi đầu hàng thực dân Pháp, do đó tôi không đi theo cùng đường với các anh”³.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam nảy sinh, phát triển trong sự trùng hợp mục tiêu cách mạng và tình nghĩa của hai dân tộc láng giềng ruột thịt là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bình đẳng, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau*. Điều đó đã trở thành *động lực mạnh mẽ*, vượt lên mọi thử thách trên các chặng đường cách mạng, là *cội nguồn* sáng tạo trong chiến đấu và lao động, nhân lên sức mạnh đoàn kết, hợp tác giữa hai bên để chiến thắng các kẻ thù lớn mạnh, hung bạo; phá vỡ những mưu đồ chia rẽ, phá hoại của các thế lực xâm lược, thù địch, phát hiện con đường đổi mới thích hợp cho hai nước. Do vậy, những thắng lợi quan trọng nhất của hai dân tộc đánh dấu những bước ngoặt lịch sử của mình như Cách mạng tháng Tám 1945; kháng chiến chống Pháp, tháng 7 năm 1954; chống Mỹ năm 1975 và mở đầu sự nghiệp đổi mới năm 1986, hầu như diễn ra song hành.

2. Đứng ở vị trí chiến lược của vùng Đông Nam á, nơi đối đầu quyết liệt giữa phong trào cách mạng giải phóng dân tộc,

hoà bình và tiến bộ xã hội với các thế lực xâm lược, khôi đại đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trở thành *lực lượng nòng cốt, chặn đứng, làm thất bại những mưu đồ và hành động của kẻ thù, góp phần quan trọng tạo dựng môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia Đông Nam á*

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa vùng Đông Nam á phát triển mạnh. Nhiều nước đã giành được độc lập, bước vào thời kỳ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam và Lào tuy đã giành được độc lập, nhưng ngay sau đó, bị quân đội Pháp kéo tới xâm lược. Chúng đã vấp phải sự chiến đấu kiên cường của nhân dân Việt Nam và Lào cùng đứng trên một trận tuyến. Chiến tranh xâm lược kéo dài và hiện rõ sự thất bại của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ tìm cách can thiệp và thay chân Pháp hòng áp đặt chủ nghĩa thực dân mới tại miền Nam Việt Nam và Lào từ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (tháng 7 năm 1954). Mỹ tìm mọi cách lôi kéo nhiều nước đồng minh của họ để thành lập liên minh quân sự chống phe xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc. Tại châu á, ngày 8 tháng 9 năm 1954, Mỹ thành lập “tổ chức Hiệp ước Đông Nam á” (SEATO) nhằm ngăn chặn chủ nghĩa xã hội tràn qua vĩ tuyến 17 xuống Đông Nam á, đặt miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia nằm trong phạm vi bảo hộ của Mỹ.

ở miền Nam Việt Nam, trong thập niên 1960, Mỹ áp dụng từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đến chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân vào miền Nam Việt Nam và đánh phá miền Bắc, một thành viên của phe xã hội chủ nghĩa, bằng không quân và hải quân. Tại Lào, Mỹ cũng thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh đặc biệt tăng cường” với cường độ ác liệt

ngày càng gia tăng. Bằng những hành động đó, đế quốc Mỹ biến cuộc chiến tranh này thành cuộc “đội đầu lịch sử” giữa họ với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào hoà bình, tiến bộ xã hội.

Với sức mạnh đoàn kết dân tộc, đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam và ý chí đấu tranh kiên cường, sáng tạo, quân dân Việt Nam, Lào đã đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; đồng thời cũng làm thất bại những mưu đồ của các thế lực thù địch gây chia rẽ, đối địch giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; góp phần tạo lập môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia Đông Nam Á.

3. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là một tấm gương mẫu mực, thuỷ chung, trong sáng, vững bền, chưa từng có trong quan hệ giữa các dân tộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hoà bình và tiến bộ xã hội

Trong lịch sử thế giới từ xưa tới nay, đã xuất hiện nhiều hình thức liên minh, đồng minh, hợp tác hoặc hình thành các cộng đồng quốc gia với nhiều thể chế đa dạng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Riêng quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam được gọi là quan hệ đặc biệt bởi khái niệm đó là *sự tổng hợp, khái quát đúng đắn về truyền thống lịch sử, địa lý, về lý luận và thực tiễn của sự kết hợp nguyên tắc dân tộc tự quyết và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, chủ nghĩa nhân văn cao cả, tính tất yếu và quy luật dẫn tới thắng lợi và thành công của hai dân tộc Việt Nam, Lào.*

Nói cách khác, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là *khối đoàn kết chặt chẽ của hai dân tộc phấn đấu cho những lợi ích cơ bản và nguyện vọng chính đáng thiết tha nhất của nhân dân hai nước như trên đã viết, đó là niềm tin tất thắng của quan hệ Việt Nam*

- Lào, Lào - Việt Nam thâm sâu vào lòng nhân dân hai nước.

Cảm nhận của đồng chí Phumi Vôngvichít sau khi đi khảo sát nhiều vùng ở Thái Lan, nơi người Lào và người Việt cùng tản cư sang để tránh sự tàn sát của quân đội Pháp và xây dựng lực lượng kháng chiến đầu năm 1946, cho chúng ta hiểu rõ điều đó: “Để thực hiện nhiệm vụ, tôi đề ra chương trình đi những nơi cần thiết... Tôi đến Băng Cốc để gặp Chính phủ Lào độc lập sang tạm lánh ở đây và gặp đại biểu Việt Nam nhằm tìm hiểu cách thức tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng đất nước Lào...”. Sau khi đi xem xét tình hình tại nhiều nơi khác, đồng chí nhận xét: “Chuyến đi lần này đã giúp tôi có những nhận thức mới, mở tầm nhìn cho tôi vào con đường cách mạng của dân tộc. Nó còn cho thấy nhân dân Lào ở khắp các miền đều đứng dậy đấu tranh chống bọn thực dân Pháp để giải phóng Tổ quốc khỏi ách thống trị thực dân và phong kiến thống trị thối nát. Một điều nữa mà tôi cũng thấy là khắp mọi nơi ở Campuchia hay ở Lào nếu có người Việt Nam thì họ đều hợp tác chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược”... “Nhận thức rõ nhất là muốn làm cuộc kháng chiến chống quân thù ở Lào, chúng tôi phải hợp tác với người Việt Nam, đang thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹.

Đối với hai dân tộc Việt Nam, Lào, quan hệ đặc biệt được coi là *lẽ sống, là tình nghĩa ruột thịt thân thiết*, trước sau như một, dù gian nan nguy hiểm đến chừng nào cũng không thể chia tách được. Nó vượt lên mọi thử thách để giữ trọn “Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long” như Bác Hồ đã viết. Cùng mạch nguồn của tư duy trên, đồng chí Cayxôn Phômvihản cho rằng, quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt

¹. Phumi Vôngvichít: *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất nước Lào*, Sđd, tr.49-50.

Nam “quý hơn ngọc quý nhất”, cần phải bảo vệ và phát huy mãi mãi.

IV. BÀI HỌC LỊCH SỬ

1. Xác định đúng đắn hệ thống quan điểm lý luận về mối quan hệ dân tộc và quốc tế trong thời đại mới giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Trên con đường khám phá chân lý cứu nước, cứu dân, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc đã từng biết quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa do Tổng thống Mỹ Uynxon (Wilson) nêu ra tại điểm 5 *Chương trình 14 điểm*, công bố đầu năm 1918: “Giải quyết công tâm những vấn đề thuộc địa, chiếu cố các dân tộc bản xứ và các chính phủ”. Chương trình đó được coi là nguyên tắc thảo luận tại Hội nghị hoà bình Vécxây (Pháp), năm 1919, của các nước đế quốc chiến thắng đế quốc Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) với mục tiêu của Mỹ là tranh giành thuộc địa với các nước đế quốc khác, tấn công nước Nga Xôviết và nêu cao vai trò của Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Nhân dịp đó, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc thay mặt *Nhóm những người Việt Nam yêu nước* gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điểm:

- “1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;
3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;
4. Tự do *lập hội* và *hội họp*;
5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;

6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*;

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ”¹.

Người viết rõ, đây chỉ là những yêu sách khiêm tốn trong khi chờ nguyên tắc dân tộc được hiện thực hoá, quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thực sự. Người mong những yêu sách đó được các nước Đồng minh, trong đó có Chính phủ Mỹ, ủng hộ nhưng không nhận được ý kiến trả lời. Từ hiện tượng ấy, Người nêu rõ bản chất của chủ nghĩa Uynxon về quyền dân tộc tự quyết trong bài “*Cuộc kháng chiến*” thuộc chủ đề *Đông Dương* (1923 - 1924): “Nhưng sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng “chủ nghĩa Uynxon” chỉ là một trò bịp bợm lớn. *Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”². Điều cốt yếu của luận điểm này là sự nghiệp giải phóng dân tộc gắn liền với sự nghiệp giải phóng xã hội và giải phóng con người theo quy luật phát triển của xã hội loài người để đi tới chỗ “xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”² như Mác - Ăngghen viết trong “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*”. Đó chính là định hướng phát triển của cách mạng Đông Dương theo tinh thần cách mạng triệt để mà lãnh tụ Nguyễn ái Quốc xác định.

Từ khi bị thực dân Pháp xâm lược và thiết lập chế độ thuộc địa

¹, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.435-436, 416.

². C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.628.

tại Việt Nam và Lào, nhân dân hai nước đã giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung. Song do chưa xác định được những luận điểm cách mạng đúng đắn về mối quan hệ dân tộc và quốc tế, làm cơ sở xây dựng quan hệ đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, nên mối quan hệ đó vẫn là quan hệ truyền thống.

Với trách nhiệm cao đối với cách mạng Đông Dương và năng lực sáng tạo lý luận cách mạng kiệt xuất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất những quan điểm cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, Miên, Lào. Trong đó, bao hàm cả nội dung quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam:

Cách mạng Đông Dương là cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Sự nghiệp cách mạng của ba nước Đông Dương phải do nhân dân ba nước Đông Dương cùng đồng tâm, nhất trí tiến hành. Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng đó sẽ hỗ trợ đắc lực cho công cuộc cách mạng của giai cấp vô sản Pháp.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập đã thể hiện mối quan hệ dân tộc và quốc tế đúng đắn trong *Sách lược văn tắt*: “trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”¹.

Tiếp tục phát triển dòng tư duy về vấn đề trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công hiến thêm cho nhân dân ba nước Đông Dương một quan điểm mới, thống nhất với quan điểm của Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ tám, tháng 5 năm 1941: các dân tộc Đông Dương đều phải chịu chung một ách thống trị của phát xít Pháp - Nhật, cho nên phải đoàn kết lại đánh đuổi kẻ thù chung. Song Đảng phải hết sức tôn trọng và thi hành đúng quyền

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổ*, t.2, tr.4-5.

“dân tộc tự quyết” đối với các nước ở Đông Dương. Sau khi giành được độc lập: “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”¹.

Việt Nam giúp bạn Lào là thực hiện nghĩa vụ quốc tế với tinh thần “giúp bạn là mình tự giúp mình”.

Những quan điểm trên thể hiện rõ ràng, đúng đắn nguyên tắc dân tộc tự quyết và chủ nghĩa quốc tế trong sáng mà nội dung chính yếu là mỗi dân tộc ở Đông Dương có quyền tiến hành công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tự quyết định chế độ chính trị của quốc gia; có quyền lựa chọn con đường xây dựng, phát triển đất nước; có quyền bình đẳng, hợp tác với các dân tộc khác vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội; đồng thời tôn trọng độc lập, chủ quyền và an ninh của các dân tộc; ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau và đoàn kết chặt chẽ trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước... Tất cả đều thể hiện rõ sự gắn kết và tác động tích cực giữa chủ nghĩa quốc tế trong sáng và chủ nghĩa yêu nước chân chính trong tiến trình cách mạng của ba dân tộc; hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa sô vanh, dân tộc vị kỷ.

Điều rất đáng trân trọng nữa là những quan điểm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương được các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước của hai dân tộc Việt, Lào quán triệt và vận dụng trong quá trình tạo dựng và phát huy sức mạnh của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Về phía Lào, Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng Nhân dân cách mạng Lào nhất trí khẳng định:

“Sự thật đã chứng minh mỗi bước đi đến thắng lợi của cách mạng Lào đều kết hợp chặt chẽ giữa sự nỗ lực cố gắng chủ quan

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.113.

của Đảng ta, của dân tộc ta với sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa, của mọi phong trào cách mạng dân tộc dân chủ và hoà bình thế giới, trong đó khối lực lượng liên minh chiến đấu giữa Đảng ta với Đảng Lao động Việt Nam luôn luôn là điều kiện cơ bản mà chúng ta rất coi trọng như một yếu tố thắng lợi”¹.

Nhấn mạnh giá trị của chủ nghĩa yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản qua thực tiễn cách mạng Lào, đồng chí Cayxôn Phônvihân nói: “Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải do nhân dân ta tự làm lấy.

Đảng ta là một Đảng lãnh đạo cách mạng thực sự, do đó phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, mỗi một đảng có độc lập, tự chủ thì mới chứng minh một cách đầy đủ chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản chân chính.

Căn cứ vào những điều nói trên, chúng ta mới vững vàng có đầy đủ tinh thần quyết chiến, quyết thắng”².

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và thấu hiểu bản chất hai dân tộc Việt Nam, Lào, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải quyết hợp lý, hài hoà nguyên tắc dân tộc tự quyết và quan hệ quốc tế vô sản trong sáng, biến nó thành nền tảng tư tưởng đúng đắn của hai dân tộc. Điều đó vừa là kinh nghiệm, vừa là lý luận của lãnh tụ Hồ Chí Minh, của hai Đảng, hai dân tộc Việt Nam, Lào cống hiến cho các dòng thác cách mạng thế giới.

Từ đầu thập niên 90 thế kỷ XX, hai nước Việt Nam và Lào đều thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa; là bạn và đối tác

¹. Tài liệu l- u tại Viện Lịch sử quân sự, ký hiệu TK-937.

². Cayxôn Phônvihân: *Bài nói tại Hội nghị cán bộ toàn quốc*, ngày 13 tháng 5 năm 1974.

tin cậy của các nước, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực Đông Nam á. Đồng thời, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên mọi lĩnh vực, giữ vững các quan điểm và nguyên tắc hợp tác mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra, coi đó là nhân tố bất biến trong ứng xử với mọi đổi thay, biến động của thế giới và khu vực.

2. Xác định nội dung, phương thức xây dựng quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là cụ thể hoá hệ thống quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ quốc gia và quốc tế trong điều kiện cụ thể của hai nước để hướng dẫn hoạt động của Đảng, của hệ thống chính trị và quân, dân hai nước Việt Nam, Lào nhằm đạt tới mục tiêu cách mạng do hai bên xác lập

Trên lĩnh vực này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương, kế tiếp là Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đề xuất và lãnh đạo các cấp bộ đảng, hệ thống chính trị và nhân dân Việt Nam thực hiện nghĩa vụ xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt hai nước Việt Nam, Lào theo tinh thần:

Giúp bạn một cách vô tư, với cố gắng cao nhất của mình.

Không được áp đặt, rập khuôn máy móc những kinh nghiệm và cách làm ở Việt Nam, không phù hợp với điều kiện cụ thể của bạn.

Tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam phê bình một đồng chí phụ trách cơ quan của Việt Nam giúp Lào đã tự ý đề ra kế hoạch và phổ biến xuống các cấp về phát động quần

chúng đấu tranh xoá bỏ chế độ công, lam¹. Làm như vậy là không đúng với hoàn cảnh, điều kiện của bạn Lào và mang tính chất bao biện. Bộ Chính trị chỉ thị: đã sai thì phải kịp thời sửa sai, thu ngay chỉ thị và kế hoạch đã phổ biến.

Giúp bạn để bạn tiến bộ và có thể tự làm lấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn cán bộ Việt Nam đi làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào: giúp nhiều nhất cũng chỉ được 1/10, còn tự lực là 9/10.

Về sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam, Lào, các đồng chí lãnh đạo hai nước đã nhiều lần khẳng định giá trị đặc biệt của mối quan hệ đó. Trong cuộc hội đàm giữa đại diện hai Trung ương Đảng năm 1971, đồng chí Cayxôn Phômvihản nói: “Sự giúp đỡ của Việt Nam ba năm qua là hết lòng hết sức, trong hoàn cảnh khó khăn nhưng đã hết sức giúp đỡ, không tiếc xương máu. Đó là điều rất quý, đã làm cho Đảng Lào, cách mạng Lào trưởng thành, đặc biệt nhất là sự giúp đỡ về kinh nghiệm, đường lối. Về mặt này, giữa hai Đảng ta sự nhất trí ngày càng cao chẳng những chiến lược mà cả sách lược nữa. Thay mặt Đảng Nhân dân Lào, tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến Đảng và nhân dân Việt Nam.

Các đồng chí sang giúp, đã giữ được phương châm hai Trung ương đã bàn bạc với nhau, phương pháp giúp nói chung cũng tốt.

Tóm lại, trong việc giúp đỡ mặt tốt là cơ bản, tận tình, tuy Việt Nam có khó khăn nhưng đã không tiếc gì với Lào, chính cái đó đã góp phần tăng cường đoàn kết giữa hai Đảng. Đây là *quan hệ đặc biệt trên thế giới không đâu có*”² (BBS nhấn mạnh).

¹. Công, lam: là chế độ chúa đất bắt nông dân phải lao dịch cho mình.

². Trích l-ợc một số ý kiến phát biểu của anh Bảy* và anh Ba* tại cuộc hội đàm giữa hai Trung - ơng Đảng, 1971, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Anh Bảy: đồng chí Cayxôn Phômvihản; anh Ba: đồng chí Lê Duẩn.

Cũng tại cuộc hội đàm này, đồng chí Lê Duẩn phát biểu: “Thay mặt Đảng Lao động Việt Nam, chúng tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ của Đảng Nhân dân Lào và của nhân dân Lào anh em đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân chúng tôi. Đây là những lời nói chân thật tự đáy lòng. Chúng tôi xin cảm ơn các đồng chí với sự hiểu biết sâu sắc mối quan hệ đặc biệt đã gắn bó hai Đảng, hai dân tộc Lào, Việt Nam chúng ta suốt 25 năm chiến đấu sống chết có nhau chống kẻ thù chung. Nhân dân Việt Nam hy sinh xương máu cho cách mạng Lào, nhân dân Lào cũng hy sinh tính mạng và của cải để giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Hai Đảng, hai dân tộc chúng ta giúp đỡ lẫn nhau, *nếu chỉ thấy sự giúp đỡ của một bên là không đúng* (BBS nhấn mạnh). Đảng chúng tôi luôn luôn giáo dục cho cán bộ, đảng viên Việt Nam hiểu rõ điều đó”¹.

Trong mối quan hệ công tác giữa cán bộ Việt Nam và cán bộ Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn:

“Thật thà đoàn kết về tinh thần và trong công tác;
Thật thà tự phê bình và phê bình lẫn nhau;
Cán bộ Việt Nam tuyệt đối tránh bao biện;
Cán bộ Lào thì nên tránh khách khí”²

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, Người thường xuyên nhấn mạnh việc thực hiện tự phê bình của các tổ chức và cán bộ Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào.

Tại Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, ngày 3 tháng 6 năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu: “Về Lào, ta

¹. Trích l- ọc một số ý kiến phát biểu của anh Bảy và anh Ba tại cuộc hội đàm giữa hai Trung - ơng Đảng, 1971, Tài liệu đã dẫn.

². Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi tại bản *Quy định chế độ làm việc của cố vấn và cán bộ Việt Nam với Chính phủ và cán bộ cách mạng Lào*, ngày 5 tháng 5 năm 1953, Tài liệu l- u tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

phải thấy phe đế quốc nó có cả một kế hoạch. Viện trợ Mỹ (cho phe hữu ở Lào - BBS) tính theo đầu người là cao nhất.

Ta giúp (bạn Lào - BBS) không quán xuyến, thiếu liên tục phải giúp có tổ chức, giúp hết sức chặt chẽ, phải có kế hoạch giúp trước mắt và giúp lâu dài.

Đối với Lào, ta còn nóng vội, thấy thắng lớn, không nhìn hết khó khăn”.

Thực hiện lời chỉ giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, noi theo tấm gương tự phê bình, phê bình của Người, cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã nhiều lần nêu ý kiến tự phê bình và phê bình trong hội đàm giữa hai bên về những khuyết điểm của mình, của bạn; đồng thời trình bày phương pháp khắc phục. Tại cuộc hội đàm năm 1971, đồng chí Cayxôn Phômvihân sau khi nói về sự giúp đỡ hết lòng, hết sức của Việt Nam đối với Lào, đã nêu lên những nhận xét về sự giúp đỡ của Việt Nam trong công tác đào tạo cán bộ và hoạt động của đội ngũ chuyên gia: “Giúp xây dựng, đào tạo cán bộ về chính trị tương đối được nhưng chuyên môn chưa được sâu, còn nặng bồi dưỡng về những vấn đề trước mắt, chưa chú trọng đi vào bồi dưỡng cơ bản, toàn diện để từng bước anh em Lào tự làm chủ lấy. Còn coi nhẹ giúp xây dựng cán bộ chủ trì, cán bộ quản lý, chỉ đạo kinh tế. Giúp xây dựng cơ quan mới được phân giải quyết việc trước mắt, chưa đi sâu bồi dưỡng cho anh em nắm được công việc một cách cơ bản, lâu dài, đủ sức làm tham mưu cho Trung ương...”.

Về hoạt động của chuyên gia Việt Nam, đồng chí Cayxôn cho rằng: “Đội ngũ chuyên gia sang giúp có hai loại: loại cũ đã 5, 7, 10 năm trở lên, nhiệt tình rất cao, gắn bó với cách mạng Lào, tin tưởng vào khả năng cách mạng của nhân dân Lào, cán bộ Lào, hiểu biết tình hình, tâm lý của anh em Lào, phương pháp cũng tốt, dễ thâm nhập, đoàn kết Lào - Việt tốt. Nhưng bên cạnh đó có chỗ yếu là sức khoẻ kém... nhiều người không học tập được những vấn đề lý luận cơ

bản, công tác chuyên môn... nên hạn chế việc giúp. Anh em mới sang thì nhiệt tình cũng có, tốt, sức khoẻ đỡ hơn, được học tập bên nước, nhưng bên cạnh đó, có những chỗ yếu như chưa hiểu nhiều tình hình Lào, có số chỉ biết kỹ thuật đơn thuần, tâm tư tình cảm anh em Lào không rõ. Đáng chú ý là về tư tưởng có khi chưa thật sự tin vào khả năng cán bộ và nhân dân Lào...”.

“... Về phía chúng tôi, nói chung tin tưởng sự giúp đỡ của Việt Nam, tin tưởng các đồng chí Việt Nam, tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của các đồng chí, học hỏi các đồng chí, do đó đã từng bước trưởng thành lên, đoàn kết với anh em Việt Nam tốt. Bên cạnh những ưu điểm cũng có một số khuyết điểm:

Khuyết điểm chính là còn ỷ lại, chưa tích cực vươn lên, thực sự tự lực, làm chủ, có những bộ phận, những đồng chí chưa thực sự tranh thủ sự giúp đỡ của các đồng chí Việt Nam. Chủ quan, nghĩ là đoàn kết Việt - Lào đã có sẵn từ lâu rồi, coi thường chia rẽ của địch, không thường xuyên giáo dục nội bộ nên có nơi đã xảy ra vấn đề. Mặt khác cũng chưa tích cực giúp đỡ các đồng chí Việt Nam mọi điều kiện thuận lợi để làm nhiệm vụ”¹.

Theo ý kiến của đồng chí Cayxôn Phômvihản, đề cập những ưu, khuyết điểm trên là để đúc kết kinh nghiệm trong thời gian tới Việt Nam giúp Lào đạt hiệu quả cao hơn.

Tiếp đó, đồng chí nêu ra cách giúp, đại ý: vấn đề vừa cơ bản, vừa lâu dài là Việt Nam giúp cho lực lượng cách mạng Lào trưởng thành để người Lào có thể tự lực được, làm chủ được; giúp thế nào để củng cố, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa hai Đảng, quân đội và nhân dân hai nước ngày càng chặt chẽ.

Nguyên tắc giúp là theo yêu cầu của Lào và khả năng của Việt Nam, tôn trọng chủ quyền của Lào, tạo điều kiện để Lào tự quyết

¹. Trích l- ọc một số ý kiến phát biểu của anh Bảy và anh Ba tại cuộc hội đàm giữa hai Trung - ơng Đảng, 1971, Tài liệu đã dẫn.

định lấy, giúp toàn diện và có trọng điểm, giúp trước mắt và lâu dài, giúp xây dựng đảng và đào tạo cán bộ...

Đối với chuyên gia sang giúp, cần chất lượng là chính, số lượng vừa phải và làm thế nào giáo dục anh em như lời Bác Hồ: anh em chuyên gia sang bên đó phải tin tưởng nhân dân Lào, tin tưởng khả năng cán bộ Lào, tôn trọng chủ quyền của Lào...

Cần giúp theo phương pháp, cán bộ Lào nêu vấn đề trước, hay cán bộ Việt Nam nêu vấn đề trước, vừa gợi mở, vừa bồi dưỡng từng bước, từ những vấn đề trước mắt đến những vấn đề lâu dài, từ đơn giản đến phức tạp một cách thoải mái nhằm phát huy tinh thần cố gắng suy nghĩ và nêu ý kiến của mình, qua đó mà bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ Lào. Như vậy, vừa được việc, vừa được con người.

Đáp lời đồng chí Cayxôn Phômvihản, đồng chí Lê Duẩn nói: “Làm cách mạng ở Lào cũng như làm cách mạng ở Việt Nam, chỉ sợ anh em làm sai. Trong Đảng, trong nước chúng tôi, có làm sai cũng là việc nội bộ, sang Lào làm sai là người Việt Nam làm sai. Điều rất tốt, rất quý là các đồng chí Lào đã bỏ qua cho nhiều lắm. Nhưng về phía mình, chúng tôi cũng cần soát xét lại, ai tốt, tình nguyện thì để ở lại, ai không tốt, không tình nguyện thì cho về chiến đấu tại Việt Nam, đã tình nguyện thì nhất thiết phải làm cho tốt...”.

“Hai Đảng chúng ta rất thực tình với nhau, chúng ta hiểu nhau, có gì nói hết, nói với nhau như trong một nhà. Đây là điều rất đáng mừng. Trên thế giới ít có những đảng hiểu nhau sâu sắc, đoàn kết với nhau chặt chẽ, ruột thịt như hai Đảng chúng ta. Có thể nói đây là một mẫu mực trong quan hệ giữa các đảng anh em”¹.

¹. Trích l- ọc một số ý kiến phát biểu của anh Bảy và anh Ba tại cuộc hội đàm giữa hai Trung - ơng Đảng, 1971, Tài liệu đã dẫn.

Những ý kiến tự phê bình và phê bình của hai đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam bao hàm nội dung và phương pháp tự phê bình và phê bình mẫu mực, chân tình, hướng vào những vấn đề cơ bản của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam; nêu ra các biện pháp thiết thực sát hợp với trình độ nhận thức và năng lực của cán bộ hai nước Lào, Việt Nam lúc bấy giờ. Đây là một kinh nghiệm quý báu được tạo nên trong môi trường quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, gây tác động tích cực đến sự phát triển của mối quan hệ đó.

Một hoạt động rất hữu ích nữa mà hai Đảng thường xuyên tiến hành là trao đổi kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng từ trong kháng chiến chống đế quốc xâm lược ngay trên chiến trường hoặc trong các cuộc hội đàm giữa các cấp lãnh đạo đảng và quân đội. Vận dụng kinh nghiệm ấy vào thời điểm hai Đảng đang tiến tới đại hội đề xướng chủ trương đổi mới: Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 27 tháng 9 năm 1986, diễn ra buổi gặp và làm việc giữa Tổng Bí thư Trường Chinh và Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản tập trung vào chủ đề quan trọng đó.

Đồng chí Cayxôn Phômvihản thông báo ngắn gọn, súc tích tinh thần, nội dung cơ bản *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào* sẽ trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Trong bài phát biểu của mình, đồng chí Trường Chinh biểu thị sự tán thành đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đường lối quốc tế của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Tiếp đó, đồng chí trình bày những quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong chặng đường đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về kinh tế, điều then chốt là phát triển mạnh mẽ *lực lượng sản xuất* và xây dựng *quan hệ sản xuất* phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của

lực lượng sản xuất; từng bước xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hoá.

Về công tác xây dựng đảng và công tác cán bộ, đồng chí nhân mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đều xuất thân từ Đảng Cộng sản Đông Dương do Bác Hồ sáng lập. Hai Đảng đã gắn bó chặt chẽ với nhau trải qua mấy chục năm đấu tranh kiên cường, vững vàng về chính trị. Đó là truyền thống cực kỳ quý báu và là bản chất của hai Đảng.

Để nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng, đồng chí nêu rõ: “Đảng chúng tôi xác định phải đổi mới công tác của Đảng về nhiều mặt: đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới bộ máy và hình thức tổ chức, đổi mới việc đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn và bố trí cán bộ, đổi mới phong cách và lề lối làm việc”¹.

Nói về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đồng chí nói: Đảng phải hết sức quan tâm xây dựng, củng cố sự điều hành của bộ máy nhà nước, nâng cao vai trò, vị trí của các đoàn thể quần chúng, tăng cường sức mạnh của toàn hệ thống chính trị mà Đảng là hạt nhân lãnh đạo.

Việc trao đổi ý kiến về những vấn đề cơ bản mở đường cho công cuộc đổi mới tại Lào và Việt Nam là một hoạt động rất quan trọng, vừa có lợi cho sự tăng cường vai trò lãnh đạo của hai Đảng, vừa góp phần củng cố, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiến bước trên con đường cách mạng mà Bác Hồ và Đảng Cộng sản Đông Dương đã lựa chọn cho hai dân tộc Việt Nam, Lào, dù cho trong hơn 10 năm cuối thế kỷ XX, chủ nghĩa xã

¹. Tr- ờng Chinh: *Lời phát biểu trong cuộc gặp và làm việc với đồng chí Tổng Bí th- Cayxôn Phômvihản* (ngày 27 tháng 9 năm 1986). Tài liệu l- u tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Hoạt động này làm phong phú thêm kinh nghiệm của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

3. Tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào là một nhân tố trọng yếu tạo nên độ bền vững và phát triển của mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Lãnh tụ Nguyễn ái Quốc đã dành nhiều năm nghiên cứu lý luận cách mạng và thực tiễn xã hội của các nước đế quốc và thuộc địa. Bằng phương pháp tư duy độc lập của mình, Người đã nhận xét về cuộc cách mạng tư sản Pháp và cách mạng tư sản Mỹ là những cuộc cách mạng không đến nơi, tiếng là cộng hoà, dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục (tước đoạt) công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cuối cùng, Người cho rằng chỉ có cách mạng Nga là đã thành công, nghĩa là dân chúng được hưởng tự do, hạnh phúc thật, không phải tự do giả dối như chủ nghĩa đế quốc Pháp khoe khoang bên An Nam. Từ đó, Người kết luận: muốn cách mạng thành công phải có công nông làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất.

Viết về *Tư cách của một đảng chân chính cách mạng* trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, Người nêu rõ: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”¹.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại lời căn dặn: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.249.

công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Những luận điểm nhất quán về bản chất và nhiệm vụ cơ bản của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là cơ sở vững chắc của tình cảm thủy chung, trong sáng, của tư duy chính trị và trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào được áp dụng đối với cả hai dân tộc và nhân dân hai nước Việt Nam, Lào trong quá trình hai Đảng lãnh đạo vun đắp, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo gắn bó chặt chẽ với nhau như một quy luật sống còn và được thực hiện bằng trách nhiệm giúp bạn là mình tự giúp mình.

Tuân theo quy luật ấy và thắm nhuần, giữ vững các nguyên tắc hoạt động do hai Đảng nhất trí đề ra và thực hiện như đã viết, công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm lâu dài, gian khổ và ác liệt đã thành công. Trên chặng đường xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới tại Lào và Việt Nam đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, đó cũng là thành quả của quan hệ đoàn kết, hợp tác toàn diện giữa hai nước; cũng là kinh nghiệm quý báu cho sự phát triển bền vững của mối quan hệ đó.

Trước sự biến đổi nhanh chóng của thời cuộc, của tính chất đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế, trong công tác xây dựng đảng của hai Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn cho hai dân tộc càng cần thường xuyên quan tâm giữ vững, nâng cao tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng của hai Đảng, một nhân tố trọng yếu tạo nên độ bền vững và phát triển của quan hệ Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào.

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.498.

Hơn thế nữa, tình cảm cao quý đó cần được gắn kết chặt chẽ với những quan điểm, nguyên tắc đoàn kết, hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong tư duy và hành động của hệ thống tổ chức đảng từ trung ương đến các cấp bộ đảng và tỏa rộng trong nhân dân, từ thế hệ trước qua thế hệ sau để bảo vệ, phát triển mối quan hệ đặc biệt này lên tầm phong phú hơn, đạt hiệu quả cao hơn.

4. Khai thác, phát huy các nhân tố, điều kiện cần thiết để xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Việt Nam và Lào sống bên nhau tại hai triền Đông, Tây dãy Trường Sơn hùng vĩ, là điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho sự phát triển của nhiều loài động vật, thực vật có giá trị kinh tế cao và quý hiếm, là địa bàn có nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh tự nhiên như hang động kỳ thú, rừng nguyên sinh hoang sơ và nhiều địa điểm thích hợp với du lịch, nghỉ dưỡng.

Đây cũng là nơi có nhiều dòng sông chảy qua với độ dốc lớn, là lợi thế xây dựng nhiều nhà máy thủy điện, cung cấp điện cho sản xuất, đời sống của nội địa và xuất khẩu.

Về mặt địa - quân sự và địa - kinh tế, dãy Trường Sơn là một tường thành hiểm yếu, vững chắc với núi rừng bao la kín đáo che khuất, tạo thuận lợi cho hai nước tựa lưng vào nhau trong chiến tranh bảo vệ nền độc lập của đất nước. Tại đây, có nhiều vị trí thuận lợi khổng chế một địa bàn rộng lớn của hai nước.

Về hoạt động kinh tế, hai nước bổ sung cho nhau bằng thế mạnh của mỗi nước là rất hợp lý. Việt Nam có bờ biển dài, nhiều cảng biển rất gần Lào, có thể ưu tiên cho Lào sử dụng xuất nhập khẩu hàng hoá, tạo thuận lợi cho nước bạn phát triển kinh tế và mở rộng giao lưu quốc tế. Còn Lào thì giúp Việt Nam qua đường bộ, đi về phía Tây vào sâu lục địa châu Á.

Trong hai nước, Lào có nhiều đất đai chưa khai thác và nguồn tài nguyên rừng, khoáng sản phong phú, Việt Nam có nguồn nhân công lớn, trên cơ sở đó, hai nước cần tăng cường hợp tác về nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm bổ sung, tạo thế mạnh cho mỗi bên và gia tăng hiệu quả hợp tác.

Các điều kiện đó cần được khảo sát, đánh giá một cách tổng thể và lập quy hoạch cho việc khai thác giá trị kinh tế, văn hoá có lợi nhất cho hai nước theo hướng vừa sử dụng, khai thác vừa bảo vệ và nâng cao giá trị lâu bền của nó.

Ngoài những điều kiện trên, hai nước Việt Nam, Lào còn có một ưu thế nổi trội vô cùng quý giá là quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam mà hai Đảng, hai dân tộc cần luôn luôn vun đắp, bảo vệ và phát huy trong mọi hoạt động chính trị, tư tưởng, kinh tế, quốc phòng, an ninh, ngoại giao, văn hoá, giáo dục, đào tạo nhân lực, nhân tài.

Trước hết, nhiều giá trị lý luận và hoạt động thực tiễn trong các lĩnh vực trên cần được tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thấu đáo và đề xuất các phương án vận dụng, phát triển trong hiện tại và tương lai. Trong đó, đặc biệt chú trọng đầu tư nghiên cứu tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh, các luận điểm và hoạt động thực tiễn của đồng chí Cayxôn Phômvihân và các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các hoạt động của các cấp bộ đảng, lực lượng vũ trang, các ngành, các cấp địa phương, các tầng lớp nhân dân trong quá trình phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Qua đó, tổng kết, phân tích, đánh giá nội hàm của *quy luật hình thành, phát triển và giá trị thời đại của nó*; các *quan điểm, nguyên tắc và phương pháp xây dựng, bảo vệ và vun đắp mối quan hệ đó ở cấp độ vĩ mô và vi mô* trong mọi lĩnh vực của đời sống...

Để có thể thực hiện đạt kết quả tốt công tác nghiên cứu chủ đề quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, cần củng cố các

đơn vị nghiên cứu và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên ngành về kiến thức, phương pháp nghiên cứu, ngoại ngữ.

Nên tổ chức biên soạn các loại bài giảng chuyên đề cho những đơn vị đào tạo, cán bộ lãnh đạo, quản lý, các trường đại học, cao đẳng và sách giáo khoa phổ thông với hình thức và mức độ thích hợp. Cũng cần khuyến khích, động viên các ngành văn hoá, nghệ thuật sáng tác, biểu diễn rộng rãi các tác phẩm thuộc đề tài quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Nhân tố quan trọng nhất là giữ gìn sự trong sáng của hai đảng mácxít - leninnít vốn cùng một gốc là Đảng Cộng sản Đông Dương do lãnh tụ Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, rồi phát triển thành Đảng Lao động Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Các Đảng đó đều được trưởng thành vững vàng qua đấu tranh gian khổ và hy sinh, qua biết bao thử thách khắc nghiệt chống kẻ thù chung và đối phó với các mưu đồ, thủ đoạn chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam do các thế lực thù địch gây ra. Hai Đảng đã đảm đương xuất sắc vai trò lãnh đạo hai nước, làm nên nhiều kỳ tích trong lịch sử của hai dân tộc Việt Nam, Lào.

Hiện thực lịch sử đó càng cho chúng ta thấy rõ yêu cầu nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào là nhiệm vụ then chốt cho sự phát triển của hai nước Việt Nam, Lào, cho quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Đồng thời, cần mở rộng và tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hệ thống chính trị, doanh nghiệp và các ngành, các địa phương của hai nước Việt Nam, Lào, nhất là các tỉnh tại địa bàn biên giới hai nước, nơi thường xuyên và trực tiếp giao lưu, phối hợp với chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ do Trung ương Đảng, Nhà nước của nước sở tại giao cho trong các lĩnh vực an ninh, quốc

phòng, kinh tế, văn hóa... Cần phát triển công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên môn nghiệp vụ của các ngành, các cấp phục vụ nhiệm vụ cách mạng của hai nước và thắt chặt hơn nữa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Mặt khác, cũng cần thực hiện những chủ trương, biện pháp đấu tranh hữu hiệu chống các thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá vỡ quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam do các thế lực thù địch gây ra.

Chương X

**PHẦN ĐẦU ĐƯA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT
VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM LÊN TẦM CAO MỚI**

**I. QUAN HỆ VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

1. Các nước lớn và các nước phát triển tăng cường hợp tác với ASEAN và các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra với tốc độ nhanh và ngày càng sâu sắc

Bước sang thế kỷ XXI, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu sắc trong thế giới hiện đại trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, khoa học, công nghệ, thương mại... Đó là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Toàn cầu hóa vừa có thời cơ cho sự hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời cũng là những thách thức to lớn, nhiều khi hoàn toàn mới mẻ đối với các nước còn đang ở tình trạng chậm phát triển. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương.

ở Việt Nam, đứng trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, từ Đại hội lần thứ IX (tháng 4 năm 2001), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*

và *khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”¹. Tới Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4 năm 2006), quan điểm này được làm rõ hơn: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”²...

ở Lào, trên cơ sở nhận thức quá trình toàn cầu hóa và sự hội nhập giữa các nước trong khu vực Đông Nam á diễn ra vừa hợp tác, vừa ganh đua khốc liệt, Đại hội lần thứ VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 3 năm 2006) chủ trương: “Kiên định quan điểm chủ động và thái độ tích cực trong hội nhập quốc tế và khu vực bằng việc phát huy cao độ sức mạnh của dân tộc và tiềm năng của đất nước, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước nhằm đảm bảo lợi ích chung và lợi ích riêng của mỗi bên”³.

Từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, đặc biệt là từ sau Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội lần thứ VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào, hai nước đã chủ động và tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, từng bước đạt được những kết quả đáng khích lệ. Những kết quả bước đầu đó đã góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở mỗi nước; đồng thời thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.120.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112.

³. Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII* (tháng 3 năm 2006), Tài liệu nội bộ, tr.18.

giữa hai nước ngày càng có hiệu quả hơn, tạo nên vị thế chiến lược rất quan trọng cho cả hai nước trong khu vực.

Đến cuối năm 2007, Việt Nam và Lào cùng là thành viên đầy đủ của Hiệp hội các nước Đông Nam á (ASEAN), tổ chức Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV)... Như vậy, cả Việt Nam và Lào đã không thể tách rời và bị ảnh hưởng sâu sắc bởi các chuyển biến ngày càng sôi động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Nhiều cơ hội đang mở ra cho quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam; đồng thời mối quan hệ này cũng đang phải đối mặt với những thách thức lớn, nhất là khi có các đối tác mạnh, nhiều tiềm năng tham gia trực tiếp và ngày càng gia tăng vào tiến trình hội nhập của khu vực châu á - Thái Bình Dương và ASEAN...

Trước hết, quan hệ hợp tác đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn mới chịu sự tác động trực tiếp của quá trình hội nhập quốc tế và khu vực đang diễn ra ngày càng sôi động với tốc độ nhanh và ngày càng sâu sắc. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực đang là xu thế phổ biến hiện nay và trụ lực chính của tiến trình này là tự do hóa thương mại. Khu vực Đông Nam á nói chung và Tiểu vùng Mê Công nói riêng đang gia tăng mạnh mẽ các lộ trình hội nhập trên nhiều cấp độ. Mặc dù thuộc nhóm các nước thành viên mới của ASEAN và cũng là các đối tác yếu trong hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), nhưng các nước này cũng đang cam kết mạnh mẽ việc thúc đẩy Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) phấn đấu đạt đến mức thuế 0% vào năm 2012 trên 12 lĩnh vực ưu tiên đã được tuyên bố tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 tại Viêng Chăn (tháng 10 năm 2004). Thông qua tiếp cận của toàn ASEAN như là một đầu mối phối hợp cho các sáng kiến hợp tác Đông á và ý tưởng về cộng đồng Đông á, Việt Nam và Lào cũng đã và đang thể hiện sự tham gia tích cực vào các chương trình hợp tác Đông á. Trên cơ sở mở rộng khuôn khổ của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), các phương thức hợp tác

ASEAN+1, ASEAN+3... đã được Việt Nam và Lào tích cực hưởng ứng.

ASEAN là một trong những khu vực có nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất thế giới và ngày càng khẳng định vai trò trong khu vực châu á - Thái Bình Dương, không ngừng thu hút, mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại với nhiều đối tác quan trọng trên thế giới, từng bước khẳng định vị thế quốc tế của mình.

Vị trí địa - chiến lược của Đông Nam á ở khu vực châu á - Thái Bình Dương từ lâu đã trở thành địa bàn tranh chấp ảnh hưởng và quyền lực giữa các nước lớn trên thế giới. Cùng với sự phát triển như vũ bão của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa, Đông Nam á ngày càng trở nên sống động không chỉ bởi sự gia tăng hợp tác và liên kết nội khối, mà còn trở thành nơi hội tụ của các sáng kiến mới thúc đẩy quan hệ hợp tác ASEAN với các đối tác bên ngoài, đặc biệt là đối với các nước lớn và các nước phát triển. Trước xu thế đó, các nhà lãnh đạo ASEAN càng nhận thức rõ hơn tính bức thiết trong việc đẩy nhanh tiến trình hội nhập trong nội khối cũng như ngoài khu vực. Chính vì vậy, việc hướng tới một cộng đồng ASEAN (AC) bền chặt, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, là phương cách giúp khối liên kết chặt chẽ, xích lại gần nhau hơn vì một hiệp hội thống nhất; đồng thời mở rộng quan hệ đối tác, đối thoại chiến lược với các nước, các tổ chức quốc tế; gia tăng vị thế và sức hấp dẫn của ASEAN trên trường quốc tế.

Những năm qua, ASEAN từng bước tạo được quan hệ khá sâu rộng với nhiều đối tác quan trọng, đạt được nhiều thỏa thuận với hầu hết các bên đối thoại trong khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược hoặc toàn cầu. Thúc đẩy nhanh tiến trình hoàn tất việc xây dựng các khu vực mậu dịch tự do (FTA) với mục tiêu rõ ràng. Trước mắt là tiến hành các cuộc đàm phán tự do hóa thương mại với Hàn Quốc năm 2008, Ôxtrâyli và Niu Dilân năm 2009, Trung Quốc năm 2010, ấn Độ năm 2011, Nhật Bản năm 2012.

Với sự phát triển ngày càng lớn mạnh và vị trí quan trọng trong khu vực châu á - Thái Bình Dương và trên thế giới của các nước ASEAN, các nước lớn và phát triển ngày càng quan tâm và tăng cường mở rộng quan hệ, đặc biệt là hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư vào khu vực này, góp phần tạo ra một diện mạo mới cho khu vực - một vùng đệm năng động nằm giữa hai trung tâm tăng trưởng mạnh là Trung Quốc và Ấn Độ; đồng thời đã và đang lôi cuốn sự tham gia của hầu hết các nước lớn vào tiến trình này.

Trước hết phải kể đến *Trung Quốc*, một quốc gia rộng lớn với hơn 1,3 tỷ dân, có chung đường biên giới với ba quốc gia (Việt Nam, Lào, Mianma) và lợi ích trên biển Đông với 9/10 quốc gia Đông Nam á. Tháng 11 năm 2002, Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc được ký kết tại Phnôm Pênh tạo nền tảng pháp lý quan trọng để tăng cường hợp tác kinh tế nhiều mặt giữa ASEAN và Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất là việc thành lập *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc* (ACFTA) trong vòng 10 năm¹.

Thực hiện Hiệp định khung, các n-ớc ASEAN và Trung Quốc đã tiến hành *Ch-ơng trình thu hoạch sớm* để cùng cắt giảm thuế quan nhanh đối với các mặt hàng nông sản. Các n-ớc ASEAN cũ (sáu n-ớc) và Trung Quốc thực hiện cắt giảm thuế quan xuống 0% từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 1 năm 2006. Đối với Việt Nam và Lào thì đ-ợc - u tiên kéo dài hơn (Việt Nam từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 1 năm 2008, Lào từ tháng 1 năm 2006 đến tháng 1 năm 2009). Tháng 11 năm 2004, hai bên đã ký Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp (dự kiến đến tháng 1 năm 2010 chính thức thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc).

Dựa trên trụ chính là Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), Trung Quốc đã và đang triển khai mạnh chiến lược “*một trục, hai cánh*” với khu vực ASEAN. Nghĩa là chủ động xây dựng: Hành lang kinh tế Côn Minh - Madaw (Mianma) để thông ra Ấn Độ D-ơng; hành lang kinh tế xuyên Á, bắt đầu từ Nam Ninh vào Việt Nam rẽ sang Lào qua Thái Lan, Malaixia, sang Xingapo và Hành lang kinh tế trên biển nối từ Hải Nam (Trung Quốc) xuống Malaixia.

Những năm gần đây, hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN không ngừng được mở rộng và phát triển theo hướng quan hệ đối tác chiến lược vì hoà bình và thịnh vượng. Kim ngạch trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và các nước ASEAN năm 2005 đạt 130,4 tỷ USD, trong đó trao đổi buôn bán với Việt Nam, Lào, Thái Lan, Mianma, Campuchia đạt 32 tỷ USD (theo nguồn của NCIEC); riêng với Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại năm 2007 đạt gần 17 tỷ USD. Dự kiến đến năm 2009, vốn đầu tư của Trung Quốc vào các nước ASEAN sẽ đạt 150 tỷ USD. Với lợi thế 1,9 tỷ dân (chiếm 1/3 dân số thế giới), tổng quy mô kinh tế khoảng 6.000 tỷ USD, Khu vực mậu dịch Trung Quốc - ASEAN được đánh giá là thị trường lớn nhất, là hành lang kinh tế quan trọng của thế giới. Từ tháng 1 năm 2010, Trung Quốc và ASEAN sẽ có khu vực mậu dịch tự do, từ đây 90% các mặt hàng giữa Trung Quốc và ASEAN sẽ có thuế suất bằng 0, mở cửa thực chất về thị trường, thể hiện thiện chí của ASEAN và Trung Quốc trong việc tự do hóa, đẩy mạnh việc thực hiện những biện pháp tích cực giúp nền kinh tế toàn cầu sớm ổn định và phát triển.

Như vậy, những dự án hợp tác mới của Trung Quốc sẽ tác động rất lớn đến các chiều hướng phát triển của toàn ASEAN và các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS).

Mỹ và ASEAN có quan hệ từ lâu. Những năm gần đây, Mỹ dành viện trợ giúp ASEAN thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, môi trường. Mỹ đánh giá cao vai trò của ASEAN trong việc phát huy hòa bình, ổn định và thịnh vượng trong khu vực châu á - Thái Bình Dương, giữ vị trí trung tâm trong tiến trình xây dựng các cơ chế liên kết toàn vùng. Tháng 6 năm 2007, Mỹ đã ký Hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA) với ASEAN (tiền thân của Hiệp định tự do thương mại đầy đủ). Ngày 22 tháng 6 năm 2007, Hiệp định khung về thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Mỹ đã được ký kết trong chuyến thăm Mỹ

của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Tháng 7 năm 2009, Mỹ đã ký với ASEAN Hiệp ước thân thiện và hợp tác (TAC), hứa hẹn mang lại cho hiệp hội ASEAN nhiều cơ hội thu hút đầu tư và phát triển. Từ tháng 9 năm 2010, Mỹ và ASEAN tuyên bố xây dựng quan hệ đối tác tăng cường,...

Nhật Bản cũng là nước sớm có quan hệ với các nước ASEAN, đặc biệt là những năm gần đây phát triển theo hướng đối tác chiến lược.

Đối với dự án phát triển tam giác Lào - Campuchia - Việt Nam, Nhật Bản đã tiến hành tài trợ và đầu tư vào khu vực này với cơ chế hợp tác Lào - Campuchia - Việt Nam + Nhật Bản (LCV+J). Từ sau Hội nghị cấp cao lần thứ nhất tại Viêng Chăn (tháng 11 năm 2004), Nhật Bản đã viện trợ không hoàn lại cho ba nước thông qua việc hỗ trợ các dự án nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông thôn và an sinh xã hội. Tại Hội nghị cấp cao lần thứ hai tại Malaixia (tháng 12 năm 2005), Nhật Bản cam kết hỗ trợ 2 tỷ yên cho 16 dự án của ba nước trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, dân sinh... Tại Hội nghị cấp cao lần thứ ba tại Philíppin (tháng 1 năm 2007), Nhật Bản hỗ trợ ba nước 20 triệu USD trong khoản hỗ trợ 52 triệu USD cho thúc đẩy hợp tác kinh tế ASEAN - Nhật Bản. Cũng trong năm 2007, ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đề nghị Nhật Bản hỗ trợ 12 dự án hạ tầng. Nhật Bản cũng đang tích cực đàm phán để xây dựng khu vực mậu dịch tự do giữa Nhật Bản và ASEAN vào năm 2012 và đến giữa năm 2008, Nhật Bản tiến hành bãi bỏ thuế quan đánh vào 90% lượng hàng hóa nhập khẩu từ các nước ASEAN.

Hàn Quốc trở thành bên đối thoại chính thức của ASEAN từ năm 1991. Năm 2005, hai bên đã ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện. ASEAN - Hàn Quốc, hình thành khu vực mậu dịch tự do song phương vào năm 2009. Kim ngạch thương mại và đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào ASEAN ngày càng được mở

rộng và tăng cường theo hướng đối tác chiến lược.

Ấn Độ trở thành bên đối thoại đầy đủ của ASEAN năm 1995, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ cũng đang được xúc tiến, tạo nền tảng quan trọng cho gia tăng thương mại hai chiều, với mục tiêu phần đầu đạt 70 tỷ USD vào hai năm 2010 - 2011. Hai bên đưa ra đề xuất khởi động lại Hội đồng kinh doanh ASEAN - Ấn Độ. Ấn Độ cũng đã khẳng định tiếp tục hợp tác và hỗ trợ cho ASEAN về khoa học - công nghệ và quyết tâm phát triển quan hệ Ấn Độ - ASEAN lên tầm cao mới trở thành quan hệ đối tác vì hoà bình, phát triển và thịnh vượng.

*Ôxtrâyli*a là nước công nghiệp đầu tiên thiết lập quan hệ đối thoại chính thức với ASEAN. Dự kiến đến đầu năm 2009 hai bên sẽ ký Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Ôxtrâyli - Niu Dilân (AANZFTA). Hiệp định này sẽ mang lại nhiều cơ hội hợp tác và đầu tư cho cả hai bên. Trong đó kim ngạch thương mại Ôxtrâyli - ASEAN đến năm 2008 đạt hơn 100 tỷ AUD. Riêng đối với Việt Nam, đến năm 2007, Ôxtrâyli là đối tác thương mại lớn thứ bảy và là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam. Kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng đều và khá cao, từ mức 32 triệu USD năm 1990 lên 4,56 tỷ USD năm 2007, dự kiến năm 2008 đạt 7 tỷ USD.

Về đầu tư, tính đến hết năm 2007, Ôxtrâyli có gần 200 dự án đầu tư vào Việt Nam với số vốn đạt hơn 1 tỷ USD, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ, giáo dục, công nghiệp chế biến, nông - lâm - ngư nghiệp; đứng thứ 20 trong tổng số 81 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Hợp tác về giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Ôxtrâyli những năm qua phát triển mạnh. Đến hết năm 2007 đã có hơn 15.000 sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam đang học tập tại Ôxtrâyli, ngoài ra còn có hơn 5.000 sinh viên Việt Nam theo học tại Học viện Hoàng gia Menbơn (Melbourne-RMIT) tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp tác và đầu tư của Ôxtrâyliia vào Việt Nam trong các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, lao động, viễn thông, nông nghiệp, giao thông vận tải, công nghiệp, du lịch, thể thao... ngày càng phát triển và với quy mô ngày càng lớn.

Liên bang Nga luôn coi ASEAN như một đối tác ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình và gần đây đang tăng cường và mở rộng chương trình phát triển hợp tác với ASEAN đến năm 2015 theo hướng quan hệ đối tác toàn diện. Đặc biệt, Việt Nam và Lào là những quốc gia có quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống nên Nga rất chú ý và xúc tiến chuẩn bị những chương trình hợp tác rộng lớn trên nhiều lĩnh vực: chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, giáo dục đào tạo...

Liên minh châu Âu (EU) cùng với ASEAN đã thỏa thuận nhất trí tái khởi động đàm phán về xây dựng khu vực mậu dịch tự do bao gồm 37 nền kinh tế với hơn 1 tỷ người tiêu dùng. Với EU, ASEAN là một tổ chức quan trọng giúp thúc đẩy việc hội nhập giữa EU với châu á.

Đối với EU, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ năm của EU. EU đánh giá cao sự năng động và tốc độ phát triển nhanh của kinh tế Việt Nam và ngày càng tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam. Đến hết năm 2007, kim ngạch thương mại giữa hai bên đạt gần 12 tỷ euro. Quan hệ ASEAN - EU đang được xây dựng theo hướng đối tác tăng cường.

Như vậy là sự gia tăng điều chỉnh chiến lược hợp tác của các nước lớn và các nước phát triển đối với ASEAN nói chung và các nước thuộc Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) nói riêng sẽ tác động rất lớn đến các chiều hướng phát triển của toàn ASEAN và GMS. Hội nhập khu vực rõ ràng đã tạo ra cho Việt Nam và Lào những vị thế địa - chính trị mới. Các nước lớn và phát triển quan tâm đến khu vực này là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của

mỗi nước GMS, trong đó có Việt Nam và Lào.

Tuy nhiên, đây cũng sẽ là tâm điểm của sự tranh giành quyền lực và ảnh hưởng của các nước lớn và các nền kinh tế phát triển, tác động tiêu cực đến các nước ASEAN và GMS, trong đó có Việt Nam và Lào. Mặt khác, vượt ra ngoài những nội dung hội nhập kinh tế, các vấn đề về chính trị và an ninh nảy sinh trong sự tương tác về quan hệ lợi ích chiến lược giữa các nước lớn với nhau và những tham vọng của các nước này đối với khu vực rất có thể sẽ đẩy các nước trong khu vực tới những bất ổn khó lường. Đặc biệt là các hiệu ứng khủng hoảng chính trị, các vấn đề về xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền ở biển Đông... sẽ có tác động tiêu cực đến tình hình chính trị, an ninh nội bộ mỗi nước trong khu vực. Nói tóm lại, bên cạnh những cơ hội lớn của các quá trình hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu sắc, các nước trong khu vực (ASEAN), trong đó có Việt Nam và Lào, cũng phải đối mặt với những thách thức, bất lợi vô cùng to lớn. Để ổn định và phát triển, đặc biệt là trong sự hợp tác, các nước này phải tính đến những thực tế đó.

2. Hợp tác giữa các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) diễn ra mạnh mẽ và ngày càng có hiệu quả

Chương trình hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) được thành lập năm 1992 do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) hỗ trợ, bao gồm các nước: Thái Lan, Mianma, Lào, Campuchia, Việt Nam và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Đến năm 2005, Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) cũng tham gia vào tổ chức này.

Các bên đã triển khai hợp tác trên chín lĩnh vực trọng điểm gồm: giao thông vận tải, năng lượng, bưu chính viễn thông, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, thương mại, đầu tư, đào tạo nguồn

nhân lực và du lịch. Mục đích của chương trình là đẩy mạnh quan hệ kinh tế dựa trên nền văn hóa và lịch sử chung. Chương trình GMS xây dựng chiến lược ba mũi nhọn để đạt được tầm nhìn về một tiểu vùng thịnh vượng, hội nhập và đoàn kết. Nghĩa là: tăng cường *tính kết nối* thông qua phát triển bền vững cơ sở hạ tầng và hành lang kinh tế xuyên quốc gia; nâng cao *tính cạnh tranh* thông qua giao thương hàng hóa và đi lại qua biên giới của người dân, các thị trường hội nhập và quy trình sản xuất, do đó tạo điều kiện dễ dàng cho tiểu vùng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu; xây dựng *tính cộng đồng* vững mạnh hơn thông qua những chương trình giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội chung.

GMS đã trải qua Hội nghị cấp cao lần thứ nhất tại Phnôm Pênh vào năm 2002. Tại đây, các nhà lãnh đạo các nước GMS đưa ra cam kết chung về thúc đẩy hợp tác trong Tiểu vùng Mê Công mở rộng. Lần thứ hai vào tháng 7 năm 2005, tại Côn Minh (Trung Quốc), Hội nghị ra tuyên bố chung tái khẳng định cam kết thực hiện tầm nhìn của hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng nhằm phát huy hết tiềm năng to lớn tạo ra sự phát triển bền vững cho tất cả các nước trong khu vực. Tăng cường hơn nữa tính liên kết, khả năng cạnh tranh, tính cộng đồng để tăng cường quan hệ đối tác vì sự phồn vinh và thịnh vượng chung. Các nước trong tiểu vùng đã ký kết các văn kiện hợp tác về giao thông vận tải, mua bán điện, phối hợp kiểm soát bệnh dịch động vật, xây dựng siêu xa lộ thông tin các nước GMS.

Tính đến hết năm 2007, hơn 100 dự án phát triển ở tất cả các lĩnh vực như: phát triển hạ tầng, môi trường, giải quyết các vấn đề đầu tư cũng như sáng kiến hỗ trợ về thể chế... đã được triển khai và ngày càng phát huy tác dụng, nhất là đối với các vấn đề tăng trưởng, giảm nghèo và hội nhập khu vực của GMS. Bên cạnh sáng

kiến của ADB là các sáng kiến ACMECS (Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mê Công)¹, Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam² do chính các nước này đề xuất. Ngoài ra còn một số chương trình lớn khác về thu hẹp chênh lệch phát triển cho các thành viên mới của ASEAN (trong đó có Việt Nam và Lào) do các tổ chức quốc tế như UNDP, UNESCAP và WB đề xuất và cung cấp tài chính. Ngoài các chương trình hợp tác khu vực mang tính chính thống, nhiều chương trình song phương giữa các nước tiểu vùng với các nước bên ngoài, nhất là từ các nước phát triển, cũng nhằm mục đích hỗ trợ hội nhập khu vực.

Chiến lược hợp tác mới của GMS do ADB đề xuất và hỗ trợ giai đoạn 2004 - 2008 tập trung vào bốn lĩnh vực: tăng cường mối liên kết và triển khai các hoạt động du lịch xuyên quốc gia; hội nhập thị trường quốc gia để tăng hiệu quả kinh tế và phát triển khu vực tư nhân, nhất là phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; giải quyết vấn đề phát triển nguồn nhân lực thông qua y tế, các vấn đề kinh tế - xã

¹. ACMECS được thành lập tháng 11 năm 2003 nhằm mục đích tăng cường hoạt động hợp tác kinh tế giữa các nước ở khu vực Đông Nam Á lục địa bao gồm Thái Lan, Mianma, Campuchia, Lào, Việt Nam (năm 2004). Đến nay, Hội nghị cấp cao lần thứ nhất đã tổ chức tại Mianma (năm 2003), lần thứ hai tại Thái Lan (năm 2005) và lần thứ ba tại Việt Nam (năm 2008).

². Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam được đưa ra tại cuộc gặp của Thủ tướng ba nước tại Viêng Chăn (tháng 10 năm 1999) nhằm tăng cường đoàn kết và hợp tác ba nước để đưa khu vực trở thành khu vực ổn định về chính trị, vững chắc về an ninh, phát triển mạnh về kinh tế. Cuộc gặp lần thứ hai tại thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002) tiến hành hợp tác trên các lĩnh vực giao thông vận tải, thương mại, điện lực, du lịch, đào tạo nguồn nhân lực... Cuộc gặp lần thứ ba tại Campuchia (năm 2004) khẳng định vai trò của tam giác phối hợp với phát triển cơ sở hạ tầng đường giao thông, xúc tiến hàng loạt dự án... Cuộc gặp lần thứ tư tại Đà Lạt (năm 2006) chủ trì mở rộng việc huy động nguồn lực từ bên ngoài (Nhật Bản).

hội và xây dựng năng lực cùng các mối liên kết khu vực; quản lý môi trường và các nguồn tài nguyên chung nhằm giúp bảo đảm phát triển bền vững và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Tổng số vốn chương trình cho vay là 725 triệu USD và chương trình hỗ trợ kỹ thuật trong các năm 2004 - 2006 là 25,5 triệu USD. Điểm đặc biệt là chương trình hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ là nền tảng của đối thoại và tham vấn khu vực, sẽ ngày càng trở nên quan trọng để hỗ trợ các hoạt động cần thiết nhằm thiết thực điều phối và hài hòa hóa về thể chế và chính sách. Chiến lược này sẽ được thực hiện thông qua 11 chương trình ưu tiên, trong đó ba chương trình là phát triển các hành lang kinh tế với việc phát triển cơ sở hạ tầng theo khu vực địa lý gắn trực tiếp với thương mại, đầu tư và cơ hội sản xuất, tám chương trình khác có liên quan đến viễn thông, thương mại, điện, tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân, phát triển nguồn nhân lực, kiểm soát và bảo vệ nguồn nước, phát triển du lịch.

Cho đến nay, chương trình hợp tác GMS với sự hỗ trợ và tham gia của ADB vẫn là trụ lực chính trong tiến trình hợp tác của tiểu khu vực này. Đây sẽ là cơ hội lớn và là điều kiện quan trọng để các nước GMS nâng cao năng lực phát triển toàn diện; đồng thời nó cũng đặt ra một thực tế là các nước GMS sẽ không thể phát triển đơn lẻ, biệt lập mà luôn phải gắn kết trong chương trình phát triển tổng thể của GMS, gia tăng hơn nữa sự phối hợp giữa chính sách quốc gia và chính sách khu vực.

Hiện nay, các nước GMS đã có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, đạt được nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế, xã hội, nhất là đã tiến một bước dài trong vấn đề xóa đói giảm nghèo, ngày càng tạo ra nhiều điều kiện để thúc đẩy sự hợp tác giữa các nước trong tiểu vùng và các nước ngoài khu vực.

Từ một khu vực đói nghèo, chậm phát triển, song nhờ tích cực mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường, khu vực GMS với tiềm năng to lớn của mình đã bắt đầu trở thành một khu vực có tốc

độ tăng trưởng cao và năng động.

Đặc biệt, từ năm 2005, Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) tham gia vào chương trình hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) thì những hoạt động hợp tác của Tiểu vùng ngày càng sôi động và mở rộng. Từ năm 2006, tổng kim ngạch mậu dịch giữa Quảng Tây và GMS đạt 1,55 tỷ USD; 80% các dự án của Quảng Tây đầu tư vào ASEAN là đầu tư vào GMS; đồng thời các nước GMS cũng là các nhà đầu tư quan trọng vào Quảng Tây. Quảng Tây luôn coi việc nhanh chóng hội nhập và hợp tác với GMS là một bộ phận quan trọng trong chính sách mở rộng cửa với nước ngoài của mình và đã đạt được những kết quả tốt.

Từ năm 2005 đến nay, hợp tác GMS không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ năm quốc gia và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) mà đã được mở rộng rất nhiều (hình thành cơ cấu 5 + 2, nghĩa là: Thái Lan, Lào, Campuchia, Mianma, Việt Nam và Vân Nam, Quảng Tây), gắn liền với chương trình xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc sẽ hoàn thành vào năm 2010. Nghĩa là hợp tác GMS chỉ là một bộ phận của chương trình xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Bởi lẽ, cùng với GMS còn có chương trình hợp tác kinh tế khu vực vịnh Bắc Bộ¹ mới bắt đầu

¹. Chương trình này do Trung Quốc đề xuất năm 2006, ban đầu gồm bảy nước là Trung Quốc, Brunây, Indônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Việt Nam, sau đó thêm Thái Lan. Hợp tác kinh tế khu vực vịnh Bắc Bộ là một loại hình hợp tác kinh tế tiểu vùng trên biển. Hợp tác trên biển cũng bao gồm hợp tác ven biển từ Quảng Đông, Quảng Tây, ven bờ phía bắc vịnh Bắc Bộ cho tới bờ tây Thái Bình Dương về phía nam, qua Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Xingapo.

Hợp tác kinh tế vịnh Bắc Bộ gồm hai bộ phận là toàn vịnh Bắc Bộ và vành đai vịnh Bắc Bộ, tức là vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ, đây vừa là khu vực trọng điểm của hợp tác kinh tế vịnh Bắc Bộ, vừa là bộ phận quan trọng của “*Hai hành lang, một vành đai*” giữa Trung Quốc và Việt Nam.

(Nguồn: Tạp chí *Châu Á - Thái Bình D-ơng đ-ơng đại*, Trung Quốc, số 3-2009. Dẫn từ tạp chí *Các vấn đề quốc tế*, số 1 - 2010).

được bàn thảo và triển khai.

Trải qua hơn 15 năm (1992 - 2007), hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) đã có được những kết quả bước đầu làm tiền đề cho các bước mở rộng hợp tác tiếp theo. Đã tiến hành xây dựng Hành lang Đông - Tây xuyên suốt bốn nước Việt Nam, Lào, Thái Lan và Mianma (dự kiến năm 2009 sẽ thông xe toàn tuyến, lúc đó các phương tiện vận tải của bốn nước đi trên hành lang này sẽ không phải chuyển tải) và Hành lang kinh tế Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng. Xây dựng đường cao tốc từ Côn Minh qua Tây Bắc Lào tới Băng Cốc (dự kiến năm 2010 sẽ thông xe toàn tuyến). Các nước Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Mianma đã ký Hiệp định thông tàu thương mại sông Lan Thương - Mê Công. Tàu thuyền của bốn nước đều có thể tự do đi lại trên đoạn sông dài 886 km giữa cảng Tư Mao (Trung Quốc) và cảng Luồng Phabang (Lào). Ngoài ra, một số hành lang kinh tế khác cũng bắt đầu được xây dựng như: Hành lang kinh tế Bắc - Nam (Côn Minh - Băng Cốc); Hành lang kinh tế phía Nam gồm Thái Lan - Campuchia - Việt Nam cũng chuẩn bị được khởi công...

Có thể khẳng định rằng, những thành tựu kinh tế, xã hội của các nước GMS đang tạo ra nền tảng mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo của toàn khu vực cũng như của từng nước thành viên. Cùng với Thái Lan và hai tỉnh Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc, Việt Nam cũng đã phối hợp với Lào tham gia ngày càng sâu vào các chương trình hợp tác của GMS và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Sau khi gia nhập WTO (tháng 1 năm 2007), Việt Nam đang hướng tới một chiến lược tăng tốc phát triển để phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Campuchia cũng đã sớm ổn định chính trị, xã hội và bắt đầu bứt phá phát triển nhờ vị thế mới sau khi gia nhập WTO (năm 2004). Với mục tiêu thoát ra khỏi danh sách các nước chưa phát

triển vào năm 2020, đã được Đại hội lần thứ VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào thông qua (tháng 3 năm 2006), Lào đang có một quyết tâm chính trị lớn là nhanh chóng gia nhập WTO, phát huy lợi thế so sánh để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy cùng với sự khởi sắc của các nước GMS và trên đà tiếp tục triển khai các sáng kiến trong Hội nghị cấp cao GMS lần thứ hai, Lào và các nước trong khu vực đang nỗ lực xây dựng các chương trình hợp tác mới một cách thực chất và hiệu quả hơn. Những chương trình đó sẽ được bàn thảo và thông qua tại Hội nghị cấp cao lần thứ ba tại Viêng Chăn vào tháng 3 năm 2008. Đó là các vấn đề: tăng cường kết nối giao thông; tạo thuận lợi cho thương mại và giao thông tiểu vùng; hợp tác công - tư để tăng cường đầu tư và thương mại; phát triển nguồn nhân lực; quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hợp tác phát triển GMS nhằm tiếp tục tăng cường kết nối, đặc biệt là kết nối giao thông, thông tin, truyền thông... đi đôi với hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi thúc đẩy thương mại, đầu tư, du lịch... tại Tiểu vùng. Hội nghị cũng sẽ thông qua Chương trình hành động Viêng Chăn để phát triển GMS giai đoạn 2008 - 2012.

Đây sẽ là một dấu mốc quan trọng để các nước GMS tận dụng tốt hơn vị thế địa - chiến lược và tác động tích cực của các chuyển động hội nhập đã và đang được triển khai mạnh mẽ trong khu vực.

3. Công cuộc đổi mới và kết quả hợp tác Việt Nam và Lào đòi hỏi phải tăng cường hợp tác toàn diện trong giai đoạn mới

Các nước Việt Nam và Lào đang trên đường đổi mới đất nước, phát triển với tốc độ ngày càng nhanh và bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hợp tác toàn diện giữa hai bên.

Việt Nam sau Đại hội lần thứ X của Đảng (tháng 4 năm 2006) đang tập trung sức đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước với mục tiêu: đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Để đạt được mục tiêu do Đại hội lần thứ X đề ra, cả nước tập trung mọi nỗ lực theo hướng giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất; chuyển mạnh sang kinh tế thị trường; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng kinh tế đối ngoại; phát triển mạnh khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình và ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, đến hết năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn. Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO và thực hiện cam kết PNTR với Mỹ (quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn), do đó, thị trường xuất khẩu mở rộng, các rào cản thương mại giữa Việt Nam với các nước thành viên WTO được dỡ bỏ hoặc hạn chế. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Quan hệ ngoại giao, các hoạt động hợp tác kinh tế, đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu được củng cố và tăng cường thông qua các cuộc thăm cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng với sự tham gia ngày càng rộng rãi của các doanh nghiệp. Tình hình chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng bảo đảm đã tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài cũng như

các doanh nghiệp trong nước.

Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam năm 2007 vẫn tiếp tục phát triển toàn diện và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Thành tựu lớn nhất năm 2007 của nền kinh tế Việt Nam là các dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) của các dự án đạt 20,3 tỷ USD, là mức cao nhất từ trước đến thời điểm này. Kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ là thành tựu nổi bật nhất, cơ bản nhất của nền kinh tế Việt Nam. Tổng sản phẩm trong nước tăng 8,44% (kế hoạch 8 - 8,5%). Việt Nam đứng vị trí thứ ba về tốc độ tăng GDP năm 2007 của các nước châu Á (sau Trung Quốc và Ấn Độ) và cao nhất trong các nước ASEAN¹.

Do kinh tế tăng trưởng cao nên tình hình tài chính lành mạnh, thu chi ngân sách nhà nước cân đối. Các ngành sản xuất và dịch vụ tiếp tục phát triển và có mức tăng trưởng cao: sản xuất công nghiệp tăng trưởng đạt 17%; khu vực ngoài nhà nước tăng 20,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18%².

Trong năm 2007, cả nước đã thu hút 350 lượt dự án, đặc biệt là đã có 52 địa phương thu hút vốn FDI. Xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến thời điểm này, đạt 47,7 tỷ USD, và tăng trưởng với tốc độ cao, tăng 21% so với năm 2006. Du lịch phát triển mạnh, cả nước đón 4,3 triệu lượt khách quốc tế, tăng 19% so với năm 2006 và cũng là mức cao nhất từ trước đến lúc này.

Những thành tựu trên đây đã nâng vị thế của Việt Nam lên tầm cao mới: quy mô nền kinh tế đã lớn mạnh hơn rất nhiều, thu nhập quốc dân theo GDP tính trên đầu người đạt 835 USD năm 2007.

Ở Lào, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII (năm 2001) và Đại hội lần thứ VIII (tháng 3 năm 2006) Đảng Nhân dân cách mạng Lào, trong năm 2007, cả nước tập trung sức tiếp tục thực hiện

¹, 2. Tạp chí *Cộng sản*, số tháng 1 năm 2008, tr.81-84.

đường lối đổi mới và đạt được những thành tựu khả quan. Nền kinh tế Lào tiếp tục phát triển và đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, gần 7,5%. Ngành công nghiệp có bước phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng 27% GDP và có nhiều ngành mũi nhọn. Về năng lượng, Lào có 11 nhà máy thủy điện với sản lượng 1.541 triệu kW/h. Ngành công nghiệp khai khoáng cũng phát triển mạnh. Trước đây Lào chỉ khai thác than, muối mỏ, thiếc, sắt..., nay đã có ngành khai thác vàng, kali, đồng, bôxít.

Về nông nghiệp, từ một nước thiếu lương thực (có năm phải nhập tới 1 triệu tấn lương thực), đến năm 2007 đã đạt bình quân đầu người 472 kg/người (tương đương với Việt Nam).

Giao thông vận tải cũng có những bước tiến vượt bậc. Các tuyến giao thông huyết mạch đã được nâng cấp. Đường 13 từ Viêng Chăn đi Nam Lào đã được mở rộng và hiện đại hóa. Các tuyến đường nối với Việt Nam, Thái Lan và ra biển đều được nâng cấp, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập với khu vực. Xuất khẩu của Lào năm 2007 cũng được đẩy mạnh. Ngoài những mặt hàng chủ yếu như điện, dệt may, gỗ và khoáng sản, Lào cũng đã mở rộng việc xuất khẩu gạo, ngô, cà phê, chuối, thuốc lá... Kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1 tỷ USD. Các ngành du lịch, văn hóa, xã hội cũng có những bước tiến quan trọng.

Cùng với những thành quả to lớn trong công cuộc đổi mới ở mỗi nước những năm qua, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào cũng đạt được những kết quả rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Về chính trị, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cơ bản đã quán triệt và thể hiện được tinh thần nội dung thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước.

Nhìn chung, hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa

hai nước đến năm 2007 có nhiều chuyển biến tích cực, về cơ bản đã đạt được mục tiêu chiến lược đề ra. Tuy nhiên, mối quan hệ đoàn kết đặc biệt được hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước dày công vun đắp đã trở thành nguồn sức mạnh dẫn đến thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của hai nước, song chưa trở thành động lực để thúc đẩy hợp tác toàn diện trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của mỗi nước. Trên một số lĩnh vực còn có những tồn tại cần tiếp tục khắc phục: hợp tác đào tạo đáp ứng được nhu cầu về số lượng nhưng chất lượng chưa thực sự chuyển biến như mong muốn; hợp tác thương mại chưa vững chắc, thị phần và sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường mỗi bên còn thấp; hợp tác đầu tư sôi động nhưng tổ chức triển khai một số dự án còn chậm; hợp tác trong lĩnh vực giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu, tiềm năng về giao lưu kinh tế và sự gia tăng các dự án đầu tư giữa hai nước; cơ chế, chính sách trong hợp tác có thông thoáng hơn nhưng việc điều chỉnh bổ sung cơ chế, chính sách hợp tác còn chậm, chưa đồng bộ; hợp tác giữa các địa phương được mở rộng nhưng hạn chế về nguồn lực...

Những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội sau hơn 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới và những chuyển biến quan trọng trong mối quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam và Lào trong những năm qua đã tạo nên những điều kiện vật chất to lớn thúc đẩy việc tiếp tục tăng cường sự hợp tác Việt Nam - Lào trong giai đoạn mới. Mặt khác, bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như tình hình phát triển hiện nay của các nước GMS đang mang lại cơ hội lớn và nhiều yêu cầu mới cho sự phát triển hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam mà hai bên cần phải tính đến.

Trong bối cảnh mới, trên quan điểm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, Việt Nam cũng như Lào phải thực hiện chiến lược đối ngoại đa phương, rộng mở, tiếp cận với mọi quan hệ đối tác và các

điều kiện bên ngoài nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước. Do đó, trong khi duy trì quan hệ đặc biệt với nhau, cả Việt Nam và Lào đều đang nỗ lực xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược mới. Ngày nay, trong quan hệ quốc tế, quan hệ đa phương đang trở thành xu thế chủ đạo, là điều kiện để thúc đẩy các quan hệ song phương. Đi theo đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam đã và đang lấy thị trường của các nền kinh tế lớn và phát triển như Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... làm điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển của mình. Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam với các đối tác này chiếm trên 70% và theo đó mức xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN chỉ chiếm 20%. Điều này cho thấy rằng mối quan tâm của Việt Nam với thị trường khu vực không hoàn toàn là vì mục đích kinh tế. Cũng như vậy, với 2/3 tổng chu chuyển thương mại mà Lào thực hiện với các nước láng giềng, Lào sẽ phải tìm kiếm các ưu tiên mới để huy động và phân bổ nguồn lực tốt hơn cho mục tiêu thoát khỏi nhóm các nước nghèo (chậm phát triển) vào năm 2020.

Như vậy, điều kiện mới của quốc tế và khu vực đang làm thay đổi mạnh tư duy phát triển nói chung, tư duy đối ngoại nói riêng ở các nước đi sau. *Một mặt*, thực hiện quan hệ song phương tốt với các nước láng giềng là nhằm tạo ra một môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển của các bên, nghĩa là phải đứng trên quan điểm tổng thể về lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội... trong tiếp cận phát triển. *Mặt khác*, chú trọng quan hệ rộng mở với các đối tác giàu tiềm năng và sức mạnh kinh tế, công nghệ là điều kiện quan trọng nhằm tạo ra bứt phá và vượt trước trong phát triển ở các nước này. Trong thực tế, quan hệ với các đối tác lớn, các nước nhỏ đi sau thường gặp nhiều bất lợi, hay bị gây sức ép và dễ bị cuốn vào tính toán lợi ích của các nước phát triển và các nước

lớn. Do đó, các nước này cần ưu tiên đẩy mạnh các lộ trình hội nhập đa phương quốc tế và khu vực. Ví dụ, Việt Nam và Lào là thành viên đầy đủ của ASEAN, sẽ gia tăng vị thế của các nước này trong quan hệ với các nước lớn. Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với các chiều hướng phát triển của khu vực, nghĩa là phải được đặt trong tổng thể của các lộ trình hội nhập đa phương khu vực đã và đang phát huy hiệu quả tốt hiện nay trong ASEAN nói chung và GMS nói riêng.

Trong chương trình hợp tác GMS thì quan hệ Việt Nam - Lào với Trung Quốc và Thái Lan là quan trọng nhất, tác động trực tiếp tới quá trình hội nhập khu vực nói chung và GMS nói riêng của cả Việt Nam và Lào, đặc biệt là trong mối quan hệ song phương Lào - Thái Lan và Lào - Trung Quốc.

Lào và Thái Lan gần gũi về địa lý, văn hóa và quan hệ huyết thống có nhiều thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa. Với chi phí thấp trong lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư giữa hai bên và đặc biệt không bị ngăn trở bởi rào cản ngôn ngữ, quan hệ kinh tế Lào - Thái những năm gần đây có những bước phát triển tốt và đang có sức thuyết phục đối với một bộ phận đáng kể nhân dân các bộ tộc Lào. Trong điều kiện các xung đột lịch sử sắc tộc... không còn nổi cộm như trước kia, nhờ các tiến trình mở cửa và hội nhập sâu rộng giữa hai bên nên đã mở ra một cửa ngõ nối thông nền kinh tế Lào với các nền kinh tế ASEAN hải đảo. Cùng với Hành lang kinh tế Đông - Tây và Bắc - Nam dưới sự tài trợ của ADB đang triển khai tích cực hiện nay, Thái Lan là một phần quan trọng để Lào thực thi chiến lược hội nhập và phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, quan hệ Lào - Thái cũng có những khó khăn do tình hình bất ổn về chính trị, an ninh từ phía Thái Lan.

Quan hệ song phương Lào - Trung Quốc có nhiều thuận lợi

hơn. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh, tiềm lực mạnh và đang bắt đầu thể hiện vai trò dẫn dắt và chi phối các tiến trình phát triển ở Đông á nói chung và Đông Nam á nói riêng, đặc biệt là sau khi xây dựng xong Khu vực Mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN vào đầu năm 2010, với chiến lược “*một trục, hai cánh*” đang được tích cực triển khai.

Hiện nay, Lào và Trung Quốc đang cùng nhau xây dựng quan hệ đối tác chiến lược hợp tác toàn diện, không chỉ thúc đẩy thương mại, dành các điều kiện ưu đãi nhất cho xuất khẩu của Lào sang Trung Quốc, mà Trung Quốc còn đang đẩy nhanh việc đầu tư vào Lào. Năm 2005, Trung Quốc phê duyệt 33 dự án đầu tư vào Lào; tám tháng năm 2006, Trung Quốc đã phê duyệt thêm 39 dự án trong đó tập trung vào các ngành mỏ và thủy điện. Đến cuối năm 2007, Trung Quốc đã đầu tư 23 dự án trồng cao su vào năm tỉnh Bắc Lào với diện tích 122.000 ha.

Sự liên kết mật thiết giữa kinh tế Trung Quốc với kinh tế Lào đang làm cho quan hệ song phương Lào - Trung Quốc trở nên nổi trội trong hệ thống các quan hệ của Lào với bên ngoài. Với Hành lang kinh tế xuyên á và Hành lang kinh tế Đông - Tây từ Nam Ninh (Trung Quốc) đi Hà Nội qua Hà Tĩnh (đường 8) và Quảng Trị (đường 9) sang Lào - Thái Lan - Malaixia - Xingapo, cùng với Hành lang kinh tế Côn Minh qua chín tỉnh Tây Bắc của Lào đến Băng Cốc (chưa kể Hiệp định thông tàu thương mại sông Lan Thương - Mê Công từ cảng Tư Mao (Trung Quốc) đến cảng Luông Phạbang) đã tạo nên một môi trường rất thuận lợi cho sự phát triển của Lào. Lào đang đứng trước những cơ hội to lớn do sự phát triển của Trung Quốc và chiến lược khu vực của Trung Quốc mang lại.

So với quan hệ Lào - Thái Lan và Lào - Trung Quốc thì quan hệ Lào - Việt Nam mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng

cũng có những ưu thế và thuận lợi rất cơ bản. *Trước hết*, quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt đã được hai Đảng và nhân dân mỗi nước dày công vun đắp, trở thành quy luật phát triển và nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng hai nước. Quan hệ đặc biệt đó vượt lên khỏi các lợi ích kinh tế thông thường và được nhân dân hai nước đồng tình, ủng hộ.

Thứ hai, theo tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, con đường tiến ra biển qua Việt Nam là con đường ngắn nhất, ít tốn kém nhất để Lào nối thông với thế giới, tiếp cận các đối tác lớn bên ngoài Đông á như Mỹ, Nhật Bản, EU... để cân bằng quan hệ và đẩy mạnh chiến lược phát triển của mình.

Thứ ba, nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo và chủ chốt của Lào được đào tạo tại Việt Nam. Sự hiểu biết và chia sẻ kinh nghiệm cho nhau, nhất là trong điều kiện Việt Nam là nước đã thành công trong đổi mới và phát triển, sẽ rất hữu ích cho công cuộc phát triển của Lào.

Thứ tư, mô hình phát triển của Lào và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. Để thoát nghèo và phát triển, đồng thời đảm bảo được chính sách phát triển toàn diện cho nhân dân các bộ tộc Lào, phía Lào rất cần nghiên cứu kinh nghiệm bổ ích từ Việt Nam về phát triển và xóa đói giảm nghèo (ở Lào không có mục tiêu xóa đói) trong khi vẫn giữ được ổn định chính trị - xã hội.

Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như sự phát triển của các nước GMS, mối quan hệ song phương Lào - Thái Lan, Lào - Trung Quốc, Lào - Việt Nam đang mang lại cơ hội lớn và nhiều yêu cầu mới, trong đó chứa đựng những yếu tố ngoài kinh tế diễn ra nhanh chóng, phức tạp và khó lường.

Vì vậy, trong thời gian tới cả Việt Nam và Lào phải có sự phối hợp nhịp nhàng, đổi mới quan hệ hợp tác toàn diện phù hợp với bối

cảnh đã trình bày ở trên.

II. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC TOÀN DIỆN, ĐƯA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM LÊN TẦM CAO MỚI

1. Bổ sung và điều chỉnh cơ chế, chính sách, chương trình và tổ chức chỉ đạo hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn mới

Trong thời gian qua, việc bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách hợp tác giữa hai nước còn chậm, thiếu đồng bộ. Các bộ, ban, ngành, địa phương mỗi bên còn thiếu hướng dẫn, đôn đốc thực hiện và chưa cùng nhau tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời nên tính cập nhật và hiệu quả của cơ chế, chính sách còn thấp... Vì vậy, trong thời gian tới hai bên cần sớm cùng nhau rà soát lại tổng thể các cơ chế, chính sách chương trình và tổ chức thực hiện để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và những đòi hỏi mới của sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiện nay và những năm tới, càng cần phải đẩy nhanh việc điều chỉnh kịp thời, linh hoạt những nội dung đã thỏa thuận bằng các văn bản hợp tác nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, đơn vị thực hiện có hiệu quả những mục tiêu chiến lược hợp tác đã đặt ra.

Khắc phục ngay những yếu kém trong hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước trong những năm qua, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý và quy trình cấp phát ODA giữa hai nước nhằm nâng cao hiệu quả, tránh dàn trải và kéo dài dự án, không phục vụ kịp thời cho nhu cầu, mục tiêu hợp tác đã được thỏa thuận giữa hai bên.

Cùng với việc khuyến khích các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức xã hội hai bên hợp tác bằng khả năng của mình, cần quản lý

và thực hiện thống nhất các chương trình hợp tác đã ký kết giữa hai Chính phủ. Tránh những thỏa thuận riêng giữa các bộ, ban, ngành, địa phương và các tổ chức hai bên vượt quá khả năng của mình, làm ảnh hưởng tới kế hoạch hợp tác giữa hai Chính phủ đã ký kết.

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay cũng như những năm trước mắt, cần có những điều chỉnh thích hợp trong quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước. Trước hết là tăng cường hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào theo hướng hai nước phối hợp chặt chẽ và hiệu quả hơn trong các chương trình, dự án hợp tác giữa hai nước, với khu vực và đa phương khác.

Vị thế của Việt Nam ngày càng có trọng lượng trong ASEAN và cũng đã có sự phát triển đi trước một bước so với Lào trong tiến trình thực hiện các cam kết AFTA/AEC và WTO. Việt Nam có thể chia sẻ nhiều kinh nghiệm cho Lào trong việc điều chỉnh chính sách và thể chế kinh tế nhằm thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực. Ví dụ, Việt Nam cần ủng hộ mạnh mẽ tiến trình gia nhập WTO của Lào. Với việc Việt Nam giúp Lào tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (tháng 10 năm 2004) và Hội nghị cấp cao GMS lần thứ ba (tháng 3 năm 2008), quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sẽ ngày càng được mở rộng và hiệu quả hơn trước các yêu cầu hợp tác hiện nay và do vậy, vai trò của cả Việt Nam và Lào trong quan hệ đa phương và song phương trong khu vực cũng ngày càng trở nên quan trọng hơn, đặc biệt là quan hệ với các nước lớn ngoài khu vực ASEAN.

Trong quá trình tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện, Việt Nam - Lào luôn luôn tôn trọng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại của nhau. Như đã trình bày ở trên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực đang diễn ra nhanh chóng và ngày càng sâu sắc, ngoài quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào -

Việt Nam, mỗi nước đều có những quan hệ đa phương và song phương khác trong khu vực cũng như trên trường quốc tế. Mỗi bên cần ủng hộ và phối hợp với nhau để tận dụng mọi mối quan hệ này phục vụ lợi ích cho tất cả các bên.

Hiện nay, việc phát triển bất kỳ một tuyến hành lang kinh tế nào trong khu vực cũng luôn phải đặt trong mạng lưới của tất cả các hành lang kinh tế đã được ADB đề xuất và hỗ trợ, cũng như được các nước thành viên GMS hưởng ứng. Do đó, Việt Nam sẽ là con đường ngắn nhất để Lào tiếp cận một số thị trường phía Đông Nam của Trung Quốc thông qua chiến lược “*Hai hành lang, một vành đai kinh tế*”¹. Và cũng tương tự như vậy, Lào sẽ là nơi trung chuyển quan trọng cho Việt Nam trong việc tiếp cận với thị trường Đông Bắc Thái Lan và Mianma. Như vậy, tính đa dạng trong tiếp cận đa phương về quan hệ đối ngoại không cản trở quan hệ song phương; trái lại nó sẽ làm cho quan hệ song phương Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam ngày càng hiệu quả và trở nên đặc biệt có ý nghĩa hơn trong sự nghiệp phát triển của mỗi nước.

Trong quan hệ hợp tác, nhất là hợp tác kinh tế trong thời gian tới, cần phải chú trọng tính thực chất, hiệu quả và chất lượng. Có nghĩa là, các chương trình hợp tác, nhất là từ phía Việt Nam (các dự án của Việt Nam đầu tư vào Lào) phải phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia của Lào. Việt Nam là chỗ dựa tin cậy của Lào trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và cho đến nay, các chương trình hợp tác về quốc phòng, an ninh giữa hai nước luôn đem lại

¹. Hai hành lang kinh tế:

- Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

- Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Quảng Ninh.

Vành đai kinh tế vùng vịnh Bắc Bộ đã được Chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc cam kết thực hiện (tháng 7 năm 2004).

hiệu quả, góp phần quan trọng đối với việc tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Lào. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hợp tác kinh tế những năm qua, một số dự án triển khai chậm, chưa bảo đảm chất lượng như yêu cầu đặt ra... Do vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần ưu tiên những dự án hợp tác với Lào phù hợp với các quy hoạch và kế hoạch phát triển của Lào đã được vạch ra tại kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và tầm nhìn đến 2020 của Lào. Đó là các dự án hợp tác về phát triển thủy điện với Lào, các dự án xây dựng tuyến đường giao thông hướng ra biển nhằm tận dụng tối đa các cảng biển Việt Nam để phát triển dịch vụ du lịch, vận tải..., các dự án hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực...

Đặc biệt, Việt Nam nên lựa chọn những lĩnh vực mà mình có thế mạnh để đầu tư vào Lào. Đó là các dự án mà Việt Nam có lợi thế về kỹ thuật và nguồn nhân lực, có kinh nghiệm tổ chức thực hiện tốt hơn các đối tác khác và luôn được phía Lào tin cậy (thủy điện, cầu, cống, đường giao thông, nông, lâm nghiệp...). Có như vậy mới mang lại hiệu quả thiết thực và chất lượng. Nhân dân các bộ tộc Lào đã từng kẻ vai sát cánh, thủy chung gắn bó với Việt Nam suốt mấy chục năm qua sẽ luôn hy vọng, vững tin và mong muốn có được những kết quả hợp tác ngày càng thực chất, hiệu quả, nhất là về hợp tác kinh tế với Việt Nam, giữ mãi tình cảm thủy chung, trong sáng và sự giúp đỡ chí tình của Việt Nam trong mỗi bước đường phát triển đi lên của Lào.

Trong sự phát triển chung của các quan hệ đa phương trong khuôn khổ ASEAN, GMS, và yêu cầu của việc tăng cường hợp tác toàn diện giữa hai nước, Việt Nam và Lào cần phải phát huy quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt, tạo động lực thúc đẩy ngày càng mạnh mẽ hợp tác toàn diện, đặc biệt là hợp tác kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển của mỗi nước, đưa hợp tác toàn diện

Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong thời gian tới ngang tầm với quan hệ hữu nghị truyền thống và đoàn kết đặc biệt giữa hai nước chúng ta.

Tính chất đặc biệt được thể hiện ở điểm khác căn bản với các quan hệ đối tác thông thường khác, nó là quan hệ hợp tác toàn diện bao gồm cả chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa... và ưu tiên, ưu đãi cho nhau cao hơn cả quan hệ song phương theo khuôn khổ FTA, tức là đã dành ưu đãi cao nhất cho nhau ngay cả khi hai bên đều chưa phải là thành viên của WTO. Quan hệ này cần tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa cho dù mức độ phát triển của Lào chưa cao, Lào chưa phải là thành viên của WTO và Việt Nam không có nhiều nguồn lực như các nước láng giềng khác. Cần có một nhận thức thống nhất trong cán bộ và nhân dân hai nước về tính chất đặc biệt này. Cả hai bên cần có tầm nhìn rộng hơn, toàn diện và lâu dài hơn chứ không chỉ ở các lợi ích kinh tế thuần túy và ngắn hạn, nhất là các nỗ lực của Việt Nam đang sánh bước cùng với Lào trên các cấp độ hội nhập, từ ASEAN/AEC đến GMS, từ Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV) đến khuôn khổ hợp tác Đông á, WTO. Quan hệ với Việt Nam, Lào có điều kiện vươn ra phía biển, tức là vươn ra thế giới, tiếp cận với các nền kinh tế lớn và phát triển vì mục tiêu nhanh chóng thoát nghèo và sánh bước phát triển cùng các nước trong khu vực.

Để tăng cường hợp tác toàn diện giữa hai nước, phía Lào cần tích cực, chủ động hơn nữa đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Việt Nam. Nghị quyết Đại hội VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng đã khẳng định: “Chú trọng đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Việt Nam và Trung Quốc”. Phía Lào cần chủ động lựa chọn các hạng mục có nhu cầu đầu tư và phát triển đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước; đồng thời cũng là những dự án mà phía đối tác Việt Nam và Trung Quốc có tiềm năng và thế mạnh. Riêng

với Việt Nam, phía Lào cần thống nhất nhận thức và hành động trên quan điểm tiếp cận tổng thể về lợi ích trong quan hệ hợp tác đặc biệt với Việt Nam. Có thể lợi ích trước mắt trong quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không lớn bằng quan hệ với các nước khác, nhưng xét theo mục tiêu tổng thể (toàn diện) giữ vững an ninh và phát triển bền vững trong tương lai, quan hệ đối tác đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sẽ là trụ cột chính để bứt phá và phát triển.

2. Tiếp tục thực hiện những chương trình hợp tác đã ký kết và chuẩn bị xây dựng chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

Hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong những năm qua đã được lãnh đạo cấp cao hai nước đánh giá có nhiều chuyển biến tích cực nhưng cũng còn nhiều tồn tại cần khắc phục: hợp tác giáo dục, đào tạo đáp ứng được nhu cầu về số lượng, nhưng chất lượng còn có vấn đề, còn thiếu một kế hoạch cụ thể; hợp tác thương mại chưa vững chắc, thị phần và sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường Lào còn thấp; hợp tác đầu tư sôi động và đạt mức vốn đăng ký cao, nhưng vốn thực hiện còn thấp và chậm, còn dễ mất thời cơ; vốn viện trợ triển khai chậm, dàn trải; cơ chế chính sách đã thông thoáng hơn, nhưng việc thực hiện chưa thống nhất (giữa mong muốn của hai Chính phủ và việc thi hành của các bộ, ngành, đặc biệt các địa phương hai bên); việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện những hiệp ước hợp tác đã được ký kết giữa hai bên chưa thường xuyên; hợp tác giữa các địa phương và doanh nghiệp được mở rộng, nhưng hạn chế về nguồn lực nên chưa đáp ứng được mong muốn giữa các địa phương và doanh nghiệp hai nước... Đây là những vấn đề được đặt ra trong quá trình xây dựng chiến lược hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thời gian tới.

Để tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn mới, trước mắt cần tập trung tiếp tục thực

hiện những định hướng lớn đã được thỏa thuận giữa hai Bộ Chính trị, tháng 1 năm 2008 tại Viêng Chăn và tiếp tục thực hiện sáu chương trình mục tiêu đã được thỏa thuận tại Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010.

Chính phủ Việt Nam cũng đã đề ra những giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các chương trình mục tiêu trong kế hoạch hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010. Theo đó, yêu cầu các chương trình hợp tác phát triển với Lào giai đoạn này phải được triển khai theo nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010 và Hiệp định hợp tác hằng năm. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào các chương trình hợp tác trong Hiệp định với Lào phù hợp với điều kiện của các bộ, ngành, địa phương mình. Việc ký kết các nội dung hợp tác với Lào không nằm trong các chương trình mục tiêu của Hiệp định phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Các chương trình dự án sử dụng vốn viện trợ phải được thực hiện theo “Quy chế tài chính và quản lý các dự án sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào”... Với tinh thần đó, năm 2007 hai bên đã triển khai thực hiện nhiều thỏa thuận, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh, các bộ, ban, ngành, địa phương hai bên đã có nhiều hoạt động giúp đỡ lẫn nhau và có kết quả tốt. Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước có chuyển biến tích cực. Những năm còn lại của giai đoạn 2006 - 2010 hy vọng sự hợp tác toàn diện giữa hai bên sẽ được tăng cường, ngày càng đi vào chiều sâu, tạo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc xây dựng chiến lược hợp tác giữa hai nước giai đoạn 2011 - 2020.

Chiến lược hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong thời gian tới (2011 - 2015 và tầm nhìn đến 2020) được xây dựng và thực hiện trong bối cảnh quốc tế, khu vực và ở từng nước có những thuận lợi và khó khăn đan xen cùng những chuyển biến rất mau lẹ, tác động trực tiếp đến quan hệ hợp tác toàn diện giữa

hai nước.

Thuận lợi cơ bản trong quan hệ hợp tác là sự ổn định về chính trị của hai bên, kinh tế cũng có những bước phát triển khả quan trước sự điều hành có hiệu quả của Chính phủ mỗi nước, đây là nhân tố quyết định tới quan hệ hợp tác giữa hai nước trong thời gian tới. Mỗi quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực giữa hai nước được hai bên đánh giá là ngày càng được củng cố và phát triển tốt đẹp.

Trong những năm qua, quan hệ chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại được tăng cường; hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù kinh tế thế giới từ cuối năm 2007 bắt đầu có nhiều biến động lớn, phức tạp; giá cả nhiên liệu, vật tư, xăng dầu, phân bón... tăng liên tục chưa có điểm dừng, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam và Lào. Tuy nhiên, nền kinh tế của cả hai nước vẫn có tốc độ tăng trưởng tương đối khá so với các nước trong khu vực (năm 2007 ở Việt Nam là 8,4% và Lào là 7,5%). Đây là một lợi thế để Việt Nam và Lào khẳng định vai trò của mình trong các hoạt động của tổ chức hợp tác khu vực như ASEAN, GMS, CLV, CLVM... Trong quan hệ hợp tác, hai nước đã và đang nhận được sự ủng hộ của các nước và các tổ chức kinh tế thế giới trên nhiều lĩnh vực, góp phần củng cố và thúc đẩy nền kinh tế của mỗi nước, trong đó chủ yếu là Nhật Bản và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

Do ảnh hưởng của suy thoái chung toàn cầu, trong thời gian tới thị trường xuất khẩu của mỗi nước còn bị thu hẹp, do đó ảnh hưởng lớn tới việc làm của người lao động, lao động dư thừa ở mỗi nước sẽ tăng lên. Hợp tác hai nước sẽ được đặt ra trước bối cảnh cần phải tăng cường, dành ưu tiên, ưu đãi cho đầu tư vào mỗi nước. Trước hết là các dự án thủy điện và trồng cây công nghiệp, nhằm giải quyết việc làm cho người lao động và tạo nguồn lực bổ sung cho

nhau phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế của mỗi nước trong giai đoạn trước mắt (2011 - 2015); đồng thời tạo điều kiện để hội nhập kinh tế thế giới của những năm sau này. Như vậy, hợp tác toàn diện giữa hai nước giai đoạn 2011 - 2020 trước bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình thực tế của mỗi nước vừa là cơ hội vừa là thách thức.

Nhằm tăng cường, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, định hướng cơ bản hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đặt ra trong giai đoạn 2011 - 2020 là: “Phát huy truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trở thành động lực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập của mỗi nước”. Trong đó, không ngừng nâng cao nhận thức và làm sâu sắc thêm quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thúc đẩy hợp tác kinh tế ngang tầm với quan hệ truyền thống giữa hai nước. Thẩm nhuần tư tưởng chỉ đạo “Coi trọng, phát triển và củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước và coi đây là nhiệm vụ có tầm chiến lược to lớn, thiết thực phục vụ cho lợi ích đảm bảo ổn định an ninh, chính trị và phát triển của mỗi nước”. Đồng thời, coi hợp tác và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ chiến lược lâu dài giữa hai nước nhằm hình thành một thể hệ mới kế cận có đầy đủ năng lực và nhận thức một cách sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, tạo lòng tin vững chắc lâu dài lẫn nhau, góp phần tăng cường mối quan hệ bền vững giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Đặc biệt coi trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị, trước hết là đội ngũ cán bộ các cấp của các địa phương Lào, cán bộ làm việc ở các

dự án giữa hai nước; kết hợp hài hòa giữa đào tạo và bồi dưỡng, giữa số lượng và chất lượng đào tạo, giữa đào tạo chính quy các bậc học với đào tạo nghề.

Thường xuyên phối hợp và cụ thể hóa quan điểm về quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên tinh thần các tuyên bố chung và thỏa thuận cấp cao giữa lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước vào nội dung hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước. Từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tinh thần quan hệ đặc biệt theo luật pháp của mỗi nước nhằm tạo sự chuyển biến trong hợp tác kinh tế giữa hai nước, trên cơ sở:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã ký kết. Đồng thời tiếp tục đầu tư phát huy những tiềm năng, lợi thế của hai nước nhằm bổ sung nguồn lực cho nhau, phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước theo từng giai đoạn, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi nước, trong đó đối với Lào là đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển vào năm 2020.

Trước mắt, ưu tiên và có cơ chế đặc biệt để doanh nghiệp hai nước có điều kiện triển khai các dự án trực tiếp bổ sung, khuyến khích hỗ trợ nguồn lực phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế mỗi nước; các dự án trực tiếp giải quyết việc làm; các dự án có ảnh hưởng tích cực đến việc cải thiện đời sống dân cư trong khu vực dự án, các dự án phục vụ giảm nghèo và các dự án có đóng góp thiết thực vào việc tăng cường mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước.

- Phần đầu tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước đạt 2 tỷ USD vào năm 2015 và 5 tỷ USD năm 2020. Quan tâm đặc biệt, bảo đảm kết nối giao thông đường bộ trên các trục huyết mạch và các tuyến kết nối qua biên giới với các cảng biển của Việt Nam để phục vụ đầu tư, thương mại và hội nhập giữa hai nước, trên nguyên tắc đầu

tư đồng bộ và đồng thời giữa hai bên.

- Tăng cường và nâng cao vai trò hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các bộ, ngành, tổ chức, địa phương và doanh nghiệp hai nước, gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa phương có chung đường biên giới giữa hai nước nhằm phát triển các địa phương khu vực biên giới trở thành hậu phương chiến lược vững chắc, ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài, tạo sự gắn bó, tin tưởng lẫn nhau, góp phần củng cố ngày càng vững chắc mối quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa các dân tộc và nhân dân hai nước.

- Nâng cao chất lượng hợp tác và sử dụng có hiệu quả các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của Việt Nam dành cho Lào. Tránh dàn trải, tập trung có trọng tâm, trọng điểm vào các chương trình, dự án phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài của Lào nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho hai nước. Các chương trình, dự án mang tính xã hội có tác động trực tiếp vào việc tăng cường quan hệ đặc biệt giữa hai nước.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, hai bên phối hợp chặt chẽ việc rà soát bổ sung, sửa đổi các văn bản thỏa thuận, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách mới phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế của mỗi nước, thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước và thông lệ quốc tế, tạo sự chuyển biến trong hợp tác kinh tế cũng như hội nhập quốc tế và khu vực của mỗi nước.

Thường xuyên trao đổi thông tin và phản ánh những bất cập trong quá trình thực hiện những thỏa thuận song phương; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời việc thực hiện những nội dung thỏa thuận hợp tác mà hai bên đã ký kết. Điều chỉnh linh hoạt các nội dung đã cam kết phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời điểm.

Phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các cam kết và có sự đồng thuận trong các khuôn khổ hợp tác đa phương đối với

những vấn đề có liên quan đến hai nước nhằm tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ của các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế vào mục tiêu thúc đẩy, tạo sự chuyển biến trong hợp tác kinh tế giữa hai nước.

3. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Trước những biến động phức tạp và khó lường của tình hình thế giới và yêu cầu phát triển của mỗi nước, trên cơ sở những kết quả to lớn của sự hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam những năm qua, lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước thống nhất đặt ưu tiên cao nhất là cùng phấn đấu nâng quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên tầm cao mới, theo phương châm chất lượng và hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị, tăng trưởng kinh tế bền vững, hội nhập ngày càng sâu rộng và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhất trí trước hết tiếp tục củng cố, tăng cường sự gắn bó, tin cậy và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong những vấn đề có tính chiến lược giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Duy trì các cuộc gặp cấp cao truyền thống. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả và thiết thực về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cho toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân hai nước.

Đồng chí Chummaly Xaynhaxôn, Chủ tịch nước, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã nói rõ chủ trương của Đảng và Nhà nước Lào về vấn đề này: *“Trong điều kiện mới, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam ngày càng tăng cường và phát triển, nở hoa, kết trái và cùng tồn tại mãi mãi với sự phát triển của hai nước chúng ta.*

Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào sẽ làm hết sức mình để cùng với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em nâng niu, gìn giữ và vun đắp mối quan hệ truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam, để cho mối quan hệ đó trở thành tài sản vô giá cho con cháu mai sau.

Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào coi đó vừa là nghĩa vụ quan trọng, vừa là vinh dự cao cả của mình, khẳng định chắc chắn rằng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng sẽ cùng Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tăng cường tuyên truyền, giáo dục cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các bộ tộc, mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ của hai nước có sự hiểu biết sâu sắc về tầm quan trọng, tính quy luật của tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam cũng như nghĩa vụ cần phải vun đắp và xây dựng tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững”¹. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng nhấn mạnh: Tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú và thiết thực về mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, trước mắt, sớm hoàn thành công trình lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào để làm tài liệu giáo dục cho nhân dân hai nước, đặc biệt là thế hệ thanh, thiếu niên hôm nay và mai sau². Như vậy là, lãnh đạo cấp cao hai nước đều khẳng định sự cần thiết phải tăng cường hợp tác toàn diện, đưa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên tầm cao mới, mà nhiệm vụ trước tiên là tuyên truyền, giáo dục về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

¹. Báo *Nhân dân*, ngày 18 tháng 7 năm 2007.

². Xem: *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007) - Bài viết của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước*. (Chữ in nghiêng là do chúng tôi nhấn mạnh - BBS).

Đối tượng của việc tuyên truyền, giáo dục là hết thảy cán bộ, đảng viên, nhân dân và đặc biệt là thế hệ trẻ; từ cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội, mặt trận đến những người dân bình thường của hai nước... từ trung ương đến địa phương, bộ, ngành, đơn vị, doanh nghiệp.

Về nội dung, phải làm cho mọi người hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Chủ tịch Cayxôn Phômvihản, Chủ tịch Xuphanuvông kính yêu xây dựng, vun đắp và đã được các thế hệ lãnh đạo và cán bộ, nhân dân hai nước tiếp tục củng cố, phát triển trong gần 80 năm qua. Mối quan hệ đặc biệt đó đã trở thành tài sản vô cùng quý báu của hai dân tộc, là quy luật tồn tại và phát triển, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước trước đây và ngày nay. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhiều lần khẳng định quyết tâm và coi đây là nhiệm vụ, trách nhiệm cùng nhau tiếp tục bảo vệ, phát triển và nâng lên tầm cao mới mối quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi bên, bổ sung cho nhau; đồng thời dành cho nhau ưu tiên, ưu đãi hợp lý, không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng hợp tác vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, góp phần vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Việc tuyên truyền, giáo dục phải được tiến hành bằng nhiều hình thức phong phú và thiết thực, hiệu quả. Trước mắt cần dựa trên kết quả của công trình “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)*” để làm cơ sở cho công tác tuyên truyền, giáo dục. Đây là việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vì, cùng với bộ sách lịch sử là những bộ sách hồi ký, văn kiện, sách ảnh, biên niên sự kiện, những cuốn phim tư liệu mà sau

khi hoàn thành không chỉ là những công trình tổng kết có giá trị lịch sử về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng và cũng chính Người cùng với Chủ tịch Cayxôn Phômvihân, Chủ tịch Xuphanuvông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước, hai Mặt trận, nhân dân và quân đội hai nước không ngừng củng cố và phát triển, mà còn là những công trình đáp ứng công tác tuyên truyền, giáo dục lâu dài hết sức có ý nghĩa đối với thế hệ hôm nay và các thế hệ con em hai nước Việt Nam và Lào mai sau.

Các công trình khoa học về lịch sử quan hệ đặc biệt giữa hai nước càng có tác dụng tuyên truyền và giáo dục hơn, bởi nó dựng lại bức tranh lịch sử sinh động những chặng đường cách mạng vẻ vang mà các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào đã đi suốt chiều dài lịch sử mấy chục năm qua; thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa quốc tế cao cả, tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt thủy chung, trong sáng, chí nghĩa, chí tình luôn luôn kề vai sát cánh trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cho đến những ngày xây dựng đất nước trong hòa bình.

Lịch sử hình thành và phát triển của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cũng sẽ được tái hiện một cách rõ ràng, sinh động và quan trọng hơn, từ thực tiễn lịch sử đúc kết những bài học quý giá trong gần 80 năm xây dựng và phát triển mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam mẫu mực, hiếm có trong lịch sử nhân loại.

Lịch sử về quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng và quân dân hai nước chúng ta là sự thật đầy sức thuyết phục không một ai và mãi mãi không bao giờ phủ nhận được, bởi vì, đó là thành quả kết tinh từ xương máu hy sinh, từ lao động sáng tạo, từ niềm tin không gì lay chuyển nổi, từ sự chia ngọt sẻ bùi, chung lưng đấu cật, gắn bó

keo sơn như anh em ruột thịt của các thế hệ chiến sĩ cách mạng và quân dân hai nước¹.

Các công trình khoa học về lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sẽ là tài liệu rất quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi người, từ cán bộ, đảng viên đến người dân thường của hai nước chúng ta càng thêm tự hào, trân trọng về tầm vóc vĩ đại, ý nghĩa lớn lao của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam để mãi mãi biết ơn những chiến sĩ cách mạng tiền bối và các thế hệ anh hùng liệt sĩ cùng đồng bào, chiến sĩ hai nước đã chiến đấu hy sinh, lao động sáng tạo, xây dựng, bồi đắp, bảo vệ tình đoàn kết, quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước chúng ta; phát huy truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trở thành động lực thúc đẩy sự hợp tác toàn diện giữa hai nước trong giai đoạn mới.

Để tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, cả hai bên cần đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thông tin, phát thanh truyền hình... Phối hợp tổ chức trọng thể hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của hai nước; duy trì các cuộc gặp gỡ, giao lưu giữa các địa phương, ban, ngành, đơn vị... đặc biệt là thế hệ trẻ của hai nước.

Trong bối cảnh hiện nay và tương lai gần, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu hướng chủ yếu, nhưng xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, khủng bố... vẫn diễn ra ở

¹. Trích bài phát biểu của đồng chí Tr- ơng Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Th- ờng trực Ban Bí th- Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội nghị trao đổi kinh nghiệm công tác hai Ban Chỉ đạo biên soạn bộ sách *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)*, tháng 3 năm 2009.

nhiều nơi với tính chất rất phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn đẩy mạnh việc thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” mà mũi nhọn là tư tưởng, văn hóa nhằm lật đổ sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và chế độ dân chủ nhân dân ở Lào, phá hoại mối quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam và Lào. Vì vậy, hai bên cần tăng cường hợp tác trong công tác tuyên truyền, giáo dục với nhiều hình thức phong phú, hiệu quả, thiết thực... kể cả việc phối hợp và trao đổi kinh nghiệm đấu tranh chống các tư tưởng sai trái, phản động trong cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam và Lào; đồng thời đấu tranh với những luận điệu nhằm xuyên tạc quan hệ Việt Nam - Lào, bảo vệ sự trong sáng của mối quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam hiện nay.

Với mong muốn và quyết tâm của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sẽ được đẩy mạnh trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi; đồng thời dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau phù hợp với tính chất của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác, đưa quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên một tầm cao mới vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

KẾT LUẬN

Khi lãnh tụ Nguyễn ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Người về con đường cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương, là thời điểm xuất hiện quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của hai dân tộc chống chế độ thuộc địa, từng bước tiến triển trong quan hệ đoàn kết đặc biệt giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

Các chặng đường thắng lợi của hai dân tộc diễn ra nối tiếp nhau như Cách mạng tháng Tám 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn năm 1975, tiếp đó là quá trình tìm tòi, thử nghiệm để đi tới quyết định đổi mới con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào cuối năm 1986. Đường lối đổi mới khơi dậy nguồn lực lao động sáng tạo, đẩy mạnh sản xuất phát triển, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập tổ chức ASEAN và nhiều tổ chức quốc tế khác, đưa tới sự tăng trưởng nhanh về năng suất lao động, của cải xã hội, ổn định chính trị trong sự biến động hiểm nghèo của chủ nghĩa xã hội với sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Sự kiểm nghiệm khách quan đó của lịch sử càng làm sáng tỏ giá trị cao quý của tư tưởng Hồ Chí Minh và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự thiết lập quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là một sáng tạo lý luận cách mạng giải phóng dân tộc

Hầu hết các nước châu á, đến những năm đầu thập niên 20 thế kỷ XX, sống trong tình trạng *biệt lập*, không tự biết sức mạnh vốn có của mình, càng không biết đoàn kết với các dân tộc khác để tạo ra sức

mạnh chiến thắng chủ nghĩa thực dân phương Tây. Do vậy, sự thiết lập quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trở thành *một giải pháp có ý nghĩa lịch sử của nhân dân châu á* trong sự nghiệp đấu tranh lật đổ chế độ thuộc địa. Điều đó, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc cho biết, sau nhiều năm ngẫm nghĩ, Người tìm thấy “nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là SỰ BIỆT LẬP... do đó họ THIẾU SỰ TIN CẬY LẤN NHAU, SỰ PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG VÀ SỰ CỖ VỮ LẤN NHAU”¹.

Nguyễn ái Quốc còn phân tích làm sáng tỏ thêm mối quan hệ giữa việc tìm kiếm con đường tự giải phóng và nhận thức về tầm quan trọng của đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Người viết: “Miền Cận Đông và miền Viễn Đông, từ Xyri tới Triều Tiên - chúng tôi chỉ nói đến những nước thuộc địa và nửa thuộc địa có một diện tích rộng hơn 15 triệu km², với số dân hơn 1.200 triệu người, tất cả những nước rộng lớn ấy ngày nay đều đang ở dưới ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Và mặc dù số lượng của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn *chưa thực sự mưu đồ tự giải phóng khỏi ách đó, và vì họ chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết quốc tế, nên họ chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh...* Họ có sẵn một sức mạnh to lớn mà họ chưa biết!”².

Nét đặc sắc của quan hệ giúp nhau giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là sự thực hiện quan điểm, nguyên tắc và trách nhiệm do lãnh đạo hai Đảng, hai nước nhất trí.

Trong quá trình xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cả hai Đảng và hai dân tộc đều nhất trí thực hiện lời chỉ dẫn của lãnh tụ Hồ Chí Minh “giúp bạn là mình tự

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.263.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.301. (Những chữ in nghiêng là do chúng tôi nhấn mạnh - BBS).

giúp mình”, và thực hiện các nguyên tắc như trên đã viết. Nhân dân hai nước cùng sát cánh bên nhau chiến đấu, công tác và do vậy, thắng lợi của mình, có phần đóng góp của bạn. Tại cuộc hội đàm giữa Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 12 năm 1973. Đồng chí Cayxôn Phômvihản thể hiện rõ tinh thần ấy: “Đặc biệt trong quá trình giúp đỡ, ta đã xây dựng tình đoàn kết hiếm có trong lịch sử”. Sự đoàn kết vì tình, vì nghĩa, vì dân tộc, vì quốc tế cho nên đoàn kết trở thành truyền thống, thành mẫu mực.

Trong tình hình quốc tế, trong tình hình quan hệ của đảng, các nước đều có vấn đề phức tạp, mà giữa hai Đảng chúng ta đến nay đều thuỷ chung gắn bó là một điều vô cùng quý báu.

Nhân dịp kết thúc một giai đoạn cách mạng, thay mặt Đảng Nhân dân cách mạng Lào, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thay mặt toàn thể nhân dân Lào, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng Lao động Việt Nam, với Ban Chấp hành Trung ương Đảng và với tất cả cán bộ, chuyên gia, bộ đội, công nhân đã và đang công tác ở Lào, có những người đã lẫn lộn 10, 20 năm xa quê hương, xa gia đình, tận tụy hy sinh vì cách mạng Lào. Lịch sử hai Đảng, hai nước sẽ ghi mãi mãi công ơn to lớn này. Đây không những là một tấm gương lớn cho hai Đảng, hai nước chúng ta, mà còn là một gương, một kinh nghiệm quý báu cho mỗi quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng. Nó Mác - Lênin lắm, nó rất chân chính, nó rất đúng nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tôi nghĩ không có lời văn, không có báo chí nào có thể nói hết.

Có thể nói đây là những điểm rất cơ bản. Chỉ có hai Đảng, hai dân tộc cùng một cảnh ngộ chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ, cùng một vận mệnh gắn bó với nhau mới hiểu hết tình nghĩa này”¹.

¹. *Biên bản hội đàm giữa Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 12 năm 1973, Tài liệu đã dẫn.*

Về phía Việt Nam, Trung ương Đảng nhiều lần tự xác định *trách nhiệm* của mình đối với cách mạng Lào và điều đó cũng là trách nhiệm đối với quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị ngày 21, 22 tháng 4 năm 1967 viết: “Vị trí cách mạng Lào rất quan trọng và gắn liền với Việt Nam, quan hệ giữa ta và Lào là quan hệ đặc biệt. Quan hệ giữa ta và Lào khác với quan hệ giữa ta với các nước khác. Đối với Lào không phải là giúp mà thôi, mà ta phải xem mình có nhiệm vụ tham gia làm cách mạng ở Lào”¹.

Bộ Chính trị chủ trương quán triệt trong toàn thể cán bộ, chiến sĩ sang giúp Lào và các ngành, các địa phương có quan hệ về ý nghĩa, nhiệm vụ giúp cách mạng Lào, tham gia cách mạng Lào.

Trong quá trình giúp đỡ nhau, mỗi bên đều dốc hết sức của mình, giúp toàn diện, nhưng không dàn đều, mà chú trọng tập trung vào những vấn đề cơ bản nhất. Theo ý kiến của Bác Hồ, trong những năm đầu thập niên 60 thế kỷ XX, Việt Nam cần chú trọng tập trung giúp Đảng Lào xây dựng đường lối, cương lĩnh, đào tạo cán bộ. Người chỉ đạo thành lập một tổ cán bộ Việt Nam cùng bạn nghiên cứu, đi khảo sát thực tế ở nhiều tỉnh, kể cả ở vùng địch hậu Viêng Chăn. Kết quả nghiên cứu đã giúp Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra Nghị quyết xây dựng vùng giải phóng như quy mô quốc gia được ghi trong kế hoạch ba năm từ 1968 đến 1970; năm 1972, Đại hội II Đảng Nhân dân cách mạng Lào công bố *Cương lĩnh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội*.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng Nhân dân Lào và nhân dân Lào giúp Việt Nam mở tuyến đường vận tải chiến lược, cung cấp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và

¹. Tổng cục Chính trị: *Đảng lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế (1930 - 1975)*, Sđd, tr.476.

Campuchia.

Đây không chỉ là con đường vận chuyển vũ khí, quân trang, quân dụng, lương thực, xăng dầu và bộ đội, cán bộ từ hậu phương miền Bắc vào miền Nam đến Lào, Campuchia mà còn là chiến trường đọ sức ác liệt, nơi thử thách ý chí và bản lĩnh cách mạng của lực lượng vũ trang và nhân dân hai nước vì độc lập, tự do, chống các mưu đồ, kế hoạch nham hiểm, tàn bạo và các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất của đế quốc Mỹ.

Trong chiến tranh chống Mỹ, nhiều chiến dịch lớn do quân đội, nhân dân Việt Nam và quân đội Lào tiến hành như chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mỹ - nguy hòng ngăn chặn đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam, triệt phá hoàn toàn hệ thống hậu cần của ta tại Nam Lào. Chúng đã bị thất bại thảm hại trước sức phối hợp chiến đấu của bộ đội Việt Nam và quân, dân Lào. Tiếp đó, quân đội Việt Nam, Lào còn mở nhiều chiến dịch tiêu hao tiêu diệt địch, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng của cách mạng Lào, giữ vững mạch máu giao thông trên đường Hồ Chí Minh, khẩn trương chuẩn bị lực lượng đón thời cơ giải phóng miền Nam Việt Nam.

Từ thực tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta càng thấu hiểu, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và nhân dân Lào đã chấp nhận những hy sinh to lớn khi giúp Việt Nam mở đường tây Trường Sơn, tận dụng lợi thế thiên nhiên và vị thế địa - quân sự của dãy Trường Sơn. Và chỉ có quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào mới đáp ứng được yêu cầu đó của bạn bè, đồng chí.

Hai bên thường xuyên quan tâm học hỏi lẫn nhau, cổ vũ những sáng tạo và thành công của bạn. Tại cuộc hội đàm giữa Đoàn đại biểu Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Đoàn đại biểu Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 12 năm 1973, đồng chí Lê Duẩn nói: “Đảng chúng tôi đánh giá rất cao thắng lợi mà Đảng

và nhân dân Lào vừa giành được. Thắng lợi của các đồng chí đưa đất nước Lào phát triển một bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử đất nước Lào, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cách mạng ở Đông Dương và ảnh hưởng tốt đến phong trào của nhân dân các nước trên thế giới. Đảng Lào và nhân dân Lào đã làm được một việc vĩ đại trong hoàn cảnh hết sức khó khăn phức tạp”¹.

Những kỳ tích của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là sự thể hiện thành công đạt tới trình độ mẫu mực, đúng đắn, hài hoà mối quan hệ dân tộc và quốc tế; tạo thuận lợi cho hai bên tự chủ phát triển nội lực của mình và chung sức nhân lên sức mạnh của khối liên minh, hợp tác của hai dân tộc. Đó chính là *di sản văn hoá phi vật thể của hai dân tộc Việt Nam, Lào* như Chủ tịch Xuphanuvông đánh giá trong diễn văn đọc tại cuộc mít tinh trọng thể chào mừng Đoàn đại biểu nhân dân Lào tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội ngày 25 tháng 5 năm 1971: “Tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Lào và Việt Nam thật là vĩ đại mà bất cứ bài ca, bản nhạc nào, bất cứ bài thơ nào hay nhất cũng không sao diễn tả trọn vẹn được. Tình hữu nghị đó cao hơn núi, dài hơn sông, rộng hơn biển cả, đẹp hơn trăng rằm, ngát thơm hơn bất cứ đoá hoa nào thơm nhất. Tình hữu nghị cao đẹp đó đã được vun trồng, xây đắp lên với tất cả tấm lòng thành thật của chúng ta. Do đó, không thể có hung thần nào, không thể có kẻ thù nào phá vỡ nổi”².

Trong tình hình đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, cần ra sức bảo vệ, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

¹. *Biên bản hội đàm giữa Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, tháng 12 năm 1973, Tài liệu đã dẫn.

². *Báo Nhân dân*, ngày 2 tháng 6 năm 1971.

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là sự tổng hợp phẩm chất cách mạng trong sáng, trách nhiệm cao cả và tình cảm sắt son, nồng thắm mà hai dân tộc Việt Nam, Lào dành cho nhau, gắn bó bền chặt với nhau, chiến đấu, hy sinh, lao động sáng tạo vì độc lập, tự do, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan hệ đó trải qua nhiều chặng đường gian nan, ác liệt do chủ nghĩa đế quốc xâm lược gây ra. Trong chín năm (1945 - 1954), đế quốc Pháp sử dụng các kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”, “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, chia cắt, bao vây chiến trường Việt Nam, Lào trong nhiều năm (1945 - 1949)... nhưng chúng đều bị nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia đoàn kết chiến đấu và đánh bại.

Đế quốc Mỹ không rút kinh nghiệm thất bại của thực dân Pháp, liều lĩnh lao vào cuộc chiến xâm lược Đông Dương kéo dài hơn 20 năm với cường độ gia tăng gấp bội. Chúng sử dụng nhiều chiến lược chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới; đánh phá dữ dội lãnh thổ Việt Nam và Lào, nhất là đường Hồ Chí Minh, hòng bóp nghẹt con đường chi viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia. Song chúng càng bị thất bại thảm hại.

Sau chiến thắng chống ngoại xâm, quan hệ Việt Nam - Lào vẫn phải đối đầu với nhiều thách thức mới do nhiều kẻ thù gây ra và do hậu quả chiến tranh. Đồng thời, lúc bấy giờ, tại Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đã phạm phải “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*.”

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế,

xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh”¹.

Về phía Lào, Đảng và Nhà nước cũng mắc phải những nhược điểm mà Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào chỉ rõ: đó là tư tưởng chủ quan, nóng vội trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa như muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa; vội vàng chuyển các nhà máy, xí nghiệp không cần thiết sang sở hữu nhà nước; nóng vội đưa nông dân vào làm ăn tập thể mà không xem xét các điều kiện, nguyên tắc và năng lực tổ chức, quản lý, đi đôi với việc chậm giải quyết cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh².

Trước những sai lầm, nhược điểm trong công cuộc xây dựng đất nước, hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam, Lào đã hợp tác trao đổi kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn để xác định chủ trương, chính sách khắc phục khó khăn, mở đường đổi mới, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên các chặng đường cách mạng đầy gian khổ, phức tạp và thắng lợi vẻ vang của hai dân tộc Việt Nam, Lào đều hiện rõ vai trò quan trọng, giá trị cách mạng, nhân văn và hiệu quả to lớn của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Nhìn về tương lai, chúng ta càng thấy rõ sự cần thiết phải ra sức bảo vệ, phát triển quan hệ đặc biệt đó - tài sản quý giá nhất của hai dân tộc Việt Nam, Lào. Trước hết cần học tập, thấm nhuần những quan điểm, nguyên

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.25.

². Xem Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung - ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tóm lược)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.227.

tắc và phương pháp xây dựng mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam và vận dụng trong mọi hoạt động liên quan với mối quan hệ đó. Đồng thời, cần cảnh giác và đấu tranh không khoan nhượng chống các quan điểm, thủ đoạn hạ thấp hoặc phá hoại quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Lời phát biểu sau đây của đồng chí Cayxôn Phômvihản chính là lời chỉ dẫn cho phương hướng suy nghĩ và hành động của chúng ta: “chúng ta phải nhận thức rằng mối quan hệ giữa Lào và Việt Nam tuy là quý hơn *ngọc quý nhất*, song cũng phải thường xuyên chăm lo vun đắp cho trong sáng hơn nữa.

Để tăng cường củng cố mối quan hệ đoàn kết Lào - Việt trong hoàn cảnh mới, cán bộ đảng viên cần nhận thức, quán triệt quan điểm, thái độ cũng như phương pháp nhận xét và giải quyết đúng đắn những vấn đề thực tế thường xảy ra”¹.

¹. Bài phát biểu của đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí th- Đảng Nhân dân cách mạng Lào tại Hội nghị cán bộ toàn quốc ngày 13 tháng 5 năm 1974, Tài liệu đã dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

1. Ai Minh: “Công việc vận động cách mạng Ai-Lao”, Tạp chí *Quân sự tập san* (2), 1948, tr. 8-9.
2. Bài nói của đồng chí Viêng Xay trước Hội nghị cán bộ toàn quốc ngày 13 tháng 4 năm 1974. Thư viện Viện lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4829.
3. Bài phát biểu của đồng chí Xixávat Kẹo Bunphăn nói về chuyên gia. Thư viện Viện lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4300.
4. Bài phát biểu của anh Văn với cán bộ chuyên gia ở Lào. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4550.
5. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
6. Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
7. Ban Công tác miền Tây (CP38): *Biên niên những sự kiện lịch sử Lào* (lưu tại Viện Lịch sử Đảng).
8. Ban Công tác miền Tây: *Biên niên sử Lào 1921 - 1954*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy 78 trang), số ký hiệu: TL-809.
9. Ban Liên lạc quân tình nguyện Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia: *Quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia (1948 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.

10. Ban Nghiên cứu lịch sử quân sự: *Chủ trương công tác cho Ban xung phong Lào Bắc năm 1948*, Hà Nội, 1997, Tài liệu lưu tại Thư viện Quân đội (bản đánh máy 4 trang), số ký hiệu: 355(V09)/4.T.3305.
11. Ban Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
12. Ban Tổng kết Lào - Học viện Quân sự cao cấp: *Kế hoạch tổng kết hoạt động và tác chiến của các lực lượng vũ trang tình nguyện Việt Nam thực hiện sự liên minh chiến đấu Việt - Lào trong chiến tranh giải phóng trên chiến trường Lào từ 1945 đến 1975*, 1979, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (bản đánh máy 6 trang), số ký hiệu: TK-629.
13. Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh ủy Thanh Hóa: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*, Hà Nội, 2009.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Hội thảo quốc tế Việt Nam - Lào về Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển đất nước: Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Lào* (kỷ yếu), Hà Nội, tháng 8 năm 2007.
15. Bản thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn từ nay đến năm 2000, Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1995.
16. Bản thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn từ năm 2001 đến 2010, Hà Nội, ngày 6 tháng 2 năm 2001.
17. Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, truyền thống và triển vọng* (Kỷ yếu Hội thảo khoa

- học), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
18. Báo cáo tổng hợp của thời kỳ 1946 - 1954, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc của nhân dân Lào, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy 96 trang), số ký hiệu: TL-1017.
 19. Báo cáo tổng kết thời kỳ 1930 - 1946 ở Lào, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (bản đánh máy 67 trang), số ký hiệu: TK-616.
 20. Báo cáo tổng kết phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào từ 1945 đến nay, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (bản đánh máy), số ký hiệu: TK-620.
 21. Báo cáo tổng kết 10 năm làm công tác chuyên gia giúp cách mạng Lào. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-636.
 22. Báo cáo tổng kết của lực lượng trung lập ở Lào 1963 - 1971. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4269.
 23. Báo cáo thực hiện kế hoạch hợp tác văn hóa với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào năm 1984, Hồ sơ số 520, Vụ châu á 2, Phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.
 24. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 - 2003 của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Đoàn chuyên gia cao cấp Chính phủ Lào - Đoàn chuyên gia cao cấp Chính phủ Việt Nam (2004), Viêng Chăn, ngày 21 tháng 2 năm 2004.
 25. Báo cáo tình hình thực hiện một số nội dung hợp tác với Lào năm 2004, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Phân ban hợp tác Việt Nam - Lào, Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2004.
 26. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư của Việt Nam sang Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Quản lý dự án đầu tư nước ngoài, Hà Nội, 2002.
 27. Báo cáo tổng kết ba năm hoạt động từ 1992 - 1995 và phương

- hướng hợp tác từ 1996 - 2000 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào về chương trình phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 12 năm 1995.
28. “Báo cáo tổng kết 10 năm hợp tác giáo dục và đào tạo với Việt Nam của Bộ Giáo dục Lào” trong Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 10 năm hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam - Lào tại Cửa Lò, Nghệ An, Hà Nội, tháng 8 năm 2002, tr. 69.
 29. Báo cáo tổng kết quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào thời kỳ 1996 - 2000 và năm 1996, tài liệu lưu tại Vụ châu á 2, Bộ Ngoại giao.
 30. Báo cáo về hợp tác Lào và Việt Nam của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp năm 1999 - 2000 và giai đoạn 2001 - 2005, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.
 31. Báo *Cứu quốc* (cơ quan của Tổng bộ Việt Minh - Việt Nam) số 68 (16 tháng 10 năm 1945), số 131 (ngày 2 tháng 1 năm 1946).
 32. Biên bản hội đàm giữa hai Đảng Việt Nam - Lào (8.61). Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4286- 4291.
 33. Biên bản hội đàm giữa hai Đảng Việt Nam - Lào (1.73). Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4556-4557.
 34. Biên bản hội đàm giữa hai Đảng (12.73). Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4565-4567.
 35. Biên bản trao đổi ý kiến giữa Trung ương Đảng Lào - Việt Nam (5.67). Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK- 4568-4571.
 36. Biên bản kỳ họp lần thứ 18 Uỷ ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

- Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, ngày 14 tháng 1 năm 1996.
37. Biên bản làm việc một số nội dung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào năm 2004, Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2004.
 38. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.
 39. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t. 1, 2.
 40. Bộ Tổng Tham mưu - Ban Tổng kết biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Ban Tổng kết Bộ Tổng tham mưu xuất bản, 1991.
 41. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, 2003, t. 3, 6.
 42. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào 1945 - 1975 (Đoàn 100, Đoàn 959)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.
 43. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào* (sách ảnh bằng ba thứ tiếng Việt Nam, Lào, Anh), Hà Nội, 2007.
 44. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 10 năm hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam - Lào*, Cửa Lò, Nghệ An, tháng 8 năm 2002.
 45. Bua Khăm Thípavong: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc phát triển kinh tế ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*,

- Luận án Tiến sĩ kinh tế học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2001.
46. Bùi Văn Vân: “Vài nét về thành tích tự túc của Quân tình nguyện Việt Nam tại Lào (1945 - 1954)”, Tạp chí *Lịch sử quân sự* (4), 1987, tr. 29-32.
 47. Chỉ thị của Ban Bí thư số 21-CT/TW ngày 18 tháng 10 năm 1977 về việc tăng cường quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương, Phòng lưu trữ Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Thông số 82, Đơn vị bảo quản 2375.
 48. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam số 09-CT/TW ngày 3 tháng 7 năm 1987 về việc quan hệ Đảng ta với Đảng Lào và Đảng Campuchia, Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
 49. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào số 24/BBT, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc hội đàm giữa Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào với Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
 50. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: *Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến năm 2000* (Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam).
 51. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: *Hiệp định hàng năm về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, từ 1996 đến 2007* (Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam).

52. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: *Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, thời kỳ 2006 - 2010* (Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam).
53. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: *Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2001 - 2010* (Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam).
54. Chu Huy Mân: “Liên minh ba nước không ngừng lớn mạnh”, Tạp chí *Cộng sản* (8), 1985, tr. 12-18.
55. Chu Huy Mân: *Trên chiến trường Lào, giúp bạn là tự giúp mình* (Hồi ký).
56. *Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề đoàn kết hợp tác ba nước Đông Dương* (Trích các bài nói và viết 1920 - 1969), Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, số ký hiệu: TL-9.
57. Chương Sớm Bun Khăn: “Thành tựu của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong đổi mới” trong Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 586-592.
58. *Con đường tình nghĩa - từ công trường Lào Cai 114 đến Công ty đường 126*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 2001.
59. *Công tác hậu cần, vận tải sáu tháng năm 1967 ở Xiêng Khoảng*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-618.
60. Cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, ngày 7 tháng 4 năm 1994.
61. *Cờ giải phóng*, số 11 (ngày 25 tháng 3 năm 1945), số 27 (ngày 21 tháng 10 năm 1945).

62. Cục Chính trị - Quân khu Tây Bắc: *Tổng kết công tác giúp bạn ở bốn tỉnh Bắc Lào của Quân khu Tây Bắc*, 1996, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (bản đánh máy), số ký hiệu: TK-677.
63. *Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Lào*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy), TL-281.
64. “Diễn văn chào mừng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi đón tiếp Quốc vương Lào đến thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 10 tháng 3 năm 1963”. Báo *Nhân dân*, ngày 11 tháng 3 năm 1963, tr.1.
65. Diễn văn của Hoàng thân Chủ tịch Xuphanuvông tại buổi mít tinh trọng thể chào mừng Đoàn đại biểu nhân dân Lào tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, tối 25 tháng 5 năm 1971”. Báo *Nhân dân*, ngày 2 tháng 6 năm 1971, tr.4.
66. Dương Phú Hiệp: “Việc lựa chọn con đường phát triển trong tiến trình đổi mới ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”, trong *Tìm hiểu lịch sử văn hóa Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, t.3, tr.341-353.
67. *Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
68. *Đại hội V Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
69. *Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1972), Cương lĩnh của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Neo Lào Hắc Xát. (Bản dịch của Nguyễn Văn Vinh).
70. *Đảng Nhân dân cách mạng Lào: Văn kiện Đại hội lần thứ VI Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia và Nhà xuất bản và phát hành sách Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Hà Nội, 1996.

71. Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VII Đảng Nhân dân cách mạng Lào*. Bản tiếng Việt lưu tại Viện Đông Nam á, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
72. Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào* (Tài liệu nội bộ).
73. Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Thỏa thuận hàng năm giữa Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào từ 1996 - 2002*. Lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
78. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
79. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, từ tập 1 đến tập 54.
80. Đặng Thanh Toán - Nguyễn Thị Phương Nam: “Bước đầu tìm hiểu quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam - Lào trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 2 (41)/ 2000, tr.43-51.
81. *Đề cương báo cáo về tình hình Lào, đường lối, chủ trương của Đảng bạn và sự phân công tổ chức giúp bạn của Đảng ta*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4388.

82. *Đề cương tổng kết sự thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta về mặt quân sự đối với chiến tranh cách mạng Lào 45 - 75*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4405.
83. Đinh Xuân Lâm: “Đường biên giới Việt - Lào ngày nay - sản phẩm của truyền thống hữu nghị giữa hai dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 6 (51)/ 2001, tr.70-76.
84. Đinh Ngọc Bảo - Viêngvichít Xútthidệt: “Những thành tựu trong công tác đào tạo sinh viên và nghiên cứu sinh Lào ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội 25 năm qua”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 4 (55)/ 2002, tr.30-37.
85. Đỗ Đình Hăng: *Quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1993.
86. Đồng chí Cayxôn Phômvihản trả lời phỏng vấn của báo *Nhân dân*: “Lúc này hơn lúc nào khác càng phải tăng cường mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Lào - Việt”, do nhà báo Hữu Thọ thực hiện ngày 4 tháng 7 năm 1989, tại Viêng Chăn, Báo *Nhân dân*, ngày 5 tháng 7 năm 1989, tr.3.
87. Hà Minh Tân: “Cơ sở khách quan bền vững của mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào”, Tạp chí *Cộng sản*, số 18, tháng 12 năm 1995, tr.56-57.
88. Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 18 tháng 7 năm 1977, Hồ sơ số 514/3, Vụ á châu 2, Bộ Ngoại giao.
89. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Viêng Chăn, ngày 14 tháng 1 năm 1996.

90. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Viêng Chăn, ngày 9 tháng 3 năm 1998.
91. Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 1996.
92. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào thời kỳ 1992 - 1995, Viêng Chăn, ngày 15 tháng 2 năm 1992.
93. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1993, Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1993.
94. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1994, Viêng Chăn, ngày 7 tháng 4 năm 1994.
95. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1995, Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1995.
96. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1996, Viêng Chăn, ngày 14 tháng 1 năm 1996.
97. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1997, Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 1997.

98. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1998, Viêng Chăn, ngày 9 tháng 3 năm 1998.
99. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1999, Hà Nội, tháng 1 năm 1999.
100. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 2002, Viêng Chăn, ngày 15 tháng 1 năm 2002.
101. Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 2003.
102. Hiệp định về hợp tác trong lĩnh vực năng lượng - điện giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Hà Nội, tháng 7 năm 1998.
103. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, ngày 18 tháng 7 năm 1977.
104. Hoàng Văn Thái: *Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.
105. Hoàng Thị Minh Hoa - Nguyễn Văn Cường: “Khái quát về quan hệ kinh tế, thương mại với Lào và Campuchia giai đoạn 1991 - 2005”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 2 (107)/2009, tr.21-28.
106. *Hoạt động cách mạng của Chủ tịch Khăm Tày Xiphăndon*

- (Tóm tắt), Viện Chính trị và Hành chính quốc gia Lào, 1999.
107. Học viện Quan hệ quốc tế: Hội thảo khoa học “40 năm quan hệ đặc biệt Việt - Lào Thành tựu và triển vọng”, Hà Nội, 2002, 112 trang.
108. Houmphanh Rattanaovong: “*Na Kay - Quy Hợp một con đường lịch sử của mối quan hệ Lào - Việt Nam*” trong Viện Nghiên cứu văn hóa Lào - Viện Nghiên cứu Đông Nam á, Quan hệ lịch sử Việt - Lào qua tư liệu Quy Hợp (TK. XVII-XIX), The Toyota Foudation tài trợ, Vientiane, 2000.
109. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 12 tập, xuất bản lần thứ hai, 2009.
110. Hồ Chí Minh: *Thiệp gửi Ban xung phong Lào Bắc*, Tài liệu lưu tại Thư viện Quân đội, Hà Nội.
111. *Hồi ức của đồng chí Vũ Hữu Bình*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
112. *Hồi ký của đồng chí Nguyễn Tam Khôi kể về hoạt động tại Trung Lào từ 1945 - 1954*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy 15 trang), số ký hiệu: TL324.
113. *Hồi ký Nguyễn Đình Hìn về hoạt động ở Lào*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
114. Hội đàm giữa Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân Lào, tháng 4 năm 1963, Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
115. Hội đàm giữa đồng chí Văn Tiến Dũng và đồng chí Xixávat 14.5.74. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4831.
116. Huỳnh Đắc Hương: *Chung một chiến hào*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1972.

117. Cayxôn Phômvihân: *Mãi mãi đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam anh hùng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
118. Cayxôn Phômvihân: “Sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất vĩ đại”, *Báo Nhân dân*, ngày 15 tháng 5 năm 1990, tr.1, 4.
119. Cayxôn Phômvihân: “Diễn văn chào mừng Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam của Chủ tịch Cayxôn Phômvihân” đọc ngày 15 tháng 12 năm 1976, tại Hà Nội. *Báo Nhân dân*, ngày 16 tháng 12 năm 1976, tr. 8.
120. Cayxôn Phômvihân: *25 năm chiến đấu và thắng lợi của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
121. *Cayxôn Phômvihân - Người con của nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
122. Cayxôn Phômvihân: *30 năm Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
123. Cayxôn Phômvihân: *Xây dựng một nước Lào hoà bình, độc lập vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978.
124. Cayxôn Phômvihân: *Một vài kinh nghiệm chính trị và một số vấn đề về phương hướng mới của cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, 1979.
125. Cayxôn Phômvihân: *Cương lĩnh chính trị của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Neo Lào Hắc Xát, Viêng Chăn (tiếng Lào).
126. Cayxôn Phômvihân: *Mười năm xây dựng đảng và hai mươi năm đấu tranh cách mạng*, Nxb. Neo Lào Hắc Xát, Viêng Chăn, 1965 (tiếng Lào).
127. Cayxôn Phômvihân: *Bước ngoặt lịch sử*, Nxb. Neo Lào Hắc Xát, Viêng Chăn, 1972 (tiếng Lào).
128. Cayxôn Phômvihân: *Một vài kinh nghiệm chính và một số*

- vấn đề về kinh nghiệm mới của cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
129. Cayxôn Phômvihân: *Một số vấn đề quản lý kinh tế hiện nay ở Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
 130. Cayxôn Phômvihân: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
 131. Kế hoạch hợp tác năm 1996 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Bộ Giáo dục nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 1995.
 132. Kết luận của Chủ tịch đoàn tại Hội nghị tổng kết chiến dịch Năm Bạc. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4368.
 133. Khay Kham Van Na Vong Sy: *Mở rộng quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2002.
 134. Khăm Pheng Thip Muntaly: “Các tộc người Lào hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 3 (60), 2003, tr.45-51.
 135. Khóa họp I ủy ban hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam - Lào, Hồ sơ Q9-6. Phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.
 136. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Thực tiễn tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, truyền thống và triển vọng*, Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2002.
 137. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Các sự kiện lịch sử Trung Lào trong quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào*, Lao Bảo, ngày 8 và 9 tháng 9 năm 2009.
 138. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Căn cứ địa Sầm Nưa - biểu tượng đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.

139. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Đoàn kết liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào đánh bại chiến dịch Cù Kiệt của đế quốc Mỹ tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng*, Xiêng Khoảng, ngày 13 và 14 tháng 9 năm 2010.
140. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển đất nước: Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Lào*, Hà Nội, tháng 8 năm 2007, 344 trang.
141. Leebouapao Leeber: “Phát triển kinh tế Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào: thách thức và triển vọng” trong Hội thảo hợp tác kinh tế các nước Đông Dương trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực, Hà Nội, ngày 11 và 12 tháng 7 năm 2001.
142. Lê Quý Đôn *Toàn tập*, Bản dịch, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1978.
143. Lê Mạnh Trinh: *Cuộc sống chung và riêng của cuộc đời tôi 50 năm đầu thế kỷ XX*. Lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
144. Lê Ngôn, tức Tài: *Hồi ký về phong trào cách mạng ở Lào*. Lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
145. Lê Trọng Khánh: “Nhân dân chiến tranh ở Hạ Lào và Đông Miên”, Tạp chí *Quân chính tập san* (30), 1952, tr. 55-64.
146. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
147. Lê Đình Chinh: *Quan hệ đặc biệt hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong giai đoạn 1954 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
148. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t. 39.
149. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t. 41.
150. *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Liên khu IV (1945 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

151. *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào 1945 - 1995*, Cục Nghiên cứu lịch sử Bộ Quốc phòng Lào ấn hành, 1998.
152. *Lịch sử Đoàn 559 bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
153. *Liên minh đoàn kết chiến đấu đời đời bền vững*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1984.
154. *Lực lượng vũ trang ta trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1955 đến 1975*, Bản số 1, tập thống kê số liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ Tổng Tham mưu và Bộ Quốc phòng Quân đội nhân dân Việt Nam, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.
155. *Lược ghi bài nói chuyện của đồng chí Kỳ, Vụ Nghiên cứu cơ bản/CP về phương hướng phát triển kinh tế ở Lào (72)*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4549.
156. *Lược ghi ý kiến trao đổi giữa đồng chí Cayxôn và một số đồng chí lãnh đạo Việt Nam tại Sài Gòn (7.75)*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4562-4564.
157. Lương Ninh - Nguyễn Lệ Thi: “Mối quan hệ Việt Nam - Lào những năm đầu thế kỷ XIX”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 4 (73)/2005, tr.39-45.
158. Lưu Văn Lợi: *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945 - 1995*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1996, t.1.
159. Mahà Xila Viravông: *Lịch sử Lào từ thượng cổ đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb. Bộ Giáo dục, Viêng Chăn, 1957 (Bản dịch lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Đông Nam á).
160. *Một số vấn đề về tổ chức chỉ huy và xây dựng lực lượng quân tình nguyện Việt Nam hoạt động trên đất bạn*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4400-4401.
161. Một số nội dung chủ yếu của khung định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm 2006 - 2010 của nước

- Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2005), Đoàn chuyên gia cao cấp Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Đoàn chuyên gia cao cấp Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Viêng Chăn, ngày 20 tháng 1 năm 2005.
162. Nghị quyết Trung ương Đảng Nhân dân Lào từ Nghị quyết 1 đến Nghị quyết 17 (Phần chủ trương, phương châm, nhiệm vụ 1959 - 1968). Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4280.
163. Nghị quyết Trung ương Đảng Nhân dân Lào 3.8.68 và một số chỉ thị, nghị quyết khác. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4299.
164. Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, ngày 1 tháng 5 năm 1996.
165. Nghiêm Thị Hải Yến: *Quá trình xâm lược và chính sách cai trị của Pháp ở Lào (1885 - 1945) - Đặc điểm và hệ quả*, Luận án Tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Lịch sử thế giới cận và hiện đại, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2009.
166. Ngô Đăng Tri: “Mối quan hệ giữa Thanh - Nghệ - Tĩnh với Lào trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á* (2), 1994, tr.87-94.
167. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972.
168. Nguyễn Chính Giao: *Nhớ lại quãng đời 50 năm hoạt động cách mạng (1929 - 1979)*, Hà Nội, 2001, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
169. Nguyễn Hào Hùng: “Tình đoàn kết truyền thống Việt Nam -

- Lào trong lịch sử”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 9 (102)/2008, tr.24-34.
170. Nguyễn Tài kể, Thế Tập ghi: “Nhớ lại ngày đưa Bác Hồ từ Thái Lan sang gây dựng cơ sở cách mạng ở Lào”, Tạp chí *Cộng sản*, số 372, tháng 12 năm 1986.
 171. Nguyễn Văn Khoan (sưu tầm và biên soạn): *Việt - Lào hai nước chúng ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
 172. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào 1353 - 1975*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.
 173. Nguyễn Hùng Phi - Bua Xỉ Chalơnxúc: *Lịch sử Lào hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.I, II.
 174. Nguyễn Thị Thu Hà: *Hồ Chí Minh và Xuphanuvông - Cuộc gặp lịch sử tháng 9 năm 1945*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á, số ký hiệu: TL-1203(22).
 175. Nguyễn Bá Linh, Phạm Sang, Bua Khăm: *Hồ Chí Minh với nhân dân Lào. Nhân dân Lào với Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004.
 176. Nguyễn Văn Nhật: “Mấy nét về tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù của nhân dân ba nước Đông Dương từ 1945 đến nay”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, 1981, tr.45-56.
 177. Nguyễn Tiến Ngọc: “Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và hợp tác toàn diện giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào là tất yếu khách quan, là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng hai nước”, Hội thảo khoa học quốc tế về quan hệ Việt Nam - Lào, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
 178. Nguyễn Đình Bá: “Hợp tác đầu tư Việt Nam và Lào, thực trạng và giải pháp”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 4 (55)/2002, tr.44-47.

179. *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005 (tái bản có chỉnh lý và bổ sung).
180. Nguyễn Hoàng Giáp: “Tổng quan 10 năm hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Lào (1991 - 2001)”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 1/2002, tr.42-47.
181. Nguyễn Ngọc Lan: “Hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giao thông vận tải”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 2 (59)/2003, tr.63-66.
182. Nguyễn Xuân Thắng: “*Hợp tác Việt - Lào trong bối cảnh quốc tế mới*”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.593-610.
183. Nguyễn Sỹ Tuấn: “Hợp tác giáo dục và khoa học Việt Nam - Lào vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 3 (66)/2004, tr.11-18.
184. *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Bản dịch, in lần thứ hai, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
185. *Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ (từ năm 1945 đến năm 1954)*, Tập II (1949-1950), Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, 1995, Tài liệu lưu tại Thư viện Quân đội, số ký hiệu: K355(V)/24819.
186. *Những sự kiện chính về thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Lào về quân sự trong 25 năm qua*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4890.
187. Nou Hak: “Tình hình kháng chiến Lào trong năm vừa qua”, Báo *Nhân dân*, ngày 11-15 tháng 3 năm 1953, tr.2.
188. Núpôn Khemmalay: *Cuộc liên minh chiến đấu Lào - Việt 1930-1954*, Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân lịch sử, Đại học

- Tổng hợp Hà Nội, 1980.
189. Ông Hoàng đồ kiên cường, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.
 190. Ôxácăn Thămmạthêva (Chủ biên): *Lịch sử Lào từ thượng cổ đến nay*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Viêng Chăn, 2000, Bản dịch lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Đông Nam á.
 191. V. Pavlopcki: *Lào trong cuộc đấu tranh vì tự do*, 1974 (bản dịch của Viện Sử học Việt Nam).
 192. Phạm Đức Dương: “Quan hệ đặc biệt Việt - Lào, Lào - Việt từ cảm nhận đến nhận thức” trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế các sự kiện lịch sử Trung Lào trong quan hệ đặc biệt Việt - Lào, Lao Bảo, ngày 8, 9 tháng 9 năm 2009.
 193. Phạm Đức Thành (Chủ biên): *Cộng đồng người Việt ở Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
 194. Phạm Văn Đồng: “Ba dân tộc Việt - Miên - Lào đoàn kết đấu tranh đến cùng”, Báo Nhân dân, ngày 7 tháng 4 năm 1951, tr.1.
 195. Phạm Nguyên Long: *Một số vấn đề về liên minh ba nước Đông Dương*, Tài liệu lưu tại Viện nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy), số ký hiệu: TL-493.
 196. Phạm Sang: *Hồ Chí Minh với cách mạng giải phóng dân tộc ở Lào*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, 1994.
 197. Phạm Thị Hồng Thanh: “Quan hệ thương mại Việt Nam - Lào”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 46/2002, tr.30-35.
 198. Phạm Đức Thành: “Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 3 (66)/2004, tr.3-10.
 199. Phan Linh (tức Phan Dị): *Hồi ký về phong trào cách mạng ở Lào*. Lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
 200. Phan Đình: *Cuộc vượt ngục kỳ diệu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009.

201. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960 - 1964.
202. Phan Thượng Hiền: “Về quy luật liên minh ba nước Đông Dương”, Tạp chí *Cộng sản*, số 2, 1987, tr.97-102.
203. Phăn Khăm Vi Pha Vành: “Nhân dân Lào coi cán bộ chiến sĩ tình nguyện Việt Nam như người con ưu tú của mình” trong Hội thảo Khoa học quốc tế “*Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Lào*”, Viên Chăn, tháng 7 năm 2007, tr.1-4.
204. Phòng tổng kết chiến tranh - Bộ Quốc phòng nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào: *Ghi chép những sự kiện lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc*, quyển 1 (1945 - 1954), Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy), số ký hiệu: TL-1045.
205. Phumi Vôngvichít: *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất nước Lào* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
206. *Quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
207. *Quân khu IV - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990.
208. *Quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia 1948 - 1954*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.
209. *Quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1954 - 1975)*, Hồ sơ 781, TK-937, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.
210. *Quốc dân Đại hội Lào, một thắng lợi chung của ba dân tộc Việt - Miên - Lào, Liên minh đoàn kết chiến đấu đời đời bền vững*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1984.
211. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*,

- Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1963.
212. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962.
 213. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Bản dịch, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.
 214. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Bản dịch của Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1965.
 215. Quyết định của Bộ Chính trị số 35 QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1987 Về đổi mới phương thức quan hệ giữa Đảng ta với Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, Tài liệu lưu tại kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
 216. Xômsixayvang: *Mối quan hệ giữa hai mặt trận - một nhân tố lớn thắt chặt hai Đảng, hai dân tộc và nhân dân hai nước Việt - Lào*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á (bản đánh máy 9 trang), số ký hiệu: TL-1203(8).
 217. *Sự kiện về quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Lào từ cuối năm 1954 đến năm 1964*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.
 218. *Sự kiện quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường 65 - 75*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-934.
 219. Thoả thuận giữa Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hoá qua lại biên giới giữa hai nước, Cửa Lò, Nghệ An, ngày 23 tháng 8 năm 1999.
 220. Thoả thuận giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện,

hàng hoá qua lại biên giới và khuyến khích phát triển hợp tác thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Lào, Viêng Chăn, ngày 13 tháng 8 năm 2002.

221. Thoả thuận về quy chế tài chính và quản lý các dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, ngày 9 tháng 3 năm 1998.
222. *Tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào. Truyền thống và triển vọng* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
223. *Tình hình, chủ trương, phương hướng của cách mạng Lào. Nội dung cách giúp Lào của chuyên gia ta*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4380.
224. *Tóm tắt những ý kiến đã nhất trí giữa hai Đảng Việt Nam - Lào (5.67)*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4560.
225. *Tổ chức và xây dựng các lực lượng tình nguyện Việt Nam hoạt động chiến đấu ở Lào (1945 - 1954)*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, số ký hiệu: TK-4410.
226. *Tổng kết chiến tranh nhân dân ở Lào chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng (1945 - 1975)*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.
227. *Tổng kết lực lượng vũ trang Việt Nam chiến đấu ở Lào trong chiến tranh giải phóng (45 - 75)*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-775.
228. Tổng kết về việc thực hiện kế hoạch hợp tác và giúp đỡ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho Lào trong năm 2001 - 2002 và kế hoạch hợp tác nông nghiệp và lâm nghiệp với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

229. Trao đổi ý kiến giữa đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Cayxôn ngày 3.4.73. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4828.
230. Trần Văn Quý: “Tư liệu lịch sử về quan hệ Việt - Lào mới phát hiện ở Quy Hợp, Hương Khê, Nghệ Tĩnh” trong Viện Nghiên cứu văn hóa Lào - Viện Nghiên cứu Đông Nam á: *Quan hệ lịch sử Việt - Lào qua tư liệu Quy Hợp* (TK. XVII-XIX), (bằng ba ngữ: Hán Nôm, Việt và Lào), The Toyota Foundation tài trợ, Viêng Chăn, 2000.
231. Trần Xuân Cầu: “Cách mạng tháng Tám ở Lào 1945”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4, 1975, tr. 15-20.
232. Trần Công Hàm: *Quan hệ đoàn kết, hợp tác liên minh chiến đấu Việt - Lào trong thế kỷ XX*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam á, số ký hiệu: TL-1203(7).
233. Trần Bảo Minh: *Thủy điện Lào - Tiềm năng và triển vọng hợp tác*, Tư liệu Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Hà Nội, 1995.
234. Trần Bảo Minh: “Thực hiện hợp tác giúp đỡ của Việt Nam dành cho Lào”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam á*, số 4 (55)/2002, tr.38-43.
235. Trần Công Tấn: *Hoàng thân Xuphanuvông và đất nước Triệu voi*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1995.
236. Trần Cao Thành: “Quan hệ Việt Nam - Lào” trong Vũ Dương Ninh (chủ biên): *Việt Nam - ASEAN – Quan hệ đa phương và song phương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.193-244.
237. Trung tướng Doãn Tuế: *Kể về đồng đội*, Hồi ký, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
238. Từ Thanh Thủy: “Tình hình trao đổi hàng hoá của Việt Nam qua các cửa khẩu và biên giới Cộng hoà Dân chủ Nhân dân

- Lào”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 5/1998, tr.67-70.
239. *Tự kiểm thảo của Ban Cán sự miền Tây qua hai năm giúp bạn*. Thư viện Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4449.
240. Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: *Biên bản kỳ họp hàng năm từ 1996 đến 2007* (Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam).
241. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Kinh tế thế giới: *Vấn đề hợp tác kinh tế giữa các nước Đông Dương và cộng đồng xã hội chủ nghĩa*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội, 1988.
242. Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào - Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam trên chiến trường Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.
243. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội quốc gia Lào: *Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
244. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
245. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á - Bộ Thông tin Văn hoá Lào: *Hội thảo khoa học “Quan hệ Việt Nam - Lào. Hiện trạng và triển vọng”*, 2004, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
246. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á: “Cộng đồng người Việt ở Lào”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, số đặc biệt, 2007.
247. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội

- quốc gia Lào: *Hội thảo khoa học quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
248. Viện Quan hệ quốc tế - Bộ Ngoại giao Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào: *Kỷ yếu Hội thảo quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác giữa Lào và Việt Nam*, (Bản dịch tiếng Việt), Viêng Chăn, 2002.
249. *Việt - Lào hai nước chúng ta, tình sâu hơn nước Hồng Hà - Cửu Long*, Sở Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1987.
250. Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
251. Võ Bẩm: *Những nẻo đường kháng chiến*, Hồi ức, Duy Tường thể hiện, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
252. Vũ Dương Huân (Chủ biên), Nguyễn Đình Thụ, Mai Sĩ Hùng: *Quan hệ đặc biệt Việt - Lào*, Hà Nội, 2003, 131 trang.
253. Xilưa Bun Khăm: *Xây dựng và phát triển nền văn hóa thâm mỹ ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
254. Xingcapô Xikhốt Chunlamany, Khăm Ma Phôm Coong...: *Chiến đấu bảo vệ Thà Khẹt*, Tập truyện và ký, (Người dịch Hùng Phi), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.
255. Sing Thoong Singhăpănnha: *Sự giúp đỡ của Việt Nam đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Lào (1945 - 1954)*, Luận án Phó tiến sĩ lịch sử, Thư viện Quốc gia, Hà Nội, 1991, số ký hiệu: L-3587.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

256. Adams, Nina S., McCoy, Alfred W., eds. (1970): *Laos: War*

- and Revolution*, Harper Colophon Book Series, CN 221, New York, Harper and Row.
257. Brown, MacAlister, Zasloff, Joseph J. (1986): *Apprentice Revolutionaries: The Communist Movement in Laos 1930 - 1985*, Hoover Institution Press, Stanford University, Stanford California.
258. C. Gunn Geoffrey: *Political Struggle in Laos (1930 - 1954) Vietnamese Communist Power and the Lao Struggle for National Independence*, Editions Duang Kamol, Siam Square, Bangkok, Thailand, 1988.
259. Centre d'Histoire et Civilisation de la Péninsule Indochinoise (1994): *Les Recherches en Sciences Humaines sur le Laos*, Actes de la Conférence Internationale organisée à Vientiane, Paris, 7 - 10 Décembre 1993.
260. Chi Do Pham (ed.): *Economic Reform in the Lao PDR: Current Trends and Perspectives*, IMF Resident Representative Office in Vientiane, 1992.
261. Evans, Grant: *Lao Peasants under Socialism*, Yale University Press, New Heaven and London, 1990.
262. Evans, Grant (ed.): *Laos Culture and Society*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 2000.
263. Geoffrey C. Gun: *Political Struggles in Laos (1936 - 1954)*, Edition Duang Kamol, Siam Square, Bangkok, Thailand, 1988.
264. Goscha Christopher E: "Vietnam and the world outside the case of Vietnamese communist advisers in Laos (1948 - 1962)", *South East Asia Research*, London, Volume 12, Number 2, July 2004, pp. 141-185.
265. Grant Evans: *A Short History of Laos: the Land in between*, Silkworm Books, Thailand, 2002.

266. Langer, Paul F. and Zasloff, Joseph J.: *North Vietnam and the Pathet Lao: Partners in the Struggle for Laos*, Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1970.
267. Lao National Front for Construction: *The Ethnic Groups in Lao PDR*, Vientiane, Printed by Department of Ethnic; Sponsored by Canada Fund for Local Initiatives, 2005.
268. Le Résident Supérieur au Tonkin (1930): *Note No 126-SCB, A.S manifestations communistes pour le 1^{er} Mai 1930*, Hanoi, Lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
269. Mission Pavie: *Histoire du pays de Lan Chang Hom Khao, études diverses*, Paris, 1898, t. 2.
270. Savèng Phinith (ed.): *Histoire du pays Lao, de la Préhistoire à la République*, L'Harmattan, Paris, 1998.
271. Taillard, Christian: *Le Laos, Stratégies d'un état-tampon*, G.I.P. RECLUS, Montpellier, 1989.
272. Toye, Hugh : *Laos: Buffer State or Battleground?*, London, Oxford University Press, 1968.
273. Vatthana Pholsena: *Post-war Laos the Politics of Culture, History and Identity*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 2006.
274. Zasloff, Joseph J.: *Unger Leonard, Laos: Beyond the Revolution*, MacMillan Academic and Professional Ltd, Hong Kong, 1991.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu Công trình biên soạn “Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)”</i>	XI
<i>Lời giới thiệu</i>	XIX
 <i>Phần thứ nhất</i>	
DUỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, NHÂN DÂN HAI NƯỚC VIỆT NAM VÀ LÀO PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT, ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 - 1945)	1
<i>Chương I: Những cơ sở hình thành quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam</i>	3
<i>Chương II: Nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào nương tựa lẫn nhau đấu tranh giành độc lập, tự do (1930 - 1945)</i>	32
 <i>Phần thứ hai</i>	
LIÊN MINH VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)	111
<i>Chương III: Hợp tác, giúp nhau kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ ngày 16 tháng 10 năm 1945 đến tháng 12 năm 1950)</i>	113

<i>Chương IV:</i> Tăng cường liên minh chiến đấu, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951 - 1954)	200
<i>Chương V:</i> Phối hợp đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ, chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, thiết lập quan hệ ngoại giao (1954 - 1962)	294
<i>Chương VI:</i> Phát triển liên minh chiến đấu, đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi hoàn toàn (1963 - 1975)	396
<i>Phần thứ ba</i>	
QUAN HỆ ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT, HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN 2007	525
<i>Chương VII:</i> Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn khảo nghiệm, mở đường đổi mới (1976 - 1986)	527
<i>Chương VIII:</i> Quan hệ đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (1986 - 2007)	615
<i>Phần thứ tư</i>	
THÀNH QUẢ, BÀI HỌC VÀ TRIỂN VỌNG	733
<i>Chương IX:</i> Thành quả, ý nghĩa và bài học lịch sử của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam	735
<i>Chương X:</i> Phần đầu đưa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên tầm cao mới	834
KẾT LUẬN	875
TÀI LIỆU THAM KHẢO	884

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung:	BÙI HỒNG THUÝ NGUYỄN KIM NGÀ PHẠM NGỌC BÍCH
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	ĐÀO THỊ BÍCH
Sửa bản in:	BAN SÁCH QUỐC TẾ
Đọc sách mẫu:	PHẠM NGỌC BÍCH

Mã số: CTQG - 2011

In... cuốn, khổ 16x24 cm, tại...
Số đăng ký kế hoạch xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2011.

